BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2025



An Giang, ngày 10 tháng 04 năm 2026





Lễ mở bán dự án Lam Sơn Sao Vàng ngày 29/03/2026

THƯ NGỎ

CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TẬP ĐOÀN SAO MAI

Kính gửi **Quý cổ đông, Quý đối tác và toàn thể cán bộ nhân viên,**

Năm 2025 là một năm nhiều thách thức đối với nền kinh tế Việt Nam khi môi trường kinh doanh biến động, đặc biệt là những thay đổi về chính sách và thị trường bất động sản. Tuy nhiên, bằng bản lĩnh, kinh nghiệm và sự đoàn kết, Tập đoàn Sao Mai đã giữ vững nền tảng hoạt động, chủ động thích ứng và kiểm soát hiệu quả loại trừ các yếu tố rủi ro.

Những khó khăn mang tính chu kỳ đã được nhận diện rõ và đang từng bước được tháo gỡ. Quan trọng hơn, các dự án trọng điểm vẫn được duy trì triển khai, tạo nền tảng vững chắc cho giai đoạn tăng trưởng mới.

Bước sang năm 2026, Tập đoàn Sao Mai bước vào chu kỳ phục hồi và tăng tốc mạnh mẽ. Các dự án bất động sản trọng điểm bắt đầu ghi nhận tín hiệu tích cực; lĩnh vực thủy sản tiếp tục phát huy lợi thế chuỗi giá trị khép kín; các mảng du lịch và năng lượng duy trì vai trò ổn định, bổ trợ cho tăng trưởng dài hạn. Chúng tôi tin tưởng rằng các chỉ tiêu tài chính và hiệu quả hoạt động sẽ được cải thiện rõ nét trong năm nay.

Hội đồng Quản trị cam kết tiếp tục nâng cao chất lượng quản trị, tối ưu nguồn lực, minh bạch trong điều hành và kiên định mục tiêu phát triển bền vững, nhằm gia tăng giá trị lâu dài cho cổ đông.

Chúng tôi trân trọng cảm ơn sự đồng hành và tin tưởng của Quý Cổ đông, Quý Đối tác và toàn thể Cán bộ Nhân viên. Đây chính là nền tảng vững chắc để Tập đoàn Sao Mai tiếp tục phát triển mạnh mẽ hơn trong chặng đường phía trước.

Kính chúc Quý vị sức khỏe, hạnh phúc và thành công!

Trân trọng,



Chủ tịch

Lê Văn Thành







Toàn cảnh Lamori Resort Thanh Hóa

MỤC LỤC

THƯ NGỎ **3**
A. GIỚI THIỆU VỀ SAO MAI GROUP **7**
I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT 7
II. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH 8
III. MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ 9
1. Mô hình quản trị: *9*
2. Cơ cấu bộ máy quản lý *10*
3. Các chi nhánh, công ty con, công ty liên kết: *11*
IV. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN 12
1. Các mục tiêu chủ yếu của Tập đoàn *12*
2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn: *13*
V. CÁC RỦI RO 14
B. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM **15**
I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 15
1. Kết quả hoạt động sản xuất trong năm: *15*
2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch: *15*
II. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ 17
1. Danh sách Ban điều hành *17*
2. Những thay đổi trong ban điều hành: Không có. *22*
3. Số lượng cán bộ, nhân viên *23*
III. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN TRONG NĂM 2025 24
1. Tình hình đầu tư trong năm 2025: *24*
2. Tình hình pháp lý các dự án theo định hướng phát triển trong các năm tiếp theo: *25*
3. Tình hình hoạt động và tài chính của các công ty con, công ty liên kết *30*
IV. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TẬP ĐOÀN 65
1. Tình hình tài chính *65*
2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu (BCTC hợp nhất) *65*
V. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU 66
1. Cổ phần *66*
2. Cơ cấu cổ đông: *66*
3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu *67*
4. Giao dịch cổ phiếu quỹ *71*
5. Các chứng khoán khác: *71*
VI. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI **72**
1. Tác động lên môi trường *72*
2. Tiêu thụ năng lượng và nước *72*
3. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường *73*
4. Chính sách liên quan đến người lao động *73*
5. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm với cộng đồng địa phương *74*
6. Cam kết phát triển bền vững và trách nhiệm xã hội *77*
C. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC **78**
I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 78
1. Tình hình hoạt động kinh doanh: *78*
2. Những tiến bộ Công ty đã đạt được *82*
II. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH 83
1. Tài sản: *83*
2. Nợ phải trả: *83*
3. Hiệu quả sử dụng vốn: *83*

III. NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ 83
IV. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI 85
1. MỤC TIÊU CHUNG: 85
2. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN: 85
3. ĐỊNH HƯỚNG CỤ THỂ TỪNG LĨNH VỰC NHƯ SAU: 86
3.1. Bất động sản: *86*
3.2. Thương mại - thủy sản: *86*
3.3. Ngành Du lịch - Dịch vụ: *87*
3.4. Năng lượng sạch *88*
CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH KINH DOANH HỢP NHẤT CỦA TỪNG ĐƠN VỊ NĂM 2026 ... 89
V. GIẢI TRÌNH CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN: KHÔNG CÓ 90
VI. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY **90**
1. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường *90*
2. Đánh giá liên quan đến vấn đề lao động *90*
3. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương *90*
D. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN SAO MAI **91**
I. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN 91
1. Hiệu quả sản xuất kinh doanh: *91*
2. Tình hình đầu tư *91*
3. Trách nhiệm với môi trường và xã hội: *92*
3.1 Trách nhiệm với nhân viên và cộng đồng *92*
3.2. Cam kết bảo vệ môi trường *92*
3.3. Đóng góp cho cộng đồng *92*
II. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC 92
III. CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 93
E. QUẢN TRỊ TẬP ĐOÀN **94**
I. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ: 94
1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: *94*
2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: không có *95*
3. Hoạt động của Hội đồng quản trị: *95*
II. BAN KIỂM SOÁT 99
II.1. Thành viên Ban kiểm soát: *99*
II.2. Hoạt động của Ban kiểm soát: *100*
III. BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ 101
1. Thành viên và cơ cấu Ban kiểm toán nội bộ: *101*
2. Hoạt động của Ban kiểm toán nội bộ: *101*
IV. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM TOÁN, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC 102
1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích: *102*
2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: *102*
3. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: *102*
4. Việc thực hiện các quy định về quản trị Tập đoàn Sao Mai: *102*
F. BÁO CÁO TÀI CHÍNH **103**

A. GIỚI THIỆU VỀ SAO MAI GROUP

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

- Tên đầy đủ: **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN SAO MAI.**
- Tên viết tắt: TẬP ĐOÀN SAO MAI
- Tên viết tắt bằng tiếng nước ngoài: Sao Mai Group Corporation.
- Biểu tượng:
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 1600169024 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh An Giang cấp lần đầu ngày 05/03/1997, đăng ký thay đổi lần thứ 36 ngày 25/11/2025.
- Vốn điều lệ: 4.071.941.830.000 đồng
- Vốn đầu tư chủ sở hữu: 4.071.941.830.000 đồng.
- Địa chỉ: 326 Hùng Vương, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang.
- Điện thoại: 0296 3840 138 Fax: 0296 3840 139.
- Website: saomaigroup.com
- Email: info@saomaigroup.com
- Mã cổ phiếu: **ASM**
- **Quá trình hình thành và phát triển:**

  Tiền thân của Tập đoàn Sao Mai (trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư & Xây dựng Sao Mai tỉnh An Giang) là Công ty liên doanh Kiến trúc tỉnh An Giang, được thành lập theo Quyết định số 000450/GP/TLDN-03 ngày 05/02/1997 của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh An Giang, với vốn điều lệ ban đầu là 905.000.000 đồng.

  Ngày 24/12/2009, Cổ phiếu công ty được niêm yết và giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh với số lượng là 9.912.600 cổ phiếu, tương ứng giá trị cổ phiếu niêm yết là 99.126.000.000 VNĐ, ngày giao dịch chính thức là ngày 18/01/2010.

  Trong quá trình phát triển, Công ty đã 14 lần tăng vốn điều lệ, từ lúc thành lập 905.000.000 đồng, đến nay đã lên 4.071.941.830.000 đồng.

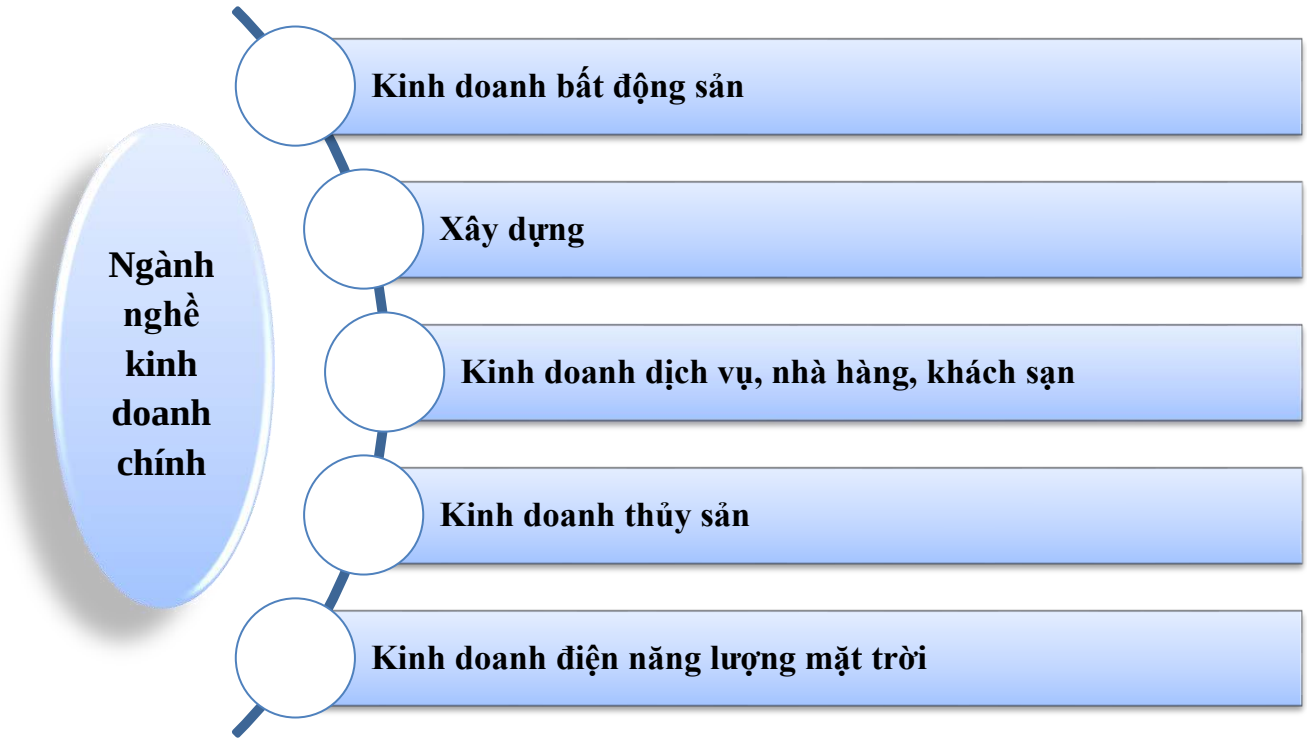
– **Danh hiệu & giải thưởng:**

Với những tiến bộ và thành quả đạt được trong quá trình phát triển, Tập đoàn Sao Mai ngày càng khẳng định được thương hiệu của mình trên thị trường và hằng năm đều được vinh dự đón nhận nhiều giải thưởng uy tín:

- Huân chương Lao động của Chủ tịch nước về thành tích xuất sắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác xã hội từ thiện;
- Bằng khen, Cờ thi đua của UBND tỉnh;
- Nhiều năm liền Tập đoàn có mặt trong: TOP 50 doanh nghiệp kinh doanh hiệu quả nhất thời Covid; Năm 2020 đứng 46 trong TOP 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam; xếp hạng 4 trong Top 10 doanh nghiệp dẫn đầu năng lượng sạch…Đặc biệt năm 2022 Sao Mai nằm trong Top 10 bảng xếp hạng 500 doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam (FAST500); Top 100 doanh nghiệp lợi nhuận tốt nhất Việt Nam (PROFIT500). Từ năm 2017 đến năm 2025 Sao Mai liên tiếp nằm trong Top 500 doanh nghiệp lợi nhuận tốt nhất Việt Nam.

II. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

1. Ngành nghề kinh doanh



2. Địa bàn hoạt động:

Địa bàn kinh doanh của Sao Mai mở rộng ở các tỉnh, thành: An Giang, Đồng Tháp, Cần Thơ, Kiên Giang (nay là An Giang), Cà Mau, Bến Tre (nay là Vĩnh Long), Long An (nay là Tây Ninh), Tp Hồ Chí Minh, Đắk Nông (nay là Lâm Đồng), Bà Rịa Vũng Tàu (nay là TP.HCM), Hòa Bình (nay là Phú Thọ), Thanh Hóa.



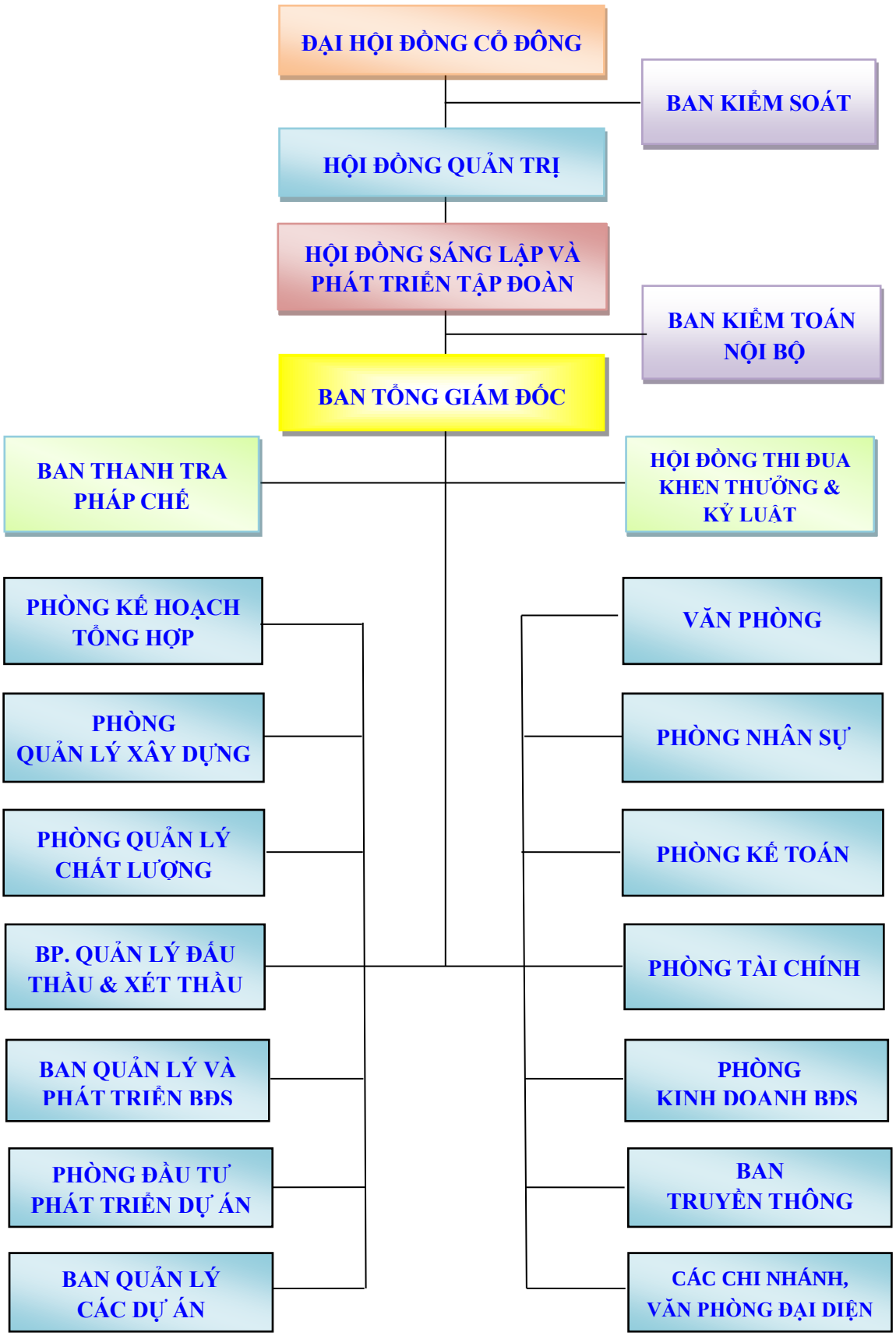
III. MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

1. Mô hình quản trị:

Mô hình quản trị Tập đoàn Sao Mai bao gồm: Đại hội Đồng cổ đông; Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị; Ban Điều hành đứng đầu là Tổng Giám đốc.

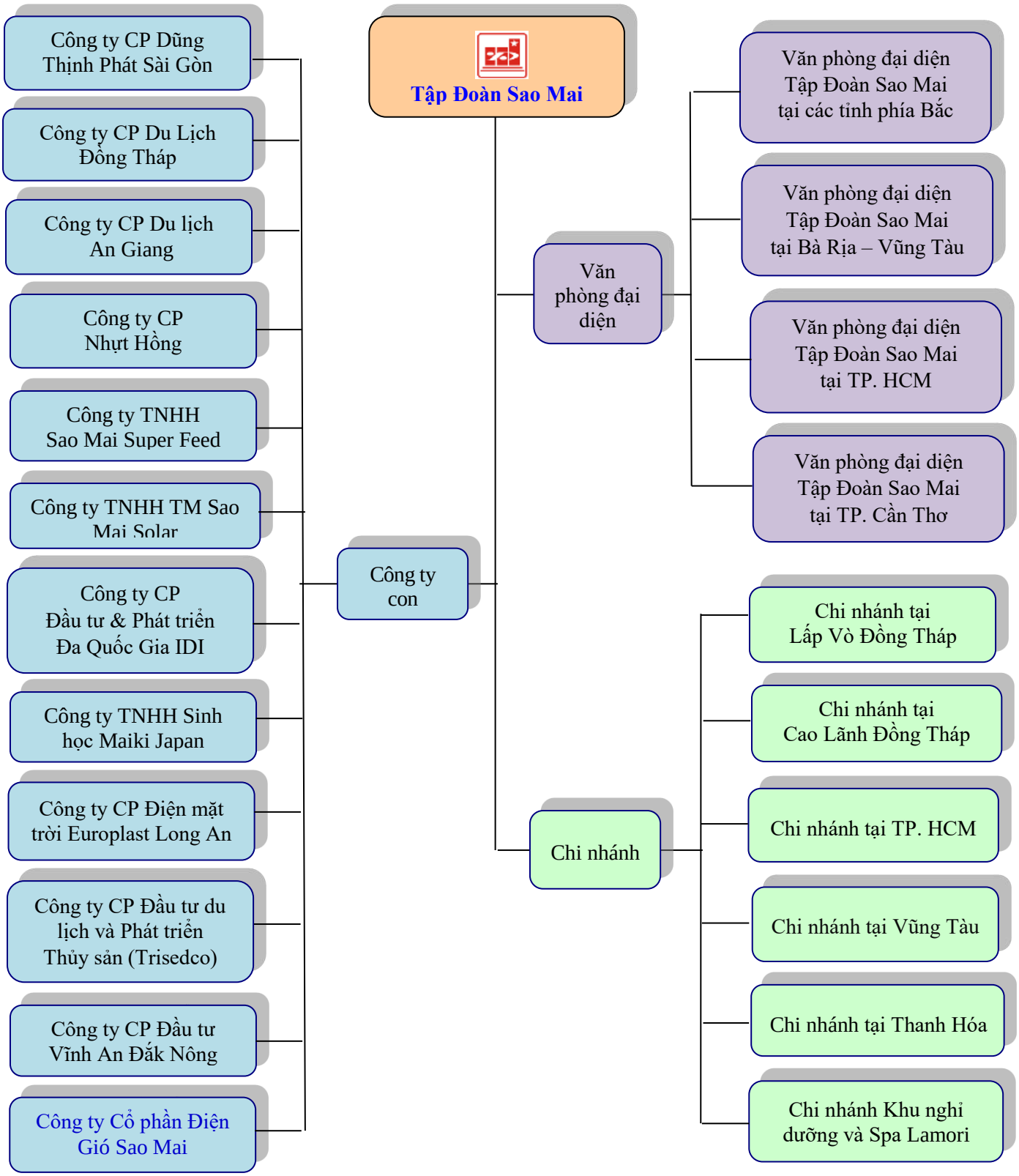
2. Cơ cấu bộ máy quản lý

Cơ cấu tổ chức của Tập đoàn được xây dựng trên nguyên tắc phân công quản lý công việc theo các bộ phận chức năng. Tổng Giám đốc sẽ điều hành, quản lý thông qua việc phân cấp, phân quyền cho các Trưởng phòng để trực tiếp giải quyết công việc của từng phòng.



3. Các chi nhánh, công ty con, công ty liên kết:

Để tinh gọn lại bộ máy tổ chức của công ty, trong năm 2025, Sao Mai đã chấm dứt hoạt động của VPĐD Hòa Bình, chi nhánh Cà Mau và chi nhánh bệnh viện Quốc tế Sao Mai. Song song đó, nhằm phát triển lĩnh vực năng lượng tái tạo, Sao Mai đã góp vốn thành lập thêm 1 công ty con. Hiện tại Tập đoàn Sao Mai còn 4 văn phòng đại diện, 6 chi nhánh, 12 công ty con (Sao Mai góp vốn trực tiếp vào 10 công ty, góp vốn gián tiếp vào 02 công ty). Sơ đồ tổ chức của Tập đoàn Sao Mai:

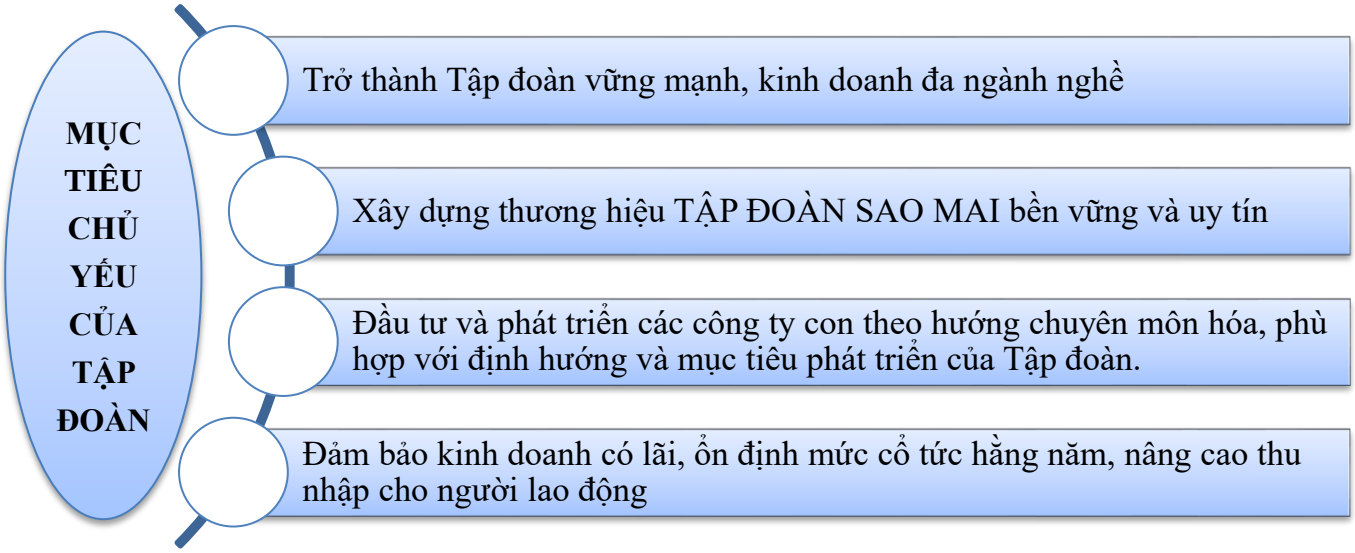


TỶ LỆ SỞ HỮU CỦA SAO MAI TẠI CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Số tiền Sao Mai đã đầu tư (VND)
1	Công ty cổ phần Dũng Thịnh Phát Sài Gòn	66,00%	66,00%	33.000.000.000
2	Công ty CP Du Lịch Đồng Tháp	86,76%	86,76%	68.391.109.800
3	Công ty CP Du Lịch An Giang	71,82%	71,82%	159.230.701.599
4	Công ty CP Nhựt Hồng	60,00%	60,00%	167.991.740.000
5	Công ty TNHH Sao Mai Super Feed	100,00%	100,00%	400.000.000.000
6	Công ty TNHH TM Sao Mai Solar	100,00%	100,00%	20.000.000.000
7	Công ty CP Đầu tư và phát triển Đa Quốc Gia IDI	51,23%	51,23%	997.398.163.912
8	Công ty TNHH Sinh học Maiki Japan	51,00%	51,00%	8.670.000.000
9	Cty CP Điện Mặt Trời EUROPLAST Long An	86,40%	95,67%	402.500.000.000
10	Công ty CP Đầu tư Du lịch và Phát triển Thuỷ sản	43,95%	82,67%	Sở hữu gián tiếp
11	Công ty CP Đầu tư Vĩnh An Đắk Nông (công ty con của IDI)	49,94%	97,50%	Sở hữu gián tiếp
12	Công ty Cổ phần Điện Gió Sao Mai	75,00%	75,00%	7.500.000.000

IV. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

1. Các mục tiêu chủ yếu của Tập đoàn



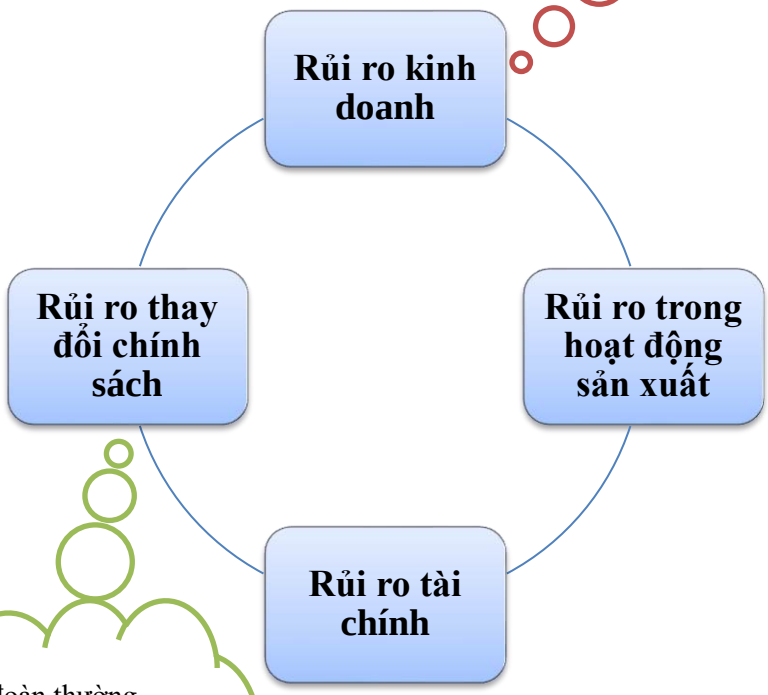
2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- **Về tổ chức, nhân sự**
  - Xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, năng động, sáng tạo, tạo điều kiện và cơ hội phát triển cho tất cả nhân viên.
  - Xây dựng chế độ tiền lương, thưởng và phụ cấp phù hợp hơn để động viên, khuyến khích người lao động hăng say làm việc và gắn bó lâu dài với Tập đoàn.
  - Phát triển nguồn nhân lực kế thừa với trình độ chuyên môn sâu, rộng.
  - Củng cố nâng cao công tác quản trị, nâng cao tính minh bạch trong hoạt động của Tập đoàn.
  - Phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng, tổ chức đoàn thể giúp Tập đoàn vượt qua những khó khăn, thách thức để hoàn thành nhiệm vụ đề ra.
- **Về đầu tư, kinh doanh**
  - Phát huy các thế mạnh sẵn có về năng lực, vị trí địa lý, từng bước phát triển các khu đô thị của Sao Mai có kiến trúc hiện đại thể hiện đẳng cấp của những khu đô thị loại I.
  - Phát triển từng bước bền vững, hỗ trợ các công ty liên kết đầu tư theo mô hình khép kín; nghiên cứu đầu tư phát triển sản phẩm có giá trị gia tăng cao.
  - Đẩy mạnh phát triển du lịch, du lịch nghỉ dưỡng, kinh doanh nhà hàng khách sạn.
  - Phát triển lĩnh vực y tế.
  - Phát triển lĩnh vực năng lượng sạch.
- **Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng**
  - Nâng cao ý thức trách nhiệm với cộng đồng: bảo vệ môi trường, xây dựng môi trường sống xanh, sạch, đẹp; chấp hành tốt quy trình xử lý nước thải trong sản xuất; đảm bảo an toàn lao động cho người công nhân.
  - Chăm lo bảo vệ sức khỏe cho người lao động. Phong trào "Nói không với thuốc lá" được thực hiện có hiệu quả và triệt để.
  - Thực hiện tốt công tác xã hội từ thiện: Đóng góp quỹ từ thiện vì người nghèo; quỹ đền ơn đáp nghĩa và quỹ môi trường, an sinh học đường; Tặng nhà tình nghĩa cho các hộ nghèo ở địa phương; Tham gia chương trình ăn tết với người nghèo, trẻ em cơ nhỡ, những gia đình khó khăn ở các vùng bị ảnh hưởng thiên tai, dịch bệnh.

V. CÁC RỦI RO

Biến động về giá bán tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.

--> Sao Mai luôn có chính sách giá bán linh hoạt, điều chỉnh đúng lúc, phù hợp với tình hình thị trường từng thời điểm



Biến động giá đầu vào cũng ảnh hưởng rất lớn đến kết quả kinh doanh của Doanh nghiệp.

➔ Xây dựng định mức hợp lý, kiểm tra, giám sát chặt chẽ

➔ Đối với BĐS: xây dựng phương án bồi thường, lựa chọn thời điểm thích hợp để triển khai dự án.

➔ Tập đoàn thường xuyên cập nhật các văn bản luật mới nhằm giảm thiểu rủi ro khi có thay đổi chính sách ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh

- Biến động lãi suất: → Công ty lựa chọn những tổ chức tín dụng lớn có mức lãi suất cho vay thấp và ổn định để vay, kết hợp với việc sử dụng vốn vay đúng mục đích và hiệu quả.
- Biến động tỷ giá: ảnh hưởng đến Doanh thu tài chính nhưng ít do Công ty ít có nhập khẩu.
- Rủi ro thanh toán: mất cân đối thu chi sẽ ảnh hưởng đến hoạt động của Tập đoàn, có thể dẫn đến ngừng sản xuất → Tập đoàn luôn quan tâm đến việc cân đối các nguồn sao cho an toàn và hiệu quả.

B. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

1. Kết quả hoạt động sản xuất trong năm:

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh riêng năm 2025



Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất năm 2025



2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu trên BCTC hợp nhất	*Thực hiện 2024*	*Năm 2025*		*TH2025/ TH2024*	*TH2025/ KH2025*
		Kế hoạch	*Thực hiện*		
1. Doanh thu thuần	**12.013**	**13.600**	**11.317**	94,2%	83,2%
- *Bất động sản*	*68*	*280*	76	112,5%	27,3%
- *Thương mại và thủy sản*	*10.948*	*12.280*	10.235	93,5%	83,3%
- *Dịch vụ, khách sạn*	*211*	*260*	240	113,9%	92,4%
- *Năng lượng*	*786*	*780*	765	97,4%	98,1%
2. Lợi nhuận sau thuế TNDN	**251**	**700**	**137**	54,4%	19,5%
3. Vốn điều lệ	3.702	4.072	4.072	110,0%	100,0%

Năm 2025, doanh thu thuần đạt **11.317 tỷ đồng**, tương đương **94,2% so với thực hiện năm 2024** và đạt **83,2% kế hoạch năm**. Điều này cho thấy tổng doanh thu của Tập đoàn giảm nhẹ so với năm trước và chưa đạt mục tiêu đề ra, phản ánh tình hình kinh doanh còn nhiều khó khăn, đặc biệt trong một số lĩnh vực kinh doanh chủ lực. Trong đó, **Thương mại và thủy sản** tiếp tục là lĩnh vực đóng góp doanh thu lớn nhất với **10.235 tỷ đồng**, đạt **93,5% so với năm 2024** và 83.3% so với kế hoạch. Riêng về xuất khẩu năm 2025 đạt 3.258 tỷ đồng, tăng 15,2% so với năm 2024 – cho thấy xuất khẩu vẫn duy trì tăng trưởng tốt. **Bất động sản** đạt **76 tỷ đồng**, tăng so với năm 2024 nhưng mới đạt **khoảng 27,3% kế hoạch**, nguyên nhân do thay đổi thời điểm mở bán dự án Lam Sơn sang năm 2026 nên việc ghi nhận doanh thu của dự án chưa đúng kế hoạch đề ra. **Dịch vụ, khách sạn** đạt 240 tỷ đồng, tuy chỉ đạt 92,4% so với kế hoạch nhưng tăng so với năm 2024 là 13,9**%**, cho thấy hoạt động du lịch – dịch vụ đã có tín hiệu khởi sắc hơn. **Mảng năng lượng** đạt 765 tỷ đồng, tiếp tục là lĩnh vực mang lại nguồn thu ổn định cho Tập đoàn.

Lợi nhuận sau thuế đạt **137 tỷ đồng**, bằng **54,4% so với năm 2024** và **19,5% kế hoạch năm**. Mức lợi nhuận giảm mạnh chủ yếu do doanh thu lĩnh vực Bất động sản chưa đạt kế hoạch, đồng thời chi phí tài chính và chi phí quản lý doanh nghiệp vẫn ở mức cao.

Nhìn tổng thể, năm 2025 là giai đoạn Tập đoàn tập trung củng cố nền tảng, duy trì ổn định hoạt động trong điều kiện thị trường còn nhiều thách thức. Các lĩnh vực thương mại và năng lượng tiếp tục đóng vai trò trụ cột, trong khi bất động sản và du lịch từng bước phục hồi, tạo nền tảng cho chu kỳ tăng trưởng mới trong những năm tiếp theo



Đoàn Lãnh đạo tỉnh Thanh Hóa đến thăm và làm việc với Tập đoàn Sao Mai ngày 17–18/03/2026,

II. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

1. Danh sách Ban điều hành

HỌ TÊN	CHỨC DANH
1. Lê Tuấn Anh	Tổng Giám đốc
2. Nguyễn Văn Hung	Phó Tổng Giám đốc
3. Lê Văn Chung	Phó Tổng Giám đốc
4. Lê Văn Thành	Phó Tổng Giám đốc
5. Lê Xuân Quế	Phó Tổng Giám đốc
6. Trương Vĩnh Thành	Phó Tổng Giám đốc
7. Lê Thị Phượng	Phó Tổng Giám đốc
8. Lê Nguyễn Hoàng Anh Duy	Phó Tổng Giám đốc
9. Trương Công Khánh	Giám đốc tài chính
10. Ngô Thị Tố Ngân	Kế toán trưởng



Tổng Giám đốc
Tập đoàn Sao Mai

Ông Lê Tuấn Anh sinh năm 1994, tại An Giang, tốt nghiệp cử nhân Quản trị kinh doanh và Thạc sĩ kinh tế đầu tư.

Từ năm 2016, ông làm Trợ lý Tổng Giám đốc Tập đoàn Sao Mai kiêm Trợ lý Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia (IDI.);

Từ tháng 07/2017, ông được bổ nhiệm thêm chức Tổng Giám đốc Công ty TNHH Sao Mai Super Feed; kiêm Tổng Giám đốc Công ty TNHH Thương mại Sao Mai Solar;

Năm 2019: ông kiêm nhiệm Giám đốc Công ty Cổ phần Điện mặt trời Europlast Long An;

Tháng 07/2021: Ông được bầu làm Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn Sao Mai.

Từ ngày 20/04/2023 đến nay, ông Tuấn Anh giữ chức Tổng Giám đốc Tập đoàn Sao Mai

Chức vụ hiện nay: Tổng Giám đốc Tập đoàn Sao Mai; Chủ tịch HĐQT Công ty CP Điện mặt trời Europlast Long An, Phó Chủ tịch HĐQT công ty CP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia IDI.

Hiện nay Ông Tuấn Anh đang nắm giữ 45.860.558 cổ phần của Tập đoàn Sao Mai, tương đương 11,26% vốn điều lệ.

Ông Nguyễn Văn Hung sinh năm 1954 tại Đồng Tháp.

Ông công tác tại Phòng chính trị Tỉnh đội An Giang từ năm 1975.

Năm 1989 Ông được bổ nhiệm làm Trưởng phòng tổ chức Sở Kinh tế đối ngoại tỉnh An Giang;

Năm 1995, Ông được bổ nhiệm làm Thanh tra Sở Thương mại Du lịch tỉnh An Giang.

Năm 1997, Ông góp vốn thành lập và điều hành Tập đoàn Sao Mai.

Đến nay, ông Hung đang giữ chức Phó chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn Sao Mai.

Hiện nay ông Hung đang sở hữu 629.986 cổ phần của Tập đoàn Sao Mai, tương đương 0,15 % vốn điều lệ.



Phó chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn Sao Mai



Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn Sao Mai

Ông Lê Văn Chung sinh năm 1964 tại Triệu Sơn, Thanh Hóa.

Từ năm 1984, Ông công tác tại Xí nghiệp Liên hiệp Đường sắt Huế.

Năm 1987, Ông Chung làm việc tại Cộng Hòa Dân Chủ Đức.

Đến năm 1991, Ông trở về Việt Nam và công tác tại Công ty liên doanh kiến trúc An Giang.

Ông được bổ nhiệm làm Đội trưởng xây dựng Công ty Xây dựng Miền Tây vào năm 1994.

Sau đó, Ông Chung tham gia thành lập và điều hành Tập đoàn Sao Mai từ năm 1997.

Tháng 4/2023, ông được bầu làm thành viên Hội đồng sáng lập và phát triển Tập đoàn.

Hiên nay, ông Chung đảm nhiệm chức vụ Chủ tịch HĐQT Công ty CP đầu tư Du lịch & Phát triển Thủy sản; Tổng Giám đốc công ty CP Du lịch An Giang.

Hiện nay, ông Chung nắm giữ 3.199.809 cổ phần, tương đương 0,79% vốn điều lệ của Tập đoàn Sao Mai.

Ông Lê Văn Thành sinh năm 1967 ở Xuân Thịnh, Triệu Sơn, Thanh Hóa. Tốt nghiệp Kỹ sư xây dựng.

Năm 1987 ông công tác tại Trường sĩ quan Quân Sự - Sĩ Quan Quân đội Nhân dân Việt Nam;

Từ năm 1990 – 1992: Công tác tại Sư Đoàn 363 Hải Phòng;

Đến 1992 Ông công tác tại Xí Nghiệp Tây sông Hậu

Từ năm 1997: Ông bắt đầu công tác tại Tập đoàn Sao Mai;

Từ năm 2003 – 2007: Trưởng phòng kế hoạch Tập đoàn Sao Mai;

Từ năm 2007 – 2010: Trưởng phòng nhà đất Tập đoàn Sao Mai;

Từ năm 2010–2016: Trưởng phòng Quản lý bất động sản Tập đoàn Sao Mai.

Từ 01/01/2017 Ông Thành được bầu làm Phó Tổng Giám đốc Tập Đoàn Sao Mai.



Chủ tịch HĐQT
kiêm Phó Tổng Giám đốc
Tập đoàn Sao Mai

Ngày 15/04/2023: Ông Thành được bổ nhiệm làm Chủ tịch Hội đồng quản trị Tập đoàn Sao Mai. Đồng thời ông cũng được bầu làm thành viên Hội đồng sáng lập và phát triển Tập đoàn.

Ngoài ra Ông còn giữ chức vụ Thành viên HĐQT Công ty CP Nhựt Hồng;

Hiện tại, ông Thành đang nắm giữ 1.178.352 cổ phần của Tập đoàn Sao Mai, tương đương 0,29% vốn điều lệ.

Ông Lê Xuân Quế sinh năm 1968 tại Triệu Sơn, Thanh Hóa. Tốt nghiệp Cử nhân Lâm nghiệp; Cử nhân Quản trị kinh doanh; Cử nhân Kế toán.

Từ tháng 12/1992 – 05/1997, Ông làm Trưởng văn phòng đại diện Xí nghiệp xây dựng Tây Sông Hậu, trực thuộc Bộ Xây Dựng tại tỉnh Vĩnh Long.

Tháng 05/1997 – 02/2003, Ông làm Trưởng phòng kế hoạch, Giám đốc Xí nghiệp đầu tư và xây dựng Phương Nam tại tỉnh Kiên Giang.

Tháng 02/2003 – 12/2018, Ông được bổ nhiệm chức Phó Tổng giám đốc Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Sao Mai tỉnh An Giang (nay là Tập đoàn Sao Mai). Ông kiêm nhiệm chức Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản (Trisedco).



Phó Tổng Giám đốc
Tập đoàn Sao Mai

Từ tháng 12/2018 đến nay, Ông đảm nhiệm chức Phó Tổng giám đốc thứ nhất của Tập đoàn Sao Mai.

Hiện nay ông Quế đang nắm giữ 1.127.514 cổ phần của Tập đoàn Sao Mai, tương đương 0,28% vốn điều lệ.

Ông Trương Vĩnh Thành sinh năm 1977 ở Thôn Giang Nam, Phước Hiệp, Tuy Phước, Bình Định. Tốt nghiệp Kỹ sư xây dựng đại học Bách khoa TPHCM khóa 1994 - 1999.

Từ năm 1999 – 2001: Phó phòng, trợ lý Giám đốc, trưởng phòng kỹ thuật Tập đoàn Sao Mai.

Từ năm 2001 – 2004: Giám đốc Công ty Tư vấn Thiết kế Điển hình An Giang, trưởng phòng KCS, Trưởng phòng Marketing Tập đoàn Sao Mai.

Từ năm 2005 – 2007: Trưởng phòng Quản lý Đầu tư Tập đoàn Sao Mai kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư & Phát triển Đa Quốc Gia IDI.

Năm 2008 – 2011: Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia IDI.

Từ 2011 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn Sao Mai



Phó Tổng Giám đốc
Tập đoàn Sao Mai

Hiện nay, Ông Thành còn giữ chức vụ Thành viên HĐQT công ty CP Du lịch An Giang;

Hiện nay ông Thành đang nắm giữ 305.483 cổ phần của Tập đoàn Sao Mai, tương đương 0,08% vốn điều lệ.



Phó Tổng Giám đốc
Tập đoàn Sao Mai

Bà Lê Thị Phượng sinh năm 1980 tại Thanh Hóa. Năm 2004, Bà công tác tại phòng kế toán của Tập đoàn Sao Mai sau khi tốt nghiệp Đại học Kinh tế chuyên ngành kế toán.

Từ năm 2007 – 10/2015, bà Phượng được bổ nhiệm giữ chức Kế toán Trưởng của Tập đoàn Sao Mai.

Tháng 10/2015 đến nay, bà Phượng được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn Sao Mai phụ trách Tài chính.

Ngoài công việc tại Tập đoàn Sao Mai, bà Phượng còn đảm nhận làm thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Du lịch An Giang, Phó CT. HĐQT Công ty CP Điện mặt trời Europlast Long An, Trưởng Ban kiểm toán nội bộ IDI.

Hiện nay Bà Phượng đang nắm giữ 343.894 cổ phần của Tập đoàn Sao Mai, tương đương 0,08% vốn điều lệ.

Ông Lê Nguyễn Hoàng Anh Duy sinh năm 1984 ở Thoại Sơn, An Giang. Tốt nghiệp Thạc sĩ Kiến trúc sư.

Tháng 04/2016: Ông Duy làm cán bộ kỹ thuật tại Công ty CP Tư vấn và Đầu tư tài chính (ASTAR);

Tháng 12/2016: Ông được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc Công ty ASTAR.

Tháng 08/2017: Ông làm Tổng Giám đốc Công ty ASTAR;

Tháng 08/2019: Ông kiêm Giám đốc Nhà máy Điện mặt trời An Hảo;

Tháng 01/2020: Ông kiêm nhiệm Phó Giám đốc phụ trách kỹ thuật và tài chính Công ty Điện mặt trời Europlast Long An;

Tháng 07/2021 – 03/2023: Ông được bổ nhiệm thêm chức Phó Tổng Giám đốc thường trực Công ty TNHH Thương mại Sao Mai Solar;



Phó Tổng Giám đốc

Tập đoàn Sao Mai

Tháng 03/2023: Ông được bầu làm Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn Sao Mai

Chức vụ hiện nay: Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn Sao Mai kiêm Giám đốc Nhà máy Điện mặt trời An Hảo. Ông Duy không nắm giữ cổ phần của Tập đoàn Sao Mai



Giám đốc Tài chính

Tập đoàn Sao Mai

Ông Trương Công Khánh sinh năm 1987 tại Đồng Tháp, tốt nghiệp cử nhân kế toán-kiểm toán.

Từ 7/2009 - 11/2010 Ông công tác tại Ban kiểm toán nội bộ Tập đoàn kỹ nghệ gỗ Trường Thành.

Từ 12/2010 - 10/2013, Ông chuyển sang công tác tại Công ty CP Đầu tư Địa ốc và Khoán sản Châu Á kiêm kế toán viên Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia IDI.

Từ 8/2013, Ông được bầu làm Giám đốc tài chính Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia IDI.

Tháng 9/2013, Ông Khánh được bầu làm Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP Tập đoàn Sao Mai

Tháng 01/2017, Ông Khánh được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dầu Cá Châu Á.

Tháng 07/2017 – 02/03/2020: Ông làm Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng Công ty CP Tập đoàn Sao Mai

Chức vụ hiện nay: Giám đốc Tài chính Tập đoàn Sao Mai; Giám đốc tài chính Công ty IDI; Trợ lý TGĐ Tập đoàn về tài chính.

Hiện nay Ông Khánh đang nắm giữ 342.511 cổ phần của Tập đoàn Sao Mai, tương đương 0,08% vốn điều lệ.



Kế toán trưởng
Tập đoàn Sao Mai

Bà Ngô Thị Tố Ngân sinh năm 1981 tại Long An, tốt nghiệp cử nhân kế toán.

Năm 2004, công tác tại Công Ty TNHH TM Quán Xương sau khi tốt nghiệp Đại học Kinh tế chuyên ngành kế toán – kiểm toán.

Từ 2006 - 2008, kế toán tại Công Ty TNHH SX & TM Trương Vui

Từ 2008 đến 14/04/2011: Bà Ngân làm cán bộ kế toán tổng hợp Tập đoàn Sao Mai.

Từ 15/04/2011 đến 31/12/2012: Bà kiêm nhiệm chức Trợ lý TGĐ Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia IDI trong lĩnh vực tài chính, kế toán

Từ 01/01/2012 Bà đảm nhiệm chức vụ Phó phòng kế toán

Từ 02/08/2012 đến 05/01/2018 Bà kiêm nhiệm Kế toán trưởng Công ty CP Nhựt Hồng.

Ngày 02/03/2020 bà được bổ nhiệm Kế toán trưởng Tập đoàn Sao Mai. Ngoài ra, Bà Ngân còn là thành viên của Ban kiểm toán nội bộ công ty IDI.

2. Những thay đổi trong ban điều hành: Không có.



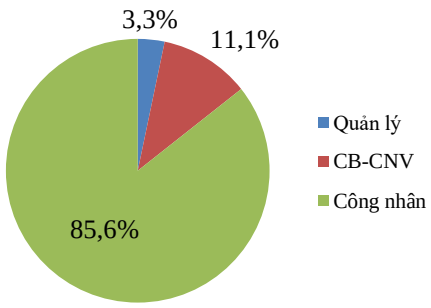
Cụm công nghiệp Vàm Cống và các nhà máy của IDI

3. Số lượng cán bộ, nhân viên

Tổng số lao động của toàn Tập đoàn Sao Mai tính bình quân trong năm 2025 gần 12.000 người. Trong đó có nhiều cán bộ ưu tú được đào tạo tại các nước phát triển, hiện đang đảm nhiệm các vị trí lãnh đạo chủ chốt tại các công ty thành viên. Do đặc thù hoạt động trong các lĩnh vực sản xuất – kinh doanh, lực lượng lao động trực tiếp của Tập đoàn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng số nhân sự. Cơ cấu lao động của Tập đoàn được thể hiện như sau:

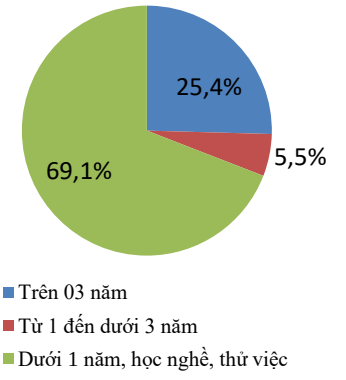
BIỂU ĐỒ CƠ CẤU LAO ĐỘNG THEO CHỨC DANH

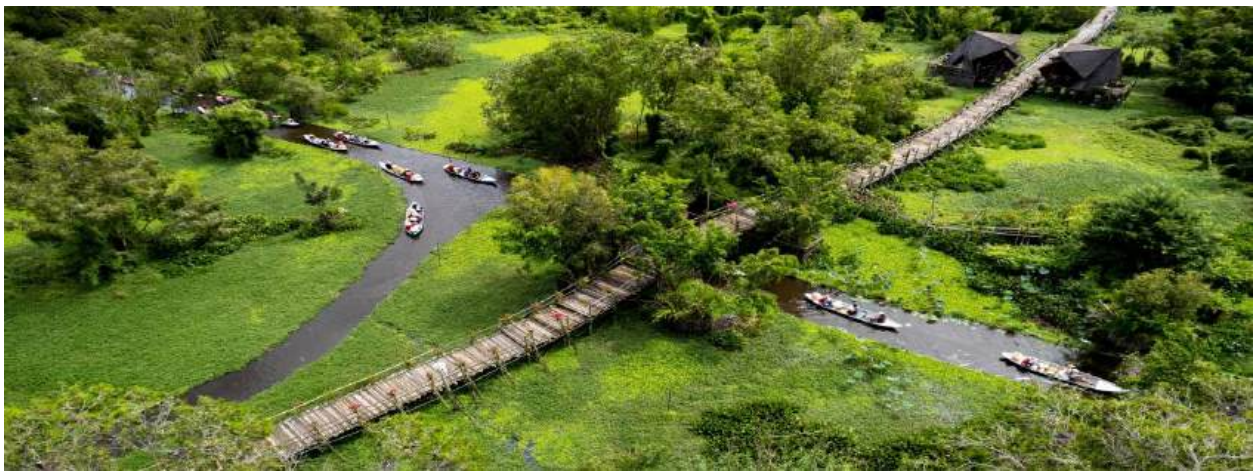
STT	Chức danh	Số lao động	Tỷ lệ (%)
1	Quản lý	381	3,3%
2	CB-CNV	1.286	11,1%
3	Công nhân	9.939	85,6%
Tổng		**11.606**	**100,0%**



BIỂU ĐỒ CƠ CẤU LAO ĐỘNG THEO THÂM NIÊN CÔNG TÁC

STT	Thâm niên	Số lao động	Tỷ lệ (%)
1	Trên 03 năm	2.952	25,4%
2	Từ 1 đến dưới 3 năm	633	5,5%
3	Dưới 1 năm, học nghề, thử việc	8.021	69,1%
Tổng		**11.606**	**100,0%**





III. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN TRONG NĂM 2025

1. Tình hình đầu tư trong năm 2025:

a. Đầu tư dự án Khu đô thị mới Sao Mai Lam Sơn Sao Vàng.

Dự án Khu đô thị mới Sao Mai Lam Sơn – Sao Vàng tại thị trấn Sao Vàng, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa (nay là xã Sao Vàng), tỉnh Thanh Hóa có quy mô 70,7 ha. Hiện đã bồi thường, giải phóng mặt bằng được 68,3 ha. UBND tỉnh đã giao đất thành hai đợt: đợt 1 với 60,4 ha và đợt 2 với 5,8 ha.

Sao Mai đã hoàn thiện hạ tầng trên phần diện tích được giao trong giai đoạn 1 và đã được cấp 1.274 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đã được Sở Xây dựng kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành các hạng mục Hạ tầng kỹ thuật đối với diện tích đất được giao và xác nhận đủ điều kiện được chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho cá nhân tự xây dựng nhà ở tại dự án. Khu đô thị được đưa vào khai thác trong tháng 3/2026. Hội đồng GPMB huyện Thọ Xuân đang tiếp tục bồi thường phần diện tích còn lại để bàn giao cho Sao Mai, giúp hoàn thiện hạ tầng toàn bộ dự án.

b. Đầu tư dự án Khu đô thị mới Sao Mai xã Minh Sơn và thị trấn Triệu Sơn

Dự án Khu đô thị mới Sao Mai tại xã Minh Sơn và thị trấn Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa (nay là xã Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa) có quy mô 43,44 ha**.** Đến nay, dự án đã giải phóng mặt bằng 39,7 ha**;** UBND tỉnh đã giao đất đợt 1 với diện tích 39,2 ha**.** Trên phần diện tích được giao, Tập đoàn đã được cấp 1.359 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đang hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật**.** Phần diện tích còn lại đang được Hội đồng Giải phóng mặt bằng tiếp tục triển khai thực hiện**.** Dự kiến giữa năm 2026 dự án sẽ hoàn thành và đưa vào khai thác.

c. Đầu tư dự án Resort Sao Mai Thanh Hóa

Dự án Resort Sao Mai Thanh Hóa có tổng diện tích 53,8 ha, trong đó 52,8 ha đã được giải phóng mặt bằng và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất được giao.

Tập đoàn Sao Mai đã đầu tư hoàn thiện và đưa vào vận hành giai đoạn 1 của dự án, bao gồm các hạng mục: khu lễ tân, nhà hàng nổi, nhà hàng Việt, 82 căn biệt thự nghỉ dưỡng (54 căn trên đồi, 14 căn dưới nước, 10 căn Family, 4 căn trong đồi), khu Gym - Spa - Massage, sân tennis, khu vui chơi giải trí, cùng các hạng mục phụ trợ, hạ tầng và cảnh quan toàn khu.

d. Nhà máy chế biến thủy sản Hoa Kỳ (Chủ đầu tư: Cty IDI)

Nhà máy Chế biến Thủy sản số 3 (Nhà máy Thủy sản Hoa Kỳ) được khởi công xây dựng ngày 07/01/2025 tại Cụm Công nghiệp Vàm Cống, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp. Nhà máy có công suất thiết kế 120 tấn nguyên liệu/12 giờ/ngày, quy mô 02 tầng (01 trệt, 01 lầu), diện tích xây dựng 4.876 m², tổng diện tích sàn khoảng 9.899 m²..

Hiện dự án đã cơ bản hoàn thành phần móng nhà máy. Công ty đã ký hợp đồng với tổng thầu để triển khai lắp đặt hệ thống dây chuyền thiết bị, các thiết bị chính đang được đặt hàng nhập khẩu. Dự kiến nhà máy sẽ hoàn thành và đưa vào vận hành trong quý IV/2026.

Khi đi vào hoạt động, nhà máy sẽ góp phần nâng cao năng lực chế biến và xuất khẩu của Công ty, đặc biệt trong bối cảnh thị trường Mỹ mở rộng và nhu cầu lương thực – thực phẩm toàn cầu tiếp tục tăng trong những năm gần đây.

2. Tình hình pháp lý các dự án theo định hướng phát triển trong các năm tiếp theo:

STT	Dự án	Quy mô dự án			Tiến Độ / Pháp lý
		Diện tích (ha)	Vốn	Thành phẩm	
1	**Trung tâm thương mại hạng II thuộc dự án TTTM thị trấn Lấp Vò** (Chủ đầu tư: Cty IDI) **ĐĐXD**: thị trấn Lấp Vò, huyện Lấp Vò, Đồng Tháp (nay là xã Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp)	3,81	160 tỷ đồng	**Khu siêu thị hạng II** (9.264,5 m²) **Khu trung tâm hội nghị (Khu thương mại + dịch vụ 1)** (11.970,9 m²) **Khu mua sắm và ẩm thực (Khu thương mại + dịch vụ 2)** (6.179,6 m²) **Khu vui chơi giải trí (Khu thương mại + dịch vụ 3)** (5.372 m²). **Khu thể thao (Khu thương mại + dịch vụ 4)** (5.372 m²).	- Đã được Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư . - Được UBND Tỉnh phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình TTTM thị trấn Lấp Vò. - HTKT điện nước đã hoàn thành toàn bộ dự án. - Đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính về đất đai. - Đã được cấp Giấy chứng nhận thẩm duyệt PCCC. - Được gia hạn tiến độ sử dụng đất thực hiện công trình. - Đã ký thỏa thuận đấu nối; - Đã có Thông báo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng. - Đã có Quyết định phê duyệt thiết kế xây dựng. - Quý 1/2026 khởi công xây dựng, dự kiến hoàn thành cuối năm 2026.
2	**Đường GTGT KDC Nam Trà Ôn** **ĐĐXD**: P. Bình Khánh, TP. Long Xuyên (cũ) nay là phường Bình Đức, tỉnh An Giang	**4,29**	**508 tỷ đồng**	- Đất ở: 2.08ha	- Đã có Quyết định chủ trương đầu tư; - Đã phê duyệt quy hoạch 1/500; - Đã thỏa thuận **GPMB 47%** diện tích dự án và tiếp tục thực hiện GPMB. - Đã đăng ký thực hiện dự án thí điểm theo NQ 171/2024/QH15 của Quốc hội về thực hiện dự án nhà ở thương mại thông qua thỏa thuận về nhận quyền sử dụng đất hoặc đang có quyền sử dụng đất; - Tiếp tục thực hiện bồi thường GPMB.

STT	Dự án	Quy mô dự án			Tiến Độ / Pháp lý
		Diện tích (ha)	**Vốn**	**Thành phẩm**	
3	**Khu đô thị mới Sao Mai Tân Châu** **ĐĐXD**: P. Long Thạnh, TX. Tân Châu (nay là phường Tân Châu) tỉnh An Giang	**99,8**	**1.100 tỷ đồng**	- Đất ở: 40,66ha - Đất TMDV: 4,18ha	- Đã có Quyết định chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương và phê duyệt Quy hoạch; - Đã GPMB được **98 ha** và đang giải phóng mặt bằng phần diện tích còn lại; - Đã đăng ký thực hiện dự án thí điểm theo Nghị quyết 171/2024/QH15 của Quốc hội về thực hiện dự án nhà ở thương mại thông qua thỏa thuận về nhận quyền sử dụng đất hoặc đang có quyền sử dụng đất; - Đã được Sở NN&MT tỉnh An Giang trình UBND tỉnh tại Tờ trình số 295/TTr-SNNMT ngày 06/3/2026 - Tiếp tục thực hiện bồi thường GPMB.
4	**Khu đô thị mới Sao Mai Tây Cái Dầu** **ĐĐXD**: TT. Cái Dầu, huyện Châu Phú (nay là xã Châu Phú), tỉnh An Giang	**47,39**	**800 tỷ đồng**	- Đất ở: 17,68ha - Đất TMDV: 2,42ha	- Đã được cấp Quyết định chủ trương đầu tư và điều chỉnh chủ trương đầu tư; - Đã được UBND huyện Châu Phú phê duyệt quy hoạch 1/500; - Quỹ đất: Công ty đã GPMB được 45ha; - Đã đăng ký thực hiện dự án thí điểm theo NQ 171/2024/QH15 của Quốc hội về thực hiện dự án nhà ở thương mại thông qua thỏa thuận về nhận quyền sử dụng đất hoặc đang có quyền sử dụng đất; - Đã được Sở NN&MT tỉnh An Giang trình UBND tỉnh tại Tờ trình số 295/TTr-SNNMT ngày 06/3/2026 - Tiếp tục thực hiện bồi thường GPMB.

STT	Dự án	Quy mô dự án			Tiến Độ / Pháp lý
		Diện tích (ha)	**Vốn**	**Thành phẩm**	
5	**Khu đô thị mới Sao Mai Bình Khánh 4** **ĐĐXD**: P. Bình Khánh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang (nay là phường Bình Đức, tỉnh An Giang)	**38,66**	**450 tỷ đồng**	- Đất ở: 19,35ha - Đất TMDV: 1,7ha	- Đã có Quyết định chủ trương đầu tư; - Đã nộp tiền ký quỹ để thực hiện dự án; - Đã được phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500; - Thiết kế cơ sở đã được thẩm định; - Đã thỏa thuận GPMB 30% dự án; - Đã được Thủ tướng chấp thuận chủ trương chuyển mục đích sử dụng đất lúa; - Đã đăng ký thực hiện dự án thí điểm theo NQ 171/2024/QH15 của Quốc hội về thực hiện dự án nhà ở thương mại thông qua thỏa thuận về nhận quyền sử dụng đất hoặc đang có quyền sử dụng đất; - Đã được Sở NN&MT tỉnh An Giang trình UBND tỉnh tại Tờ trình số 295/TTr-SNNMT ngày 06/3/2026 - Tiếp tục thực hiện bồi thường GPMB.
6	**Khu đô thị mới Sao Mai Tây Khánh 4 + 5** **ĐĐXD**: P. Mỹ Hòa, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang (nay là phường Long Xuyên, tỉnh An Giang)	**62**	**1.220 tỷ đồng**	- Đất ở: 27,1ha - Đất TMDV: 1,34ha	- Đã được cấp Quyết định chủ trương đầu tư và điều chỉnh chủ trương đầu tư; - UBND TP. Long Xuyên phê duyệt đồ án quy hoạch 1/500; - Đã được Thủ tướng chấp thuận chủ trương chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa; - Đã đăng ký thực hiện dự án thí điểm theo NQ 171/2024/QH15 của Quốc hội về thực hiện dự án nhà ở thương mại thông qua thỏa thuận về nhận quyền sử dụng đất hoặc đang có quyền sử dụng đất;

STT	Dự án	Quy mô dự án			Tiến Độ / Pháp lý
		Diện tích (ha)	**Vốn**	**Thành phẩm**	
					- Đã được Sở NN&MT tỉnh An Giang trình UBND tỉnh tại Tờ trình số 295/TTr-SNNMT ngày 06/3/2026; - Tiếp tục thực hiện bồi thường GPMB.
7	**Khu TMDV và Nhà ở Cao tầng Sao Mai Skyline Plaza** **ĐĐXD:** Phường 6, quận 8 (nay là phường Bình Đông), TP HCM	**0,62**	**801 tỷ đồng**		- Đã được HĐND TP. Hồ Chí Minh thông qua danh mục dự án được thực hiện thí điểm dự án nhà ở thương mại đang có quyền sử dụng đất theo Nghị quyết số 171/2024/QH15 của Quốc hội; - UBND TP. Hồ Chí Minh đã có thông báo việc chấp thuận cho tổ chức kinh doanh bất động sản được thực hiện dự án thí điểm nhà ở thương mại tại Thông báo số 24/TB-UBND ngày 07/11/2025 - Đang hoàn thiện thủ tục xin chấp thuận chủ trương đầu tư kèm theo chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư
8	**Khu phức hợp trung tâm thương mại kết hợp căn hộ cao cấp Sao Mai Phú Mỹ** **ĐĐXD:** Phường Tân Phước, TP. Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là phường Tân Phước, TP HCM)	**2,1**	**1.500 tỷ đồng**		- Đã được HĐND TP. Hồ Chí Minh thông qua danh mục dự án được thực hiện thí điểm dự án nhà ở thương mại đang có quyền sử dụng đất theo NQ 171/2024/QH15 của Quốc hội; - UBND TP. Hồ Chí Minh đã có thông báo việc chấp thuận cho tổ chức kinh doanh bất động sản được thực hiện dự án thí điểm nhà ở thương mại tại Thông báo số 24/TB-UBND ngày 07/11/2025 - Đang hoàn thiện thủ tục xin chấp thuận chủ trương đầu tư kèm theo chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư

STT	Dự án	Quy mô dự án			Tiến Độ / Pháp lý
		Diện tích (ha)	Vốn	Thành phẩm	
9	**Văn phòng và Nhà ở cao tầng** **ĐĐXD:** Phường 16, quận 8, TP.HCM (nay là phường Phú Định, TP HCM)	**0,43**			- Đã được UBND Quận 8 (cũ) phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 tại quyết định số 3119/QĐ-UBND ngày 20/6/2008; - Đã được UBND Quận 8 (cũ) phê duyệt dự án đầu tư tại Quyết định số 67/QĐ-PTN ngày 01/6/2009 - Đã được UBND TPHCM giao đất để thực hiện dự án tại Quyết định số 3404/QĐ-UBND ngày 15/7/2009;
10	**Dự án điện gió Lào** **ĐĐXD:** Huyện Nong Het, tỉnh Xiang Khouang, Lào	19.761	**500 triệu USD**	**300 MW**	- Đã được chính phủ Lào phê duyệt chủ trương đầu tư - Đang hoàn tất pháp lý để xin Bộ Công thương cho nhập khẩu điện từ Lào và làm việc với EVN về hợp đồng mua bán điện

Ngoài các dự án đã có quyết định chủ trương đầu tư, Tập đoàn còn có một số dự án đang chờ cấp phép đầu tư tại các tỉnh, thành phố như An Giang, Đồng Tháp, Lâm Đồng, Phú Thọ, Thanh Hóa,.. Một số dự án điển hình như: Khu phức hợp TTTM kết hợp căn hộ cao cấp Sao Mai Phú Mỹ (phường Tân Phước, TP.Hồ Chí Minh); Sao Mai Lotus Lake (Phường Bình Đức, tỉnh An Giang); Khu Công nghiệp Trần Đề 2 (tại Cần Thơ), Dự án điện gió 500MW tại Lào, Dự án điện mặt trời 750MW tại Lâm Đồng, Dự án điện mặt trời kết hợp trồng cây dược liệu (tại Đắk lắk), Dự án điện mặt trời 500MW tại Cần Thơ. Dự án điện gió 100MW tại Vĩnh Long...



Điện mặt trời An Hảo

3. Tình hình hoạt động và tài chính của các công ty con, công ty liên kết

3.1. Tình hình hoạt động

3.1.1 Công ty Cổ phần Dũng Thịnh Phát Sài Gòn (tên cũ là Công ty TNHH Dũng Thịnh Phát)

- Địa chỉ: Số 09 Nguyễn Kim, phường 12, quận 5, TP. HCM (nay là phường Chợ Lớn, TP.HCM)
- Thành lập ngày : 22/5/2006 theo giấy CNĐKKD số 4102039604. Đăng ký thay đổi lần 7 theo giấy CNĐKKD số 0304407453 ngày 20/10/2022 do Sở kế hoạch và đầu tư TP.HCM (nay là Sở Tài chính TP.HCM) cấp.
- Đại diện theo pháp luật : Ông Nguyễn Chí Long – Giám đốc
- Ngành nghề kinh doanh : Xây dựng công nghiệp dân dụng, công nghiệp.
- Tình hình góp vốn:

Vốn điều lệ (VND)	Số tiền Sao Mai đã đầu tư vào Dũng Thịnh Phát (VND)	Tỷ lệ lợi ích (%)
50.000.000.000	33.000.000.000	66,00

✓ Dũng Thịnh Phát đang làm chủ đầu tư dự án Sao Mai Tower tại phường 16, quận 8, TP. HCM;

✓ Khi công ty nhận được Quyết định thu hồi và giao đất dự án thì thị trường bất động sản đang trong giai đoạn khó khăn nên công ty đã tạm dừng việc đầu tư chờ tín hiệu của thị trường để xem xét có tiếp tục đầu tư nữa không. Vì vậy, đến thời điểm này công ty vẫn chưa phát sinh doanh thu, lợi nhuận.







3.1.2 Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Tháp

- Logo :

- Địa chỉ : Số 02, Đốc Binh Kiều, Phường Cao Lãnh, Đồng Tháp.
- Thành lập ngày : Giấy chứng nhận đăng ký số 1400355383, cấp lần đầu ngày 07/02/2006. Đăng ký thay đổi lần 30 ngày 18/07/2025 do Sở tài chính tỉnh Đồng Tháp cấp.
- Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Sơn – Tổng giám đốc
- Ngành nghề kinh doanh chính: kinh doanh nhà hàng, khách sạn, dịch vụ du lịch…
- Website: http://dongthaptourist.com
- Tình hình góp vốn :

Vốn điều lệ (VND) (*)	Số tiền Sao Mai đã đầu tư vào Du lịch Đồng Tháp (VND)	Tỷ lệ lợi ích (%)
80.035.470.000	68.391.109.800	86,76%

✓ **Tình hình kinh doanh năm 2025**

Năm 2025, thị trường du lịch nội địa chịu nhiều tác động từ biến đổi khí hậu với tần suất thiên tai, bão lũ gia tăng, cùng với xu hướng thắt chặt chi tiêu công và quá trình sắp xếp, sáp nhập các cơ quan hành chính nhà nước, dẫn đến sự dịch chuyển trung tâm hành chính và làm giảm nguồn khách hàng truyền thống. Tuy nhiên, xu hướng du lịch xanh, du lịch sinh thái và du lịch trải nghiệm tiếp tục ghi nhận sự tăng trưởng tích cực.

Trước bối cảnh đó, Công ty đã chủ động điều chỉnh mô hình quản lý, áp dụng cơ chế khoán doanh thu, lợi nhuận và chi phí nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, tạo động lực cho người lao động và duy trì thị phần. Đồng thời, Công ty cũng rà soát, tái cơ cấu hệ thống chi nhánh, chấm dứt hoạt động đối với các đơn vị kém hiệu quả để tập trung nguồn lực cho những đơn vị có tiềm năng phát triển tốt hơn.

✓ **Kết quả chỉ tiêu kinh doanh:**

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	DOANH THU THUẦN		% Tăng/giảm 2025 so với 2024
		Năm 2025	Năm 2024	
1	Văn phòng cty	502	480	4,58%
2	NH-KS Mekong	100	182	-45,05%
3	Chi nhánh Sa Đéc	19.024	19.834	-4,08%
4	Khách sạn Sao Mai	25.207	28.795	-12,46%
5	Trung tâm Điều hành du lịch	33.187	30.535	8,69%
6	Điểm tham quan khu bảo tồn Đồng Tháp Mười	1.707	734	132,56%
TỔNG CỘNG		**79.727**	**80.560**	**-1,03%**





KHÁCH SẠN SAO MAI – 178 Nguyễn Huệ - phường Cao Lãnh - Đồng Tháp





KHÁCH SẠN BÔNG HỒNG – 251A, Nguyễn Sinh Sắc, Phường Sa Đéc, Đồng Tháp


TRUNG TÂM TỔ CHỨC SỰ KIỆN







Một góc Khu bảo tồn Đồng Tháp Mười

3.1.3 Công ty CP Du Lịch An Giang

- Logo :
- Địa chỉ trụ sở : Số 17 Nguyễn Văn Cưng, phường Long Xuyên, An Giang
- Thành lập ngày : 23/08/2005 theo giấy CNĐKKD số 1600191767 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh An Giang cấp. Đăng ký thay đổi lần thứ 32 ngày 31 tháng 10 năm 2025.
- Đại diện theo pháp luật : Ông **Lê Văn Chung** – Tổng Giám đốc.
- Ngành nghề kinh doanh chính: Kinh doanh lữ hành; Dịch vụ du lịch, khách sạn, nhà hàng.
- Website: http://angiangtourimex.vn
- Tình hình góp vốn:

Vốn điều lệ (VND)	Số tiền Sao Mai đã đầu tư vào cty CP DL An Giang (VND)	Tỷ lệ lợi ích (%)
112.054.070.000	159.230.701.599	71,82

✓ Tình hình hoạt động trong năm 2025

Doanh thu mang lại lợi nhuận cho Công ty chính nhờ hoạt động du lịch và chuỗi nhà hàng khách sạn gồm Đông Xuyên, Long Xuyên, Cửu Long, Sao Mai Resort Châu Đốc, Khu du lịch sinh thái Rừng Tràm Trà Sư, Khu Tham Quan Điện Mặt Trời An Hảo, Nhà máy nước uống thiên nhiên An Hảo,….

Kết quả kinh doanh từng lĩnh vực như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng.

Doanh thu của các đơn vị	Thực hiện năm 2024	Năm 2025		So sánh	
		Kế hoạch	Thực hiện	Thực hiện/ Kế hoạch (%)	Thực hiện 2025/ Thực hiện 2024 (%)
+ Văn Phòng Công ty	2.070	3.500	3.802	109%	184%
+ Cụm Khách Sạn Đông Xuyên	38.848	40.000	33.441	84%	86%
+ KDL Rừng Tràm Trà Sư	34.744	37.400	33.699	90%	97%
+ KDL Đồi Tức Dụp	3.978	6.000	4.600	77%	116%
+ KDL Điện mặt trời An Hảo	1.528	2.000	1.258	63%	82%
+ Trung Tâm Dịch Vụ Du Lịch	5.288	4.200	7.193	171%	136%
+ Nhà Máy Nước An Hảo	3.385	3.500	3.252	93%	96%
+ Sao Mai RS Châu Đốc	561	3.400	4.412	130%	787%
TỔNG CỘNG	**90.402**	**100.000**	**91.658**	92%	101%

Năm 2025, Công ty CP Du lịch An Giang ghi nhận doanh thu đạt 91.658 triệu đồng, tương đương 92% kế hoạch và 101% so với năm 2024.

Kết quả này cho thấy hoạt động kinh doanh có phục hồi so với năm trước, tuy nhiên chưa đạt kế hoạch. Các đơn vị chủ lực như Cụm Khách sạn Đông Xuyên và KDL Rừng Tràm Trà Sư lần lượt đạt 84% và 90% kế hoạch, phản ánh xu hướng khách hàng tiếp tục thắt chặt chi tiêu. Ngược lại, một số đơn vị ghi nhận tăng trưởng tích cực, như Trung tâm Dịch vụ Du lịch đạt 171% kế hoạch và Sao Mai RS Châu Đốc đạt 130% kế hoạch, góp phần bù đắp cho các mảng chưa đạt kỳ vọng.

Nhìn chung, năm 2025 là năm phục hồi nhưng chưa đồng đều ở các mảng, đây cũng là bước đệm quan trọng để Công ty tiếp tục tối ưu vận hành, điều chỉnh sản phẩm, mở rộng thị trường và nâng cao hiệu quả quản trị**,** hướng đến tăng trưởng bền vững trong thời gian tới.





Toàn cảnh dự án Khu du lịch điện mặt trời An Hảo



KHÁCH SẠN ĐÔNG XUYÊN

Số 9A Lương Văn Cù, Phường Long Xuyên, Tỉnh An Giang





KHÁCH SẠN CỬU LONG

21 Nguyễn Văn Cưng, Phường Long Xuyên, Tỉnh An Giang



KHÁCH SẠN LONG XUYÊN

19 Nguyễn Văn Cưng, Phường Long Xuyên, Tỉnh An Giang









SAO MAI RESORT CHÂU ĐỐC

Tân Lộ Kiều Lương, Phường Núi Sam, Tỉnh An Giang



Một góc Đồi Tức Dụp





Hệ thống chiết rót chai



Hệ thống đóng chai





Rừng Tràm Trà Sư

3.1.4 Công ty Cổ phần Nhựt Hồng

- Địa chỉ: 29 Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, tỉnh An Giang.
- Thành lập: theo giấy CNĐKKD số 3600648648 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 12/08/2003. Đăng ký thay đổi lần 9 ngày 12/08/2025 tại Sở Tài chính tỉnh An Giang.
- Đại diện theo pháp luật: Bà Lê Thị Nguyệt Thu – Tổng Giám đốc
- Ngành nghề kinh doanh chính: Xây dựng; Kinh doanh bất động sản.
- Tình hình góp vốn:

Vốn điều lệ (VND)	Số tiền Sao Mai đã đầu tư vào Nhựt Hồng (VND)	Tỷ lệ lợi ích (%)
80.000.000.000	167.991.740.000	60

Đây là đơn vị đang thực hiện dự án Khu dân cư phía đông quốc lộ 1A (Khu A) - xã Lý Văn Lâm - Thành phố Cà Mau - Tỉnh Cà Mau, với quy mô dự án là 44,47 ha. Trong quá trình thực hiện dự án thì doanh nghiệp gặp khó khăn về tài chính và đã mời gọi Sao Mai tham gia góp vốn thực hiện dự án. Bằng kinh nghiệm của mình, Sao Mai nhận thấy dự án có một số điểm thuận lợi mà các dự án nếu đầu tư mới không có như: cách trung tâm thành phố Cà Mau 2 km về hướng Nam, giao thông thuận lợi cả về đường bộ và đường thủy (đường Nguyễn Tất Thành ở phía Tây, đường Vành đai theo quy hoạch chung thành phố Cà Mau ở phía Bắc và sông Gành Hào ở phía Đông khu vực quy hoạch). Vì vậy, Sao Mai đã quyết định góp vốn cùng Công ty Nhựt Hồng thực hiện dự án. Hiện nay dự án đã hoàn thiện phần hạ tầng, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và kinh doanh tốt.



Phối cảnh Khu đô thị mới Nhựt Hồng

3.1.5 Công ty TNHH Sao Mai Super Feed

- Logo: 
- Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.
- Website: www.saomaisuperfeed.com
- Thành lập ngày: 04/06/2014 theo giấy CNĐKKD số 1401976866 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Đồng Tháp (nay là Sở Tài chính tỉnh Đồng Tháp) cấp, đăng ký thay đổi lần 12 ngày 09/09/2025.
- Đại diện theo pháp luật: Ông **Lê Quốc Mạnh** – Tổng Giám đốc.
- Ngành nghề kinh doanh:
  - Sản xuất và chế biến thức ăn thủy sản; Mua bán thủy sản.
  - Xây dựng các công trình dân dụng.
  - Kinh doanh bất động sản.
- Tình hình góp vốn:

Vốn điều lệ (VND)	Số tiền Sao Mai đã đầu tư vào Sao Mai Super Feed (VNĐ)	Tỷ lệ lợi ích (%)
400.000.000.000	400.000.000.000	100

Công ty TNHH Sao Mai Super Feed được thành lập với 100% vốn góp từ Sao Mai. Hoạt động chính trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh thức ăn thủy sản nhằm tận dụng tối ưu tất cả các sản phẩm phụ để nâng cao chuỗi giá trị con cá tra, hướng đến phát triển bền vững của Tập Đoàn.

Nhà máy sản xuất thức ăn Sao Mai Super Feed được đầu tư hệ thống máy móc thiết bị nhập khẩu hoàn toàn từ Châu Âu, nạp liệu theo qui trình hoàn toàn tự động và khép kín với công suất 378.000 tấn/năm, gồm 7 dây chuyền, công suất mỗi dây chuyền 12 tấn/ giờ. Tổng vốn đầu tư gần 1.000 tỷ đồng. Ở giai đoạn I, Nhà máy sản xuất thức ăn hỗn hợp cho cá tra và cá rô phi đạt tiêu chuẩn Quốc gia: TCVN 10300 – 2014.

Bên cạnh đó, để nguồn nguyên liệu đầu vào được ổn định cho Nhà máy chế biến thức ăn, Tập đoàn luôn có chiến lược dự trữ nguồn nguyên liệu, đặc biệt là nguồn nguyên liệu giá thấp dựa vào thời điểm mùa vụ thích hợp chủ động thu mua nguyên liệu giá tốt và chất lượng. Nguồn nguyên liệu thức ăn được kiểm soát nghiêm ngặt, đảm bảo đúng chất lượng, đạt tiêu chuẩn ngành: 10TCN 864:2006, 10 TCN 984:2006…của Bộ NN và PTNT; tối ưu hóa theo tiêu chuẩn quốc tế như: HACCP, ISO, GLOBAL, GAP, ASC, BAP, tổng hợp đầy đủ các chất dinh dưỡng, vitamin, khoáng chất, đảm bảo đáp ứng toàn bộ các tiêu chuẩn của các thị trường khó tính như EU và Hoa Kỳ.

- Kết quả kinh doanh 2025:

- ĐVT: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025	% TH2025/ TH2024	% TH2025/ KH2025
Doanh thu thuần	1.830,97	1.620	1.447,04	79,03%	89,32%
Lợi nhuận sau thuế	112,29	126	103,88	92,51%	82,44%











3.1.6 Công ty TNHH Sao Mai Solar

- Logo :
- Địa chỉ : 326 Hùng Vương, Phường Long Xuyên, tỉnh An Giang.
- Thành lập ngày : 24/06/2017 theo giấy CNĐKKD số 1602043789 tại Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh An Giang (nay là Sở Tài chính tỉnh An Giang), đăng ký thay đổi lần 5 ngày 26/08/2025.
- Đại diện theo pháp luật : Bà Lê Thị Nguyệt Thu – Tổng Giám đốc.
- Ngành nghề kinh doanh :
  - Lắp đặt hệ thống điện, sản xuất điện năng lượng mặt trời áp mái
  - Xây dựng các công trình dân dụng.
- Website: https://saomaisolar.vn
- Tình hình góp vốn:

Vốn điều lệ (VND)	Số tiền Sao Mai đã đầu tư vào Sao Mai Solar	Tỷ lệ lợi ích (%)
20.000.000.000	20.000.000.000	100

Công ty TNHH Sao Mai Solar được thành lập với 100% vốn góp từ Sao Mai, hoạt động chính trong lĩnh vực năng lượng sạch với trọng tâm là tư vấn, thiết kế và lắp đặt hệ thống điện năng lượng mặt trời. Thành lập và đi vào hoạt động từ năm 2017, Công ty đã từng bước phát triển từ phân khúc hộ gia đình đến doanh nghiệp và các công trình thương mại …

Năm 2025, bước sang giai đoạn mới, thị trường điện mặt trời Việt Nam chuyển dịch theo định hướng của Quy hoạch điện VIII, từ cơ chế giá FIT sang mô hình tự sản xuất – tự tiêu thụ, với yêu cầu ngày càng cao về kỹ thuật, đấu nối và hiệu quả đầu tư. Trong bối cảnh đó, công ty chịu tác động của việc thay đổi cơ chế chính sách, áp lực chi phí và quá trình thích ứng với tình hình kinh doanh mới, kết quả kinh doanh của công ty Sao Mai Solar năm 2025 chỉ đạt mức khiêm tốn. Cụ thể:

ĐVT: triệu đồng

CHỈ TIÊU	Thực hiện		So sánh thực hiện năm 2025 với năm 2024	
	Năm 2024	Năm 2025	Tăng/Giảm	%
Doanh thu	29.141	30.440	1.299	4,3%
Lợi nhuận sau thuế	5.853	2.736	-3.117	-113,9%

Trong những năm qua, Công ty Sao Mai Solar thực hiện một số dự án NLMT như:

- Dự án lắp đặt các hệ thống NLMT **(530kWp)** ở **Nhà Máy Nước An Hảo Tri Tôn-AG**.



- Dự án lắp đặt các hệ thống NLMT **(50kWp)** ở **Khách sạn Đông Xuyên-An Giang .**



- Dự án lắp đặt các hệ thống NLMT **(9,7MWp)** cho công ty **Đại Toàn Phát tỉnh Bình Dương (nay là TP.HCM).**



- Dự án lắp đặt các hệ thống NLMT **(4.23MWp)** ở **Cụm công nghiệp Lấp Vò Đồng Tháp**.



Kho Trisedco



Kho AFO (Dầu cá)



Kho 3



Kho 4



Kho 2A-2B

- Dự án lắp đặt các hệ thống NLMT **(2.3MWp)** ở **Hòn Đất Kiên Giang** (nay là tỉnh An Giang)



- Dự án lắp đặt các hệ thống NLMT **(578.5kWp)** ở **Nước mắm Hương Giang**.



3.1.7 Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia IDI:

- Logo :
- Địa chỉ : QL 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.
- Thành lập ngày : 15/07/2003 theo Giấy CNĐKKD số 0303141296 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp (nay là Sở tài chính tỉnh Đồng Tháp), đăng ký thay đổi lần 22, ngày 23/09/2025.
- Đại diện theo pháp luật : Ông Lê Văn Cảnh– Tổng Giám đốc
- Ngành nghề kinh doanh:
  - Mua bán chế biến thủy hải sản
  - Nuôi trồng thủy sản, sản xuất và chế biến thức ăn thủy sản.
  - Xây dựng: dân dụng, công nghiệp, giao thông; Kinh doanh nhà; Kinh doanh khách sạn.
  - Mua bán vật liệu xây dựng, trang trí nội thất;
  - Kinh doanh bất động sản.
  - Sản xuất bao bì nhựa – giấy, nước đóng chai.
- Website: https://idiseafood.com
- Tình hình góp vốn:

Vốn điều lệ (VND)	Số tiền Sao Mai đã đầu tư vào IDI (VND) (*)	Tỷ lệ lợi ích (%)
2.731.726.680.000	997.398.163.912	51,23

- Tình hình chung

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia IDI đang sở hữu 02 Nhà máy chế biến cá tra đông lạnh xuất khẩu với công suất lên 450 tấn nguyên liệu/12giờ, được đầu tư dây chuyền thiết bị hiện đại, nhập khẩu từ các nước Châu Âu, sản phẩm của IDI luôn khẳng định chất lượng của mình trên thị trường. Bên cạnh việc duy trì tốt các thị trường lớn hiện có như: EU, Brazil, Colombia, Mexico, Hoa Kỳ và Trung Quốc… Công ty IDI liên tục xúc tiến mở rộng các thị trường tiềm năng mới Ấn Độ, Brazil, Mexico, Hà Lan, Ai Cập, Australia, Singapore, khối thị trường CPTPP ….

Về nguyên liệu đầu vào, hiện nay, Công ty IDI có vùng nguyên liệu theo mô hình nuôi liên kết với diện tích trên 260 ha, đảm bảo cung cấp nguồn nguyên liệu ổn định cho 2 nhà máy chế biến thủy sản xuất khẩu hoạt động liên tục. Mô hình liên kết với nông dân đã giúp Công ty IDI hoàn toàn chủ động được nguồn nguyên liệu.

Nhiều năm liên tục, Công ty IDI giữ vững vị trí TOP đầu trong các doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu thủy sản lớn nhất Việt Nam, đóng góp tích cực vào ngành hàng chiến lược quốc gia.

- Tình hình kinh doanh 2025

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025	Tăng giảm so với năm 2024		Tăng giảm so với kế hoạch năm 2025	
				Số tuyệt đối	%	Số tuyệt đối	%
Doanh thu thuần	7.136	8.055	6.945	-191	-2,68%	-1.110	-13,78%
Tổng lợi nhuận sau thuế	73	170	143	70	96,97%	-27	-15,88%

Năm 2025, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra trong bối cảnh ngành thủy sản toàn cầu tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức. Nhu cầu tiêu dùng tại các thị trường xuất khẩu phục hồi chậm, xu hướng tiêu dùng chuyển dịch theo hướng thận trọng hơn, cùng với tác động kéo dài của các yếu tố địa chính trị, xung đột thương mại, chi phí logistics gia tăng và các rào cản kỹ thuật ngày càng khắt khe đã tạo áp lực đáng kể lên hoạt động của doanh nghiệp.

Trong bối cảnh đó, Công ty vẫn duy trì cơ cấu thị trường xuất khẩu theo hướng đa dạng hóa, bao phủ các khu vực trọng điểm gồm châu Á, châu Mỹ, châu Âu, châu Phi và châu Úc. Việc phân bổ thị trường hợp lý đã góp phần giảm thiểu rủi ro tập trung, đồng thời tạo nền tảng ổn định cho hoạt động xuất khẩu và duy trì tính liên tục của dòng doanh thu.



Nhà máy chế biến thủy sản số 01 với công suất 300 tấn nguyên liệu/ngày/12 giờ


NHÀ MÁY CHẾ BIẾN THỦY SẢN SỐ 2
FISH PROCESSING FACTORY No.2


KHO LẠNH SỐ 3



Toàn cảnh nhà máy IDI

- **ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN**

A. Các mục tiêu chính của Công ty

a.1. Hoàn thiện trung tâm giống thủy sản công nghệ cao.

Công ty đang xây dựng một trung tâm giống thủy sản công nghệ cao, ứng dụng công nghệ hiện đại từ việc lai tạo, phát triển những gen tốt cho ra cá tra giống tốt để khắc phục những nhược điểm hiện tại như giảm tỷ lệ hao hụt, rút ngắn ngắn thời gian nuôi, giảm hệ số thức ăn, nâng cao sức đề kháng cho cá tra nguyên liệu... Từ đó sẽ giảm chi phí trong việc nuôi cá, kiểm soát giá thành và nâng cao chất lượng cá thành phẩm giúp cho sản phẩm của Công ty có chất lượng tốt, có tính cạnh tranh hơn và là một trong những chìa khóa để phát triển bền vững cho con cá tra Việt Nam.



a.2. Phát triển vùng nuôi cá liên kết với Công ty.

Bên cạnh mục tiêu khép kín về chuỗi sản xuất cá tra thì ngoài việc có trang trại cá giống hiện đại, Công ty cũng luôn nỗ lực tìm kiếm đầu tư và phát triển vùng nuôi liên kết với các hộ nông dân có vùng nuôi cá tra nguyên liệu đạt tiêu chuẩn, một mặt để đảm bảo nguồn nguyên liệu cung cấp cho chuỗi sản xuất, mặt khác đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng cá thành phẩm cũng như việc kiểm soát được giá thành.



a.3. Xây dựng Nhà máy chế biến thủy sản số 3.

Trong năm 2025, Công ty đã hoàn tất các thủ tục pháp lý và triển khai xây dựng Nhà máy Chế biến Thủy sản số 3 (Nhà máy Thủy sản Hoa Kỳ) với công suất thiết kế **120 tấn nguyên liệu/ngày**. Tính đến ngày 31/12/2025, dự án đã hoàn thành khoảng **50% khối lượng** và dự kiến đưa vào vận hành trong **quý IV/2026**.

Dự án được kỳ vọng sẽ **gia tăng năng lực chế biến và xuất khẩu**, đồng thời nâng cao khả năng đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế. Qua đó, góp phần củng cố vị thế cạnh tranh và tạo động lực tăng trưởng bền vững cho Công ty trong trung và dài hạn



a.4. Nâng công suất hoạt động của nhà máy bột cá - dầu cá.

Nhà máy bột cá – dầu cá của Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản (Trisedco), công ty con do I.D.I nắm giữ gần **80% vốn**, sử dụng nguồn phụ phẩm từ các nhà máy chế biến của I.D.I làm nguyên liệu đầu vào. Với công nghệ hiện đại, nhà máy sản xuất hai sản phẩm chính là **bột cá** và **mỡ cá**, góp phần gia tăng giá trị từ phụ phẩm và tối ưu hiệu quả chuỗi sản xuất.

Trong bối cảnh I.D.I đầu tư Nhà máy Chế biến Thủy sản số 3, việc **mở rộng và nâng công suất nhà máy bột cá – dầu cá** là cần thiết nhằm đảm bảo khả năng tiếp nhận tối đa nguồn nguyên liệu đầu vào, đồng thời hoàn thiện chuỗi giá trị khép kín và nâng cao hiệu quả khai thác.

a.5. Xây dựng nhà máy sản xuất bao bì thủy sản.

Hiện nay, Công ty I.D.I và các đơn vị thành viên tại Cụm Công nghiệp Vàm Cống chi khoảng **200 tỷ đồng/năm** cho bao bì sản phẩm. Trên cơ sở đó, Công ty định hướng đầu tư **nhà máy sản xuất bao bì thủy sản** nhằm chủ động nguồn cung, kiểm soát chi phí và nâng cao hiệu quả quản trị chuỗi sản xuất.

Với lợi thế quỹ đất sẵn có, dự án đang được triển khai hoàn thiện kế hoạch đầu tư. Khi đi vào vận hành, nhà máy không chỉ góp phần **ổn định chuỗi cung ứng nội bộ**, mà còn **tối ưu chi phí, nâng cao năng lực cạnh tranh**, qua đó hỗ trợ tăng trưởng doanh thu và cải thiện hiệu quả lợi nhuận trong trung và dài hạn.

B. Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Công ty định hướng phát triển ngành cá tra theo hướng **tích hợp, quy mô lớn và bền vững**, gắn tăng trưởng với bảo vệ môi trường, nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh trên thị trường quốc tế.

Trọng tâm chiến lược là **ứng dụng khoa học – công nghệ** trong toàn chuỗi giá trị, phát triển **vùng nuôi tập trung đạt chuẩn quốc tế (ASC)**, đảm bảo truy xuất nguồn gốc và nâng cao giá trị gia tăng. Đồng thời, Công ty tiếp tục hoàn thiện **chuỗi sản xuất khép kín**, mở rộng hệ thống phân phối và tăng cường liên kết với các bên liên quan nhằm tối ưu hiệu quả hoạt động.

Song song, Công ty đẩy mạnh **xúc tiến thương mại và xây dựng thương hiệu** thông qua việc tham gia các hội chợ thủy sản quốc tế và tăng cường truyền thông trên các kênh chuyên ngành, qua đó mở rộng thị trường và nâng cao vị thế cạnh tranh. Các hội chợ thủy sản lớn công ty đã tham gia năm 2025 như:

+ Tháng 3 (16-18/03/2025): Hội chợ Boston tại Mỹ

+ Tháng 5 (9-12/05/2025: hội chợ cá ở Vũ Hán

+ Tháng 5 (26-8/05/2025): Hội chợ Thủy sản Toàn Cầu Barcelona tại Tây Ban Nha

+ Tháng 5 (27-31/05/2025): Hội chợ ThaiFex tại Thái Lan

+ Tháng 10 (21-23/10/2025): Hội chợ seafood ở Brazil

+ Tháng 10 (29-31/10/2025): Hội chợ Thanh Đảo tại Trung Quốc.



03/2026 tại Boston Seafood



10/2025 tại Seafood Show Latin America



10/2025 tại Seafood Show Latin America



9/2025 tại Singapore Trade Show



05/2025 tại Thaifex Anuga Asia 2025 – Thái Lan



05/2025 tại The Global Seafood Marketplace – Tây Ban Nha

3.1.8 Công ty TNHH Sinh Học MAIKI JAPAN

- Địa chỉ: 29 Trần Hưng Đạo, Phường Long Xuyên, tỉnh An Giang.
- Thành lập: theo giấy CNĐKKD số 1602176027 do Sở Kế hoạch và đầu tư (nay là Sở Tài Chính) tỉnh An Giang cấp ngày 01/11/2023, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 12 tháng 8 năm 2024.
- Đại diện theo pháp luật: Ông **Lê Quốc Trường** – Tổng Giám đốc
- Ngành nghề kinh doanh chính: Nghiên cứu Khoa học & phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp; Sản xuất phân bón; Buôn bán phân bón, thuốc trừ sâu, hóa chất; …

- Tình hình góp vốn:

Vốn điều lệ (VND)	Số tiền Sao Mai đã đầu tư vào MAIKI JAPAN (VND)	Tỷ lệ lợi ích (%)
17.000.000.000	8.670.000.000	51,00%

- Tình hình hoạt động trong năm 2025

Công ty TNHH Sinh học Maiki Japan được thành lập vào cuối năm 2023. Trong năm 2024, Công ty Maiki cùng đối tác Nhật Bản tiến hành nghiên cứu về công thức phân bón phù hợp với các nhóm cây trồng chủ lực tại thị trường Việt Nam trong bối cảnh biến đổi khí hậu và hiện tượng xâm ngập mặn tại nhiều vùng địa lý; từ đó tiến hành đặt mua công nghệ máy móc cho phù hợp.

Gần 2 năm nghiên cứu và hoạt động chưa hiệu quả, đến đầu tháng 3/2026, Tập đoàn Sao Mai quyết định giải thể Công ty TNHH Sinh học Maiki Japan. Việc thoái vốn này nằm trong chiến lược tái cấu trúc của Tập đoàn.



Cầu Kiều - Rừng Tràm Trà Sư

3.1.9 Công ty Cổ phần Điện mặt trời Europlast Long An

- Địa chỉ: Khu D, xã Mỹ Thạnh Bắc, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An (theo địa giới hành chính mới là Khu D, xã Mỹ Quý, tỉnh Tây Ninh).
- Thành lập: theo giấy CNĐKKD số 1101877021 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Long An (nay là Sở Tài chính tỉnh Tây Ninh) cấp ngày 16/03/2018. Đăng ký thay đổi lần 5 ngày 29/07/2025.
- Đại diện theo pháp luật: Bà Lê Thị Nguyệt Thu – Giám đốc
- Ngành nghề kinh doanh chính: Điện mặt trời
- Tình hình góp vốn:

Vốn điều lệ (VND)	Số tiền Sao Mai đã đầu tư vào Europlast Long An (VND)	Tỷ lệ lợi ích (%)
300.000.000.000	402.500.000.000	86,40%

Công ty CP Điện mặt trời Europlast Long An là chủ đầu tư dự án Nhà máy Điện mặt trời Europlast Long An. Dự án này có công suất nhà máy 50MW, xây dựng trên diện tích 58,6ha. Sau 6 tháng triển khai thần tốc, dự án điện Long An cũng được đấu nối ngày 10/06/2019 và được hưởng mức giá bán điện ưu đãi 9,35 cent/kWh.



Nhà máy điện mặt trời Europlast Long An tại xã Mỹ Thạnh Bắc, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An (nay là xã Mỹ Quý, tỉnh Tây Ninh).

3.1.10 Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy Sản (Trisedco):

- Logo : 
- Địa chỉ : Quốc lộ 80, Cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.
- Thành lập: theo giấy CNĐKKD số 1600895650 tại Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Đồng Tháp (nay là Sở tài chính tỉnh Đồng Tháp) ngày 15/03/2008, đăng ký thay đổi lần 25 ngày 19/01/2026
- Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn Lâm – Tổng Giám đốc
- Ngành nghề kinh doanh chính:
  - Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm thủy sản.
  - Mua bán thủy sản và sản phẩm thủy sản đã qua chế biến.
- Website: http://trisedco.com
- Tình hình góp vốn:

Vốn điều lệ (VND)	Số tiền Sao Mai đã đầu tư vào Trisedco (VND)	Tỷ lệ lợi ích (%)
692.283.410.000	15.000.000.000	43,95

- Tình hình hoạt động

Trisedco được thành lập vào năm 2008 và chính thức lên sàn giao dịch từ ngày 27/10/2015 với mã chứng khoán DAT, là doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực chế biến bột cá tra tại Việt Nam. Công ty hiện có nhà máy với công suất hiện 450 tấn nguyên liệu/ngày và kho chứa thành phẩm lên đến 5.000 tấn. Năm 2021, Trisedco hoàn thành dự án "Hoàn thiện công nghệ và thiết bị sản xuất bột cá và bột nêm từ phụ phẩm cá Tra" với tổng số đầu tư khoảng 70 tỷ đồng, trong đó 1 phần vốn được hỗ trợ từ Bộ Khoa Học Công Nghệ.

Trong bối cảnh thị trường khó khăn, Trisedco đã điều chỉnh chiến lược kinh doanh bằng cách mở rộng thị trường xuất khẩu và đầu tư vào sản phẩm chế biến sâu, như dầu sinh học từ mỡ cá tra, để tăng giá trị gia tăng và khai thác nhiều phân khúc thị trường mới. Công ty luôn đặt chất lượng hàng đầu, tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế như HACCP, ISO và đảm bảo an toàn và chất lượng sản phẩm.

Công ty không chỉ chú trọng vào việc phát triển kinh doanh mà còn coi trọng trách nhiệm xã hội và bảo vệ môi trường, đầu tư vào công nghệ xử lý chất thải và tiết kiệm năng lượng.

Trisedco hiện đang xuất khẩu chủ yếu đến các thị trường như Nhật Bản, Thái Lan, Hàn Quốc, Đài Loan và Trung Quốc. Ngoài ra, công ty cũng là nhà sản xuất và cung cấp sản phẩm bột cá và mỡ cá uy tín và chất lượng cho thị trường nội địa tại Việt Nam.

Đầu năm 2026, Trisedco đã hoàn tất đánh giá và được cấp chứng nhận ISCC (EU). Việc đạt được chứng nhận này, cùng với mã số xuất khẩu vào thị trường Châu Âu đã hoàn thiện từ

cuối năm 2024, tạo điều kiện để Công ty chủ động xuất khẩu trực tiếp sản phẩm mỡ cá sang thị trường Châu Âu và các thị trường khác.

Đây là bước tiến quan trọng giúp Trisedco nâng cao hiệu quả kinh doanh, đồng thời giảm thiểu rủi ro phụ thuộc vào một số khách hàng truyền thống. Với lợi thế này, Trisedco trở thành một trong số ít doanh nghiệp tại Việt Nam vừa sở hữu chứng nhận ISCC vừa có mã xuất khẩu vào Châu Âu, qua đó mở rộng cơ hội tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng nguyên liệu cho sản xuất năng lượng sinh học.

- Tình hình kinh doanh 2025

ĐVT: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025	% TH2025/ TH2024	% TH2025/ KH2025
Doanh thu thuần	2.938	3.000	2.534	-13,75%	-15,53%
Lợi nhuận sau thuế	58,8	70	71,85	22,19%	2,64%

Năm 2025, Trisedco ghi nhận sự phân hóa rõ nét giữa doanh thu và lợi nhuận. Doanh thu thuần giảm 13,75% và chưa đạt kế hoạch, trong khi lợi nhuận sau thuế tăng 22,19%, vượt 2,64% kế hoạch. Kết quả này cho thấy doanh nghiệp đã cải thiện đáng kể hiệu quả hoạt động, thông qua việc kiểm soát chi phí và nâng cao chất lượng sản phẩm. Tuy nhiên, sự sụt giảm doanh thu cũng đặt ra yêu cầu cấp thiết về mở rộng thị trường và gia tăng quy mô tiêu thụ trong thời gian tới.

Mặc dù chưa hoàn thành kế hoạch doanh thu, Công ty vẫn duy trì hoạt động sản xuất ổn định, đảm bảo tiến độ các dự án trọng điểm và tiếp tục giữ vững vị thế trong ngành sản xuất bột cá, mỡ cá. Các giải pháp kiểm soát chi phí, đặc biệt trong quản lý nguyên liệu, định mức sản xuất và chi phí nhân công, đã góp phần nâng cao hiệu quả vận hành và khả năng sinh lời. Đồng thời, việc nâng cao tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm giúp Công ty từng bước tiếp cận các phân khúc có giá trị gia tăng cao, cải thiện giá bán và biên lợi nhuận.

Nhìn chung, trong bối cảnh doanh thu còn chịu áp lực, Trisedco đã chủ động tái cấu trúc theo hướng nâng cao hiệu quả và chất lượng. Cùng với chiến lược mở rộng thị trường xuất khẩu, đây sẽ là nền tảng quan trọng để doanh nghiệp phục hồi tăng trưởng và nâng cao quy mô hoạt động trong các năm tới.



Bột cá



Mỡ cá



Vây cá



Bong bóng cá



Bao tử cá







Đầu tư khép kín dây chuyền chế biến bột giữ ổn định hàm lượng độ đạm

3.1.11 Công ty Cổ phần Đầu tư Vĩnh An Đắk Nông

- Địa chỉ: Số 1, tiểu khu 834, cụm Ba Tầng, xã Ea Pô, huyện Cư Jut, tỉnh Đắk Nông (nay là Xã Đắk Wil, Tỉnh Lâm Đồng)
- Thành lập: theo giấy CNĐKKD số 6400003341 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Đắk Nông (nay là Sở Tài chính tỉnh Lâm Đồng) cấp lần đầu ngày 18/10/2004. Đăng ký thay đổi lần 8 ngày 31/08/2022.
- Đại diện theo pháp luật: ông Trần Ngọc Đức - Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc
- Ngành nghề kinh doanh chính: Trồng cây cao su
- Tình hình góp vốn:

Vốn điều lệ (VND)	Số tiền Sao Mai đã đầu tư vào Vĩnh An Đắk Nông (VND)	Tỷ lệ lợi ích (%)
60.000.000.000		49,94

Công ty Cổ phần Đầu tư Vĩnh An Đắk Nông là doanh nghiệp trồng cây cao su, có diện tích đất hơn 750ha. Công ty CP đầu tư và phát triển Đa Quốc Gia IDI (công ty con của Sao Mai) đã mua lại công ty này cho kế hoạch thực hiện dự án Du lịch kết hợp với Điện năng lượng tái tạo.

3.1.12 Công ty Cổ phần Điện Gió Sao Mai

- Địa chỉ: Số 10 đường Nguyễn Huệ, Phường Long Xuyên, tỉnh An Giang.
- Thành lập: theo giấy CNĐKKD số 1602190431 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh An Giang (nay là Sở Tài Chính tỉnh An Giang) cấp lần đầu ngày 09/01/2025.
- Đại diện theo pháp luật: ông Lê Nguyễn Hoàng Anh Duy – Tổng Giám đốc
- Ngành nghề kinh doanh chính: Điện Gió
- Tình hình góp vốn:

Vốn điều lệ (VND)	Số tiền Sao Mai đã đầu tư vào Công ty CP Điện Gió (VND)	Tỷ lệ lợi ích (%)
10.000.000.000	7.500.000.000	75%

Công ty Cổ phần Điện gió Sao Mai được thành lập với định hướng chiến lược đầu tư, phát triển và vận hành các dự án năng lượng tái tạo, góp phần cung cấp nguồn năng lượng sạch, bền vững cho khu vực.

Dự án đầu tiên công ty hướng đến là Dự án Điện gió Sao Mai tại tỉnh Xiang Khouang (Bắc Lào), với quy mô công suất 300MW và tổng mức đầu tư dự kiến 450 triệu USD, mục tiêu của dự án là bổ sung nguồn điện cho miền Bắc Việt Nam, cung cấp nguồn năng lượng sạch, ổn định cho hệ thống điện Quốc gia.

Việc nhập khẩu điện từ Dự án về Việt Nam phù hợp với định hướng hợp tác năng lượng giữa hai Chính phủ, cũng như các cam kết song phương về phát triển và nhập khẩu điện từ Lào. Dự án còn đáp ứng xu thế chuyển dịch năng lượng theo hướng xanh, bền vững, góp phần giảm phát thải khí nhà kính và hướng tới mục tiêu phát thải ròng bằng "0".



Ngày 11/2 tại Thủ đô Viêng Chăn, Công ty CP Điện gió Sao Mai và Ủy ban Xúc tiến và Quản lý Đầu tư Lào đã ký Biên bản ghi nhớ (MOU) về nghiên cứu, khảo sát tính khả thi dự án điện gió công suất 300 MW tại huyện Nong Het, tỉnh Xieng Khouang (Bắc Lào).

3.2. Tình hình tài chính của các công ty con:

ĐVT: triệu đồng

STT	Tên doanh nghiệp	Doanh thu thuần	Lợi nhuận sau thuế	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Tổng tài sản
1	Công ty CP Dũng Thịnh Phát Sài Gòn			50.000	50.418
2	Công ty CP Du Lịch Đồng Tháp	79.727	(6.007)	80.035	89.366
3	Công ty CP Du Lịch An Giang	91.658	7.579	112.054	433.377
4	Công ty CP Nhựt Hồng	42.799	12.047	80.000	420.509
5	Công ty TNHH Sao Mai Super Feed	1.447.042	103.886	400.000	1.412.023
6	Công ty TNHH TM Sao Mai Solar	30.441	2.736	20.000	67.786
7	Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia IDI (riêng)	4.411.318	104.462	2.731.727	8.518.565
8	Công ty TNHH Sinh Học MAIKI JAPAN (Tập đoàn Sao Mai đã có nghị quyết chấm dứt hoạt động công ty Maiki ngày 09/03/2026)			17.000	17.056
9	Công ty CP Điện mặt trời Europlast Long An	165.949	78.753	300.000	855.757
10	Công ty CP Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản Trisedco	2.533.776	71.851	692.283	1.532.019
11	Công ty CP Đầu tư Vĩnh An Đắk Nông			60.000	72.888
12	Công ty Cổ phần Điện Gió Sao Mai			10.000	10.014

IV. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TẬP ĐOÀN

1. Tình hình tài chính

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2024	Năm 2025	% tăng/giảm 2025 so với 2024
	a	b	c	d	e = (d-c)/c*100%
1	Tổng giá trị tài sản	tỷ đồng	22.856	23.477	2,7%
2	Doanh thu thuần	tỷ đồng	12.013	11.317	-5,8%
3	Lợi nhuận từ hoạt động KD	tỷ đồng	339	259	-23,6%
4	Lợi nhuận trong công ty liên kết liên doanh	tỷ đồng	0	0	0
5	Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	317	204	-35,5%
6	Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	251	137	-45,5%
7	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	đồng/cổ phiếu	517	100	-80,66%

2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu (BCTC hợp nhất)

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn: (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	1,73	1,60	
- Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ - Hàng tồn kho/Nợ ngắn hạn)	1,18	1,05	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,65	0,65	
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,83	1,86	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Vòng quay hàng tồn kho: (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	2,39	2,17	
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,53	0,48	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	2,1%	1,2%	
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	3,1%	1,7%	
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	1,1%	0,6%	
- Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	2,8%	2,3%	

V. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

1. Cổ phần

- Tổng số cổ phần đang lưu hành theo danh sách chốt ngày 23/03/2026: **407.194.183 cổ phần**
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: **407.194.183 cổ phần**

2. Cơ cấu cổ đông:

Cơ cấu cổ đông trong nước và nước ngoài:

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ (*)
A	**Phân theo cổ đông trong nước và ngoài nước**	**13.309**	**407.194.183**	**100,00%**
I	**Cổ đông trong nước**	**13.167**	**356.091.560**	**87,45%**
1	Cổ đông là cá nhân	13.141	355.248.883	87,24%
	HĐQT, Ban TGĐ, KTT, BKTNN			*0,00%*
2	Cổ đông là pháp nhân	26	842.677	0,21%
II	**Cổ đông nước ngoài**	**142**	**51.102.623**	**12,55%**
1	Cổ đông là cá nhân	114	1.183.953	0,29%
2	Cổ đông là pháp nhân	28	49.918.670	12,26%
B	**Phân theo tỷ lệ sở hữu**	**13.309**	**407.194.183**	100,00%
I	**Cổ đông sở hữu từ 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết**	**6**	**233.856.179**	**57,43%**
1	Cổ đông trong nước	5	188.301.131	46,24%
2	Cổ đông nước ngoài	1	45.555.048	11,19%
II	**Cổ đông sở hữu dưới 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết**	**13.303**	**173.338.004**	**42,57%**
1	Cổ đông trong nước	13.162	167.790.429	41,21%
2	Cổ đông nước ngoài	141	5.547.575	1,36%

(*) là tỷ lệ cổ phần của từng loại cổ đông trên tổng số cổ phần đang lưu hành của Công ty CP Tập đoàn Sao Mai

- Chi tiết cổ đông lớn:

STT	Cá nhân/tổ chức	Số CCCD/ Số đăng ký sở hữu	Chức vụ tại công ty	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu
1	Lê Thanh Thuấn	038058014616		78.628.740	19,31%
2	Lê Tuấn Anh	089094012558	Tổng Giám đốc	45.860.558	11,26%
3	PYN ELITE FUND (NON-UCITS)	CA.5604		45.555.048	11,19%
4	Lê Thị Nguyệt Thu	089185015392		21.720.572	5,33%
5	Võ Thị Thanh Tâm	089152011262		21.172.280	5,20%
6	Lê Thị Thiên Trang	089191014290		20.918.981	5,14%
	Tổng			**233.856.179**	**57,43%**

3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu

Trong quá trình phát triển, Công ty đã nhiều lần tăng vốn đầu tư chủ sở hữu, cụ thể như :

- **Tăng vốn lần 1:** Tăng vốn điều lệ từ 905.000.000 đồng lên 2.520.000.000 đồng theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 09/1997/NQ-HĐCĐ ngày 27/11/1997.
  - Thời gian thực hiện: Tháng 12 năm 1997.
  - Đối tượng phát hành: Cổ đông sáng lập.
  - Số lượng phát hành: 80,75 cổ phiếu, mệnh giá 20.000.000 đồng/cổ phần.
  - Tỷ lệ phân phối: Theo tỷ lệ nắm giữ của cổ đông sáng lập.
  - Giá phát hành: 20.000.000 đồng/cổ phiếu.
- **Tăng vốn lần 2:** Tăng vốn điều lệ từ 2.520.000.000 đồng lên 25.200.000.000 đồng theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 12/2000/NQ-HĐCĐ ngày 31/12/2000.
  - Thời gian thực hiện: Tháng 02 năm 2001.
  - Đối tượng phát hành: Cổ đông sáng lập.
  - Số lượng phát hành: 1.134 cổ phiếu, mệnh giá 20.000.000 đồng/cổ phần.
  - Tỷ lệ phân phối: Theo tỷ lệ nắm giữ của cổ đông sáng lập.
  - Giá phát hành: 20.000.000 đồng/cổ phiếu.
- **Tăng vốn lần 3:** Tăng vốn điều lệ từ 25.200.000.000 đồng lên 32.820.000.000 đồng theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 05/2004/NQ-HĐCĐ ngày 14/05/2004.
  - Thời gian thực hiện: Tháng 06 năm 2004.
  - Đối tượng và tỷ lệ phân phối: thỏa thuận giữa các cổ đông sáng lập theo tỷ lệ sở hữu.
  - Số lượng phát hành: 381 cổ phiếu, mệnh giá 20.000.000 đồng/cổ phần.
  - Giá phát hành: 20.000.000 đồng/cổ phiếu.
- **Tăng vốn lần 4:** Tăng vốn điều lệ từ 32.820.000.000 đồng lên 49.563.000.000 đồng theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 07/NQ-SM ngày 01/08/2007.

  Tổng số lượng phát hành: 1.718.000 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Trong đó:

  Phát hành cho người lao động (Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và người lao động trong Công ty)
  - Số lượng phát hành: 164.000 cổ phần (tương đương 1,64 tỷ đồng mệnh giá).
  - Ngày chốt danh sách: 15/10/2007.
  - Tỷ lệ phân bổ quyền: Theo danh sách do HĐQT phê duyệt.
  - Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần.
  - Ngày phát hành: 24/10/2007.

  Phát hành lần đầu ra công chúng theo hình thức đấu giá:
  - Số lượng phát hành: 1.510.300 cổ phần (tương ứng 15,103 tỷ đồng mệnh giá).
  - Ngày phát hành: 24/10/2007.
  - Ngày bắt đầu chào bán: 24/10/2007.
  - Ngày kết thúc chào bán: 05/12/2007.
  - Giá trung bình quân làm tròn: 104.000 đồng/cổ phần.
  - Thời hạn đăng ký mua: Từ ngày 24/10/2007 đến ngày 05/11/2007.

- Thời gian thanh toán tiền mua cổ phiếu: Từ ngày 14/11/2007 đến ngày 05/12/2007.
- Ngày kết thúc chuyển giao cổ phiếu: 20/12/2007.

- **Tăng vốn lần 5:** Tăng vốn điều lệ từ 49.563.000.000 đồng lên 99.126.000.000 đồng theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 02/2009/NQ-HĐCĐ ngày 16/10/2009.
  - Tỷ lệ phân bổ quyền: 1:1.
  - Ngày phát hành: Từ 14/11/2009 đến 21/11/2009.
  - Số lượng phát hành: 4.956.300 cổ phần.
  - Hình thức phát hành: Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối.
- **Tăng vốn lần 6:** Tăng vốn điều lệ từ 99.126.000.000 đồng lên 397.362.020.000 đồng theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 31/NQ-ĐHĐCĐBT/2010 ngày 07/11/2010.

  Tổng số lượng phát hành: 29.823.602 cổ phiếu. Trong đó:

  Phát hành 29.328.802 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, cụ thể:
  - Thưởng 9.912.600 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1:1 (Cổ đông sở hữu 1 cổ phần sẽ được thưởng 1 cổ phần mới) từ nguồn thặng dư và lợi nhuận chưa phân phối;
  - Chào bán 19.416.202 cổ phiếu:
    - Đối tượng: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền;
    - Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phiếu;
    - Tỷ lệ chào bán: 1:2 (Cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu thì được 01 quyền mua, cứ 01 quyền mua thì được mua thêm 02 cổ phiếu mới);
    - Ngày phát hành: 16/3/2011.

  Phát hành 494.800 cổ phần (tương đương 4,99% vốn điều lệ hiện tại) cho CBCNV của Công ty, cụ thể:
  - Đối tượng chào bán: CBCNV có tên trong danh sách lao động của ASM tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông;
  - Giá chào bán 10.000 đồng/cổ phần;
  - Ngày phát hành: 16/3/2011.
- **Tăng vốn lần 7:** Tăng vốn điều lệ từ 397.362.020.000 đồng lên 476.834.400.000 đồng theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 02/BB-ĐHCĐ/2013 ngày 14/09/2013.
  - Mục đích: Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2011 theo tỉ lệ 5:1 từ nguồn thặng dư và lợi nhuận chưa phân phối.
  - Đối tượng: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền
  - Ngày phát hành: Quý 4/2013.
  - Số lượng phát hành: 7.947.238 cổ phần.
- **Tăng vốn lần 8:** Tăng vốn điều lệ từ 476.834.400.000 đồng lên 1.072.877.400.000 đồng theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/NQ-ĐHCĐ/2014 ngày 17/05/2014.

  Tổng số lượng phát hành: 59.604.300 cổ phiếu. Trong đó:

  * Phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu:

  + Số lượng phát hành: 9.536.688 cổ phiếu

+ Tỷ lệ thực hiện: 20%/vốn điều lệ

+ Nguồn thực hiện: Thặng dư vốn cổ phần

+ Ngày phát hành: 01/10/2014.

* Phát hành cho cổ đông hiện hữu:

+ Đối tượng chào bán: Cổ đông hiện hữu được hưởng quyền mua cổ phần mới theo tỷ lệ số cổ phần sở hữu tại thời điểm chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền mua.

+ Số lượng phát hành: 47.683.440 cổ phiếu

+ Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

+ Ngày phát hành: 24/11/2014.

* Phát hành cho cán bộ công nhân viên

+ Đối tượng chào bán: CBCNV có tên trong danh sách lao động của ASM đính kèm theo Nghị quyết HĐQT;

+ Số lượng phát hành: 2.384.172 cổ phiếu

+ Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

+ Ngày phát hành: 24/11/2014.

- **Tăng vốn lần 9:** Tăng vốn điều lệ từ 1.072.877.400.000 đồng lên 2.199.398.670.000 đồng (phát hành tăng vốn đợt 1 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/NQ-ĐHCĐ/2015 ngày 29/03/2015)

Tổng số lượng phát hành: 112.652.127 cổ phiếu. Trong đó:

* Phát hành để trả cổ tức 2014:

+ Đối tượng được chia cổ tức là: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền

+ Số lượng phát hành: 5.364.387 cổ phiếu

+ Tỷ lệ thực hiện: 5%/vốn điều lệ

+ Nguồn thực hiện: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

+ Ngày phát hành: 10/08/2015.

* Phát hành cho cổ đông hiện hữu:

+ Đối tượng chào bán: Cổ đông hiện hữu được hưởng quyền mua cổ phần mới theo tỷ lệ số cổ phần sở hữu tại thời điểm chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền mua.

+ Số lượng phát hành: 107.287.740 cổ phiếu

+ Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

+ Ngày phát hành: 25/09/2015.

- **Tăng vốn lần 10:** Tăng vốn điều lệ từ 2.199.398.670.000 đồng lên 2.419.338.530.000 đồng (phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2015 và 2016 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/NQ-ĐHCĐ/2017 ngày 05/05/2017)

+ Đối tượng được chia cổ tức là: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền

+ Tổng số lượng phát hành: 21.993.986 cổ phiếu. Trong đó:

. Cổ tức năm 2015 là: 5%/vốn điều lệ

. Cổ tức năm 2016 là: 5%/vốn điều lệ

+ Nguồn thực hiện: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

+ Ngày phát hành: 26/09/2017.

- **Tăng vốn lần 11:** Tăng vốn điều lệ từ 2.419.338.530.000 đồng lên 2.588.678.490.000 đồng (phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2017 và tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2018 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/NQ-ĐHCĐ/2018 ngày 26/04/2018)

  + Đối tượng được chia cổ tức là: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền

  + Tổng số lượng phát hành: 258.867.849 cổ phiếu. Trong đó:

  . Cổ tức năm 2017 là: 5%/vốn điều lệ

  . Cổ tức đợt 1 năm 2018 là: 2%/vốn điều lệ

  + Nguồn thực hiện: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

  + Ngày phát hành: 19/04/2019.

- **Tăng vốn lần 12:** Tăng vốn điều lệ từ 2.588.678.490.000 đồng lên **3.365.267.520.000 đồng** (phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2019 và năm 2020 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/NQ-ĐHCĐ/2021 ngày 28/04/2021)

  + Đối tượng được chia cổ tức là: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền

  + Tổng số lượng phát hành: **77.658.903** cổ phiếu.

  + Tỷ lệ thực hiện: 30%/vốn điều lệ

  + Nguồn thực hiện: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

  + Ngày phát hành: 17/01/2022.

- **Tăng vốn lần 13:** Tăng vốn điều lệ từ **3.365.267.520.000** đồng lên **3.701.782.500.000 đồng** (phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2022 và năm 2023 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/NQ-ĐHCĐ/2024 ngày 28/04/2024)

  + Đối tượng được chia cổ tức là: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền

  + Tổng số lượng phát hành: **33.651.498** cổ phiếu.

  + Tỷ lệ thực hiện: 10%/vốn điều lệ

  + Nguồn thực hiện: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

  + Ngày phát hành: 16/07/2024.

- **Tăng vốn lần 14:** Tăng vốn điều lệ từ **3.701.782.500.000** đồng lên **4.071.941.830.000 đồng** (phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2024 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/NQ-ĐHCĐ/2025 ngày 23/04/2025)

  + Đối tượng được chia cổ tức là: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền

  + Tổng số lượng phát hành: **37.015.933** cổ phiếu.

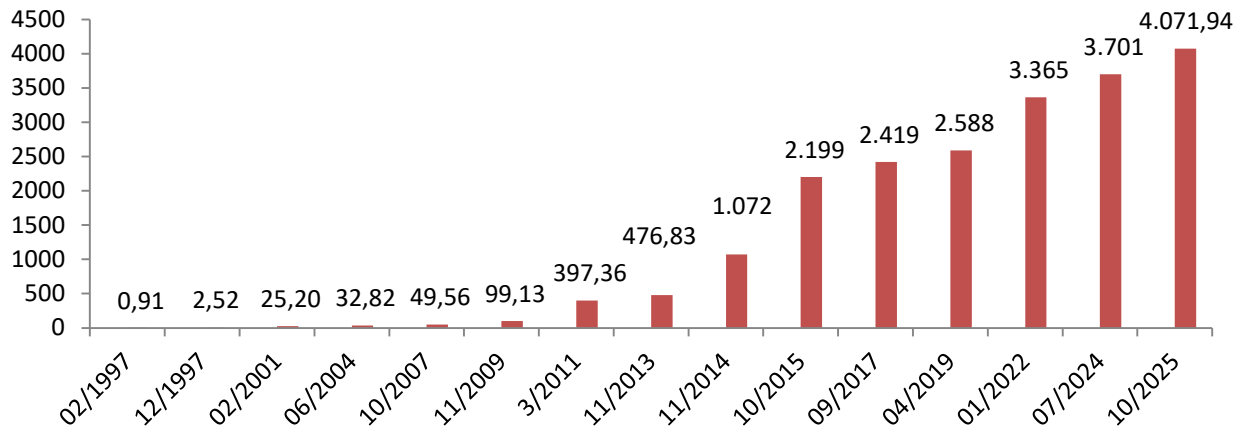
  + Tỷ lệ thực hiện: 10%/vốn điều lệ

  + Nguồn thực hiện: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

  + Ngày phát hành: 17/10/2025

Biểu đồ tăng trưởng vốn

ĐVT: tỷ đồng



4. Giao dịch cổ phiếu quỹ

Không phát sinh giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm.

5. Các chứng khoán khác:

Trong năm 2025 công ty không có phát hành các chứng khoán khác và cũng không có các loại chứng khoán khác đang lưu hành.



Một cung đường thuộc dự án Lam Sơn Sao Vàng, tỉnh Thanh Hóa

VI. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Trong bối cảnh toàn cầu đang đối mặt với những thách thức lớn về biến đổi khí hậu, suy giảm tài nguyên và yêu cầu ngày càng cao về phát triển bền vững, vấn đề bảo vệ môi trường và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp ngày càng được cộng đồng và nhà đầu tư quan tâm. Xu hướng tiêu dùng xanh, sản xuất sạch và phát triển kinh tế tuần hoàn đang trở thành tiêu chuẩn mới đối với các doanh nghiệp trên toàn thế giới.

Nhận thức rõ vai trò và trách nhiệm của mình, Tập đoàn Sao Mai không chỉ tập trung phát triển kinh tế, tạo việc làm cho người lao động mà còn chú trọng thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường, sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên và tích cực đóng góp cho cộng đồng.

1. Tác động lên môi trường

Tập đoàn Sao Mai đã đầu tư và phát triển các dự án năng lượng tái tạo, trong đó tiêu biểu là **Nhà máy Điện mặt trời Sao Mai 210 MWp** tại tỉnh An Giang và **Nhà máy Điện mặt trời Europlast Long An 50 MWp** tại tỉnh Long An (nay là tỉnh Tây Ninh).

Các dự án này mỗi năm cung cấp **hơn 400 triệu kWh điện sạch cho hệ thống điện quốc gia**, góp phần giảm đáng kể lượng phát thải khí CO_2 và hỗ trợ quá trình chuyển dịch năng lượng theo định hướng phát triển bền vững của Việt Nam.

2. Tiêu thụ năng lượng và nước

Công ty Sao Mai thực hiện chính sách tiết kiệm nước và năng lượng một cách chặt chẽ trong mọi hoạt động hằng ngày. Đồng thời, công ty luôn nhắc nhở cán bộ nhân viên sử dụng nước đúng cách và không lãng phí. Trong văn phòng làm việc, công ty sử dụng các thiết bị tiết kiệm điện và thân thiện với môi trường. Công ty cũng quản lý định mức tiêu hao hàng tháng để đảm bảo sử dụng năng lượng và nước không vượt quá mức đã đề ra. Hơn nữa, để tận dụng nguồn năng lượng sạch, công ty đã lắp đặt hệ thống Điện mặt trời trên mái nhà máy, giảm chi phí tiền điện mỗi năm lên đến 20%.



Hệ thống điện mặt trời trên nóc Nhà máy đông lạnh thủy sản IDI

3. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Công ty luôn tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường. Đối với lĩnh vực xây dựng và bất động sản, trước khi thực hiện dự án, Công ty đều có báo cáo thực hiện việc đánh giá tác động đến môi trường tại địa bàn thực hiện dự án. Đồng thời đưa ra các giải pháp thiết thực nhằm giảm tác động đến môi trường, hệ sinh thái ở mức thấp nhất.

Trong quá trình triển khai đầu tư, Công ty ưu tiên lựa chọn các nhà thầu có năng lực, áp dụng các giải pháp thi công thân thiện với môi trường và cam kết thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường, góp phần đảm bảo phát triển bền vững.

4. Chính sách liên quan đến người lao động

Tính bình quân năm 2025, Tập đoàn Sao Mai có gần 12.000 lao động, với mức thu nhập bình quân từ 10 – 30 triệu đồng/tháng tùy theo vị trí và lĩnh vực hoạt động.

Tập đoàn luôn chú trọng chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động thông qua các chính sách:

- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ hằng năm cho toàn thể người lao động.
- Xây dựng môi trường làm việc an toàn, lành mạnh, nghiêm cấm hút thuốc trong khu vực làm việc.
- Áp dụng các chính sách khen thưởng, phúc lợi và hỗ trợ mua nhà trả góp cho cán bộ công nhân viên.
- Tăng cường đào tạo chuyên môn và kỹ năng quản lý, tạo điều kiện cho cán bộ nhân viên tham gia các chương trình tập huấn, hội thảo chuyên ngành trong nước và quốc tế.

Bên cạnh đó, Tập đoàn cũng chú trọng phát triển đội ngũ lãnh đạo kế thừa, thông qua các chương trình đào tạo chuyên sâu và nâng cao năng lực quản trị.





Nhân viên nhà máy Điện mặt trời An Hảo tham gia tập huấn PCCC tháng 3/2025

5. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm với cộng đồng địa phương

Trong nhiều năm qua, Tập đoàn Sao Mai luôn nhất quán trong việc thực hiện trách nhiệm xã hội, tích cực triển khai các hoạt động an sinh và hỗ trợ cộng đồng tại nhiều địa phương.

Bên cạnh các chương trình hỗ trợ đột xuất do thiên tai bão lụt, Tập đoàn còn duy trì nhiều hoạt động thiện nguyện thường niên, mang tính bền vững và lan tỏa giá trị nhân văn sâu sắc, tiêu biểu như:

- Chương trình "Sao Mai ăn Tết với người nghèo" - hoạt động thường niên thể hiện văn hóa tình người, trao quà Tết (tiền mặt và nhu yếu phẩm) cho hộ nghèo, cận nghèo tại nhiều địa phương như An Giang, Đồng Tháp, Thanh Hóa để mang lại cái Tết đoàn viên ấm áp cho người dân.
- Đóng góp vào Quỹ khuyến học – khuyến tài**,** Quỹ vì người nghèo.
- Tài trợ học bổng cho học sinh nghèo hiếu học.
- Hỗ trợ trang thiết bị học tập cho các trường học ở vùng khó khăn.
- Chỉnh trang đô thị, lắp đặt hệ thống đèn đường tại nhiều địa phương nơi Tập đoàn hoạt động, góp phần tạo mỹ quan đô thị sạch đẹp, an toàn.



Ngày 05/06/2025 Sao Mai ủng hộ 2 tỷ đồng vào Quỹ xóa nhà tạm, nhà dột nát tỉnh Thanh Hóa



Sao Mai trao quà Tết năm 2026 tại Phường Tân Châu, tỉnh An Giang



Sao Mai trao quà Tết năm 2026 tại Phường Long Xuyên, tỉnh An Giang



Sao Mai trao quà Tết năm 2026 tại Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa

6. Cam kết phát triển bền vững và trách nhiệm xã hội

Trong năm 2025, Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Đa Quốc Gia **(IDI)** – công ty thành viên của Tập đoàn Sao Mai – tiếp tục triển khai hiệu quả các chương trình phát triển bền vững được tài trợ từ gói trái phiếu xanh phát hành trước đó.

Nguồn vốn này được sử dụng để:

- Phát triển chuỗi nuôi trồng và chế biến thủy sản bền vững.
- Đầu tư công nghệ chế biến tiết kiệm năng lượng.
- Tối ưu hóa sử dụng nguồn nước trong sản xuất.
- Nâng cao chất lượng sản phẩm thủy sản phục vụ thị trường trong nước và xuất khẩu.

Các hoạt động này không chỉ góp phần giảm tác động đến môi trường mà còn tạo việc làm ổn định cho hàng nghìn lao động tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long.

Việc đầu tư vào năng lượng sạch, phát triển chuỗi sản xuất thủy sản bền vững, chăm lo đời sống người lao động và tích cực đóng góp cho cộng đồng là minh chứng cho cam kết lâu dài của Tập đoàn Sao Mai trong việc xây dựng một doanh nghiệp phát triển bền vững, gắn kết với môi trường và xã hội.



C. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

1. Tình hình hoạt động kinh doanh:

Năm 2025, kinh tế thế giới tiếp tục chịu tác động từ nhiều yếu tố bất định như xung đột địa chính trị, biến động giá năng lượng và xu hướng bảo hộ thương mại tại một số thị trường lớn. Bên cạnh đó, biến đổi khí hậu với các hiện tượng thời tiết cực đoan ngày càng rõ rệt đã ảnh hưởng đến nhiều ngành sản xuất và chuỗi cung ứng toàn cầu.

Tại Việt Nam, nền kinh tế vẫn duy trì được đà tăng trưởng tích cực nhờ các chính sách điều hành linh hoạt của Chính phủ, đặc biệt là việc thúc đẩy đầu tư công, hỗ trợ doanh nghiệp và từng bước tháo gỡ các vướng mắc pháp lý cho thị trường bất động sản. Tuy nhiên, sức mua của thị trường chưa phục hồi hoàn toàn, chi phí đầu vào còn ở mức cao và môi trường kinh doanh vẫn tiềm ẩn nhiều thách thức.

Trong bối cảnh đó, Tập đoàn Sao Mai tiếp tục duy trì chiến lược phát triển dựa trên các lĩnh vực cốt lõi gồm thương mại – xuất khẩu thủy sản, bất động sản, dịch vụ du lịch và năng lượng tái tạo, đồng thời chú trọng nâng cao hiệu quả quản trị và tối ưu hóa hoạt động của từng đơn vị thành viên.

Theo **Báo cáo tài chính hợp nhất**, kết quả kinh doanh năm 2025 của Tập đoàn ghi nhận:

ĐVT: tỷ đồng

Chỉ tiêu	*Thực hiện năm 2024*	*Năm 2025*		*% TH2025/ TH2024*	*% TH2025/ KH2025*
		Kế hoạch	*Thực hiện*		
1. Doanh thu thuần	12.013	13.600	11.317	94,21%	83,2%
2. Lợi nhuận sau thuế TNDN	251	700	137	54,50%	19,5%
3. Vốn điều lệ	3.702	4.072	4.072	110,0%	100,0%

Mặc dù chưa đạt kế hoạch đề ra, kết quả này vẫn cho thấy nỗ lực của Ban Điều hành trong việc duy trì hoạt động ổn định của Tập đoàn trong bối cảnh thị trường còn nhiều biến động. Đồng thời, năm 2025 cũng là giai đoạn Tập đoàn tập trung chuẩn bị nền tảng cho các dự án và cơ hội tăng trưởng trong các năm tiếp theo.

Kết quả kinh doanh từng lĩnh vực cụ thể như sau:

1.1. Mảng thương mại và xuất khẩu thủy sản:

Ngành thủy sản năm 2025 tiếp tục chịu tác động từ nhiều yếu tố như biến động chi phí nguyên liệu, các tiêu chuẩn kỹ thuật và rào cản thương mại ngày càng khắt khe tại các thị trường nhập khẩu lớn. Bên cạnh đó, biến đổi khí hậu và dịch bệnh trong nuôi trồng thủy sản cũng ảnh hưởng đến nguồn cung nguyên liệu.

Trong bối cảnh đó, Tập đoàn Sao Mai tiếp tục củng cố mô hình chuỗi giá trị khép kín từ nuôi trồng – chế biến – xuất khẩu, đồng thời tăng cường mở rộng thị trường và đa dạng hóa sản phẩm nhằm nâng cao khả năng thích ứng trước các biến động của thị trường.

Theo báo cáo tài chính hợp nhất, doanh thu từ lĩnh vực thương mại và xuất khẩu thủy sản **đạt 10.235 tỷ đồng**, chiếm tỷ trọng lớn trong tổng doanh thu của Tập đoàn, thực hiện 93,5% so với năm 2024 và 83,3% kế hoạch đề ra.

1.2. Về lĩnh vực Bất động sản:

Trong năm 2025, thị trường bất động sản Việt Nam từng bước ghi nhận những tín hiệu phục hồi sau giai đoạn trầm lắng kéo dài từ năm 2022 đến năm 2024. Các chính sách tháo gỡ khó khăn về pháp lý dự án, cùng với việc đẩy mạnh đầu tư hạ tầng và phát triển đô thị tại nhiều địa phương đã góp phần cải thiện niềm tin của thị trường. Tuy nhiên, quá trình phục hồi vẫn diễn ra tương đối thận trọng khi thanh khoản thị trường chưa thực sự ổn định, tâm lý nhà đầu tư còn dè dặt và nguồn vốn tín dụng dành cho bất động sản tiếp tục được kiểm soát chặt chẽ. Đặc biệt, trong những tháng cuối năm 2025, mặt bằng lãi suất có xu hướng gia tăng trở lại, ảnh hưởng nhất định đến tâm lý thị trường và khả năng tiếp cận nguồn vốn của nhà đầu tư.

Trong bối cảnh đó, phân khúc bất động sản đất nền và các dự án khu đô thị tại những khu vực đang phát triển hạ tầng vẫn được đánh giá có tiềm năng tăng trưởng trong trung và dài hạn. Tuy nhiên, trong ngắn hạn, tốc độ hấp thụ của thị trường vẫn còn hạn chế, từ đó tác động nhất định đến tiến độ tiêu thụ sản phẩm cũng như việc ghi nhận doanh thu của các doanh nghiệp bất động sản trong năm 2025.

Đối với hoạt động kinh doanh bất động sản của Công ty, doanh thu năm 2025 chỉ đạt 76 tỷ đồng, tương đương 27,3% so với kế hoạch năm**.** Kết quả này chủ yếu do việc lùi thời điểm mở bán dự án Lam Sơn sang năm 2026 trong bối cảnh thị trường chưa thực sự thuận lợi. Tuy nhiên, doanh thu bất động sản năm 2025 tăng 12,5% so với năm 2024 đã cho thấy hoạt động kinh doanh bất động sản của Công ty bắt đầu có sự cải thiện so với năm trước, dù thị trường vẫn đang trong giai đoạn phục hồi thận trọng.



Cổng chào dự án Lam Sơn - Sao Vàng tỉnh Thanh Hóa

Tình hình khai thác cụ thể các dự án Bất động sản của Tập đoàn tính đến ngày 31/12/2025:

Diễn giải	Theo dự án			Đã bán			Còn lại		
	Đất nền		Đất kinh doanh khác (m^2)	Đất nền		Đất kinh doanh khác (m^2)	Đất nền		Đất kinh doanh khác (m^2)
	Số nền	Diện tích (m^2)		Số nền	Diện tích (m^2)		Số nền	Diện tích (m^2)	
Khu dân cư Bình Khánh 3	2.735	250.823	4.950	2.476	218.560		259	32.263	4.950
Khu dân cư Bình Khánh 5	1.234	134.538	8.593	1.154	127.134		80	7.404	8.593
Khu dân cư Cái Dầu - Châu Phú	1.031	105.392	10.400	1.006	102.683		25	2.709	10.400
Khu dân cư Tịnh Biên	1.159	110.344	13.529	1.120	104.652		39	5.692	13.529
Khu dân cư Tri Tôn	1.069	107.177	24.925	974	99.132		95	8.045	24.925
Khu dân cư Hội An	303	28.406	24.925	230	21.916	20.661	73	6.490	4.264
Khu dân cư Tân Hiệp	372	41.863		365	38.919		7	2.944	0
Khu dân cư TTTM Lấp Vò	496	55.739	38.791	492	54.390	-	4	1.349	38.791
Khu dân cư Xuân Thịnh	1.484	201.635	19.991	1.277	171.586		207	30.049	19.991
Khu dân cư Cà Mau	1.724	156.078		857	97.159		867	58.919	-

1.3. Về lĩnh vực Dịch vụ:

Năm 2025 đánh đấu sự phục hồi rõ nét của ngành du lịch Việt Nam sau thời kỳ chịu nhiều tác động từ biến động kinh tế và sự suy giảm của thị trường dịch vụ trong những năm trước. Nhờ các chính sách hỗ trợ của Chính phủ, mở rộng visa và tăng cường quảng bá điểm đến, lượng khách du lịch quốc tế và nội địa tăng trưởng trở lại.

Trong năm, Việt Nam đón khoảng 21,5 triệu lượt khách quốc tế và trên 130 triệu lượt khách nội địa, với tổng doanh thu du lịch ước đạt gần 1 triệu tỷ đồng. Xu hướng du lịch tiếp tục dịch chuyển theo hướng trải nghiệm thiên nhiên, nghỉ dưỡng sinh thái và du lịch tâm linh**,** tạo cơ hội cho các doanh nghiệp sở hữu hệ sinh thái du lịch sinh thái – nghỉ dưỡng – văn hóa phát triển các sản phẩm du lịch có giá trị gia tăng cao và bền vững.

Tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, An Giang là một trong những địa phương có tiềm năng nổi bật nhờ hệ sinh thái tự nhiên đa dạng cùng các địa danh tâm linh thu hút đông đảo du khách. Đây là nền tảng thuận lợi để phát triển các sản phẩm du lịch sinh thái, văn hóa và tâm linh trong dài hạn.

Trong chiến lược phát triển đa ngành, Tập đoàn Sao Mai từng bước xây dựng hệ sinh thái du lịch – dịch vụ bao gồm khách sạn, nhà hàng, khu du lịch sinh thái và nghỉ dưỡng. Năm 2025, hoạt động kinh doanh du lịch của Tập đoàn duy trì quy mô ổn định trong bối cảnh thị trường vẫn còn nhiều yếu tố cạnh tranh. Doanh thu năm 2025 đạt 240 tỷ đồng, khoảng 92,4% kế hoạch năm và tương đương 113,9% so với năm 2024**.** Dù chưa đạt mục tiêu tăng trưởng đề ra, hoạt động du lịch của Tập đoàn vẫn duy trì được sự ổn định, phản ánh nỗ lực trong việc kiểm soát chi phí, duy trì chất lượng dịch vụ và giữ vững thị phần trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng gia tăng.

1.4. Về lĩnh vực điện mặt trời

Hiện Tập đoàn đang vận hành hai dự án điện mặt trời gồm Nhà máy điện mặt trời An Hảo (công suất 210 MWp) tại xã An Hảo, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang (nay là xã Núi Cấm, tỉnh An Giang) và Nhà máy điện mặt trời Europlast Long An (công suất 50 MWp) tại xã Mỹ Thạnh Bắc, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An (nay là xã Mỹ Quý, tỉnh Tây Ninh). Các dự án không chỉ bổ sung nguồn điện sạch cho hệ thống điện quốc gia mà còn góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế địa phương, tạo việc làm và giảm phát thải khí nhà kính. Doanh thu năm 2025 đạt 765 tỷ đồng. Kết quả này phản ánh hiệu quả vận hành ổn định của các nhà máy điện mặt trời, đồng thời khẳng định hiệu quả của chiến lược đầu tư sớm vào năng lượng tái tạo. Đây cũng là nền tảng để Tập đoàn tiếp tục mở rộng danh mục đầu tư vào các dự án năng lượng sạch, đặc biệt là điện gió, trong giai đoạn phát triển tiếp theo.

Tên nhà máy	**Doanh thu 2025** (tỷ đồng)
Nhà máy Điện mặt trời Sao Mai 210Mwp	595,55
Nhà máy Điện mặt trời Europlast Long An 50Mwp	165,95

2. Những tiến bộ Công ty đã đạt được

✓ **Uy tín và thương hiệu:** Sao Mai đã xây dựng và khẳng định vị thế của Tập đoàn không chỉ trên khắp cả nước mà còn trên thương trường Quốc tế. Các dự án của Sao Mai được triển khai rộng khắp các tỉnh thành như An Giang, Kiên Giang, Đồng Tháp, Cần Thơ, Bến Tre, TP.HCM, Hòa Bình, Thanh Hóa..... và luôn nhận được sự ủng hộ từ các ban ngành địa phương. Đặc biệt, thương hiệu Tập đoàn Sao Mai đã được các tổ chức kinh tế thế giới quan tâm và đánh giá cao. Các dự án của Sao Mai được các tổ chức kinh tế thế giới quan tâm, đến viếng thăm và làm việc. Tiêu biểu những năm gần đây như: Tập đoàn Desmet Ballestra (Châu Âu); Đoàn lãnh đạo Thành phố Oss – Hà Lan; Tập đoàn Koyo (Nhật); Công ty Hanmi Global (Hàn Quốc); Công ty Eiki Shoji Corporation (Nhật Bản); Lãnh đạo Cơ quan Phát Triển Quốc tế Hoa Kỳ - USAID; Ban lãnh đạo Cơ quan hợp tác phát triển Đức (GIZ); Tập đoàn Siemens (CHLB Đức); Tập đoàn CJ (Hàn Quốc); Tập đoàn SKIOLD (Đan Mạch); Đoàn báo chí Đức.

✓ **Tài chính mạnh mẽ**: Tình hình tài chính của Sao Mai rất lành mạnh nhờ vào sự ổn định trong kinh doanh và mối quan hệ uy tín với các tổ chức tín dụng. Điều này đã tạo điều kiện thuận lợi cho Sao Mai trong việc huy động vốn để thực hiện các dự án quan trọng.

✓ **Nguồn nhân lực chất lượng**: Sao Mai sở hữu một đội ngũ nhân lực dồi dào, có trình độ chuyên môn cao và được đào tạo bài bản. Điều này giúp Sao Mai đáp ứng được mọi yêu cầu và thách thức trong quá trình phát triển.

✓ **Ứng dụng công nghệ**: Sao Mai liên tục cập nhật và áp dụng các công nghệ mới nhằm tối ưu hóa quy trình làm việc, gia tăng hiệu suất lao động và tiết kiệm thời gian, từ đó nâng cao năng suất và hiệu quả sản xuất.



Hội thảo Quản trị và kỹ năng kinh doanh trong ngành du lịch ngày 21/08/2025

II. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

1. Tài sản:

– Năm 2025, Tổng tài sản của Tập đoàn Sao Mai đạt 23.476 tỷ đồng, tăng 620 tỷ đồng, cao hơn 2,71% so với năm 2024.

– Trong cơ cấu tổng tài sản thì tài sản dài hạn chiếm 9.350 tỷ đồng (# 39,83% tổng tài sản) và tài sản ngắn hạn chiếm hơn 14.126 tỷ đồng (# chiếm 60,17% tổng tài sản).

2. Nợ phải trả:

- Nợ phải trả của Tập đoàn Sao Mai là 15.263 tỷ đồng, tăng 3,35% so với năm 2024. Trong đó, Nợ ngắn hạn chiếm 8.852 tỷ đồng (# 58,00% tổng nợ phải trả), Nợ dài hạn 6.411 tỷ đồng (# 42,00% tổng nợ phải trả)

- Một số chỉ tiêu liên quan đến nợ phải trả:

STT	Chỉ tiêu cơ cấu vốn	Năm 2024	Năm 2025
1	Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,65	0,65
2	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	1,83	1,86

3. Hiệu quả sử dụng vốn:

Với mức lợi nhuận trên BCTC hợp nhất năm 2025 đạt 137 tỷ đồng, bằng 54,49% so với năm 2024. Chỉ số EPS 100 đồng/cổ phần, giảm 80,66% so với năm 2024.

Năm 2025 Tập Đoàn đạt được những kết quả như sau:

STT	Chỉ tiêu trên BCTC hợp nhất	ĐVT	Năm 2024	Năm 2025	% tăng/giảm so với 2024
1	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	8.088	8.213	Tăng 1,55%
2	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	3.702	4.072	Tăng 10%
3	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	12.013	11.317	Giảm 5,79%
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	251	137	Giảm 45,5%
5	Lợi nhuận sau thuế/một cổ phần	đồng/cổ phần	517	100	Giảm 80,66%

III. NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

- Bộ máy hoạt động đã được cơ cấu lại theo hướng gọn nhẹ, linh hoạt và hiệu quả;

- Một số bộ phận thực hiện khoán lương theo sản phẩm bước đầu đã phát huy tác dụng. Ngoài ra, Sao Mai còn tăng cường chế độ khen thưởng cho CBCNV hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao;

- Việc thực hiện phân quyền các bộ phận chuyên môn để phát huy tính chủ động, sáng tạo của từng đơn vị trong công việc góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Tập đoàn đã thành lập Hội đồng Mua sắm trực thuộc Tập đoàn Sao Mai, Hội đồng thẩm định hồ sơ và xét thầu các dự án,... Mục tiêu của Hội đồng là đảm bảo rằng quá trình mua sắm được thực hiện một cách minh bạch, công bằng, tiết kiệm chi phí và tránh xa khỏi tình trạng thất

thoát lãng phí và gian lận. Bằng cách này, Hội đồng giúp công ty hoạt động hiệu quả hơn và đảm bảo sự phát triển bền vững.

- Tập đoàn Sao Mai đã tổ chức nhiều cuộc thi lớn để tìm kiếm nhân tài có những ý tưởng sáng tạo cho các dự án dịch vụ du lịch, bất động sản. Cụ thể như Hội thi thiết kế kiến trúc Khu chung cư phức hợp Sao Mai Lotus Lake, cuộc thi đặt tên thương mại cho Resort Sao Mai tại Thanh Hóa, Cuộc thi "Đăng tin, chia sẻ thông tin tích cực về Lamori Resort & Spa", Hội thi "Sáng Tạo Ẩm Thực" lần I - 2025.





IV. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

1. Mục tiêu chung:

- Phấn đấu hoàn thành và vượt các chỉ tiêu **doanh thu, lợi nhuận** theo kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Tiếp tục **nâng cao năng lực cạnh tranh**, củng cố vị thế của Tập đoàn trong lĩnh vực **thủy sản**, đặc biệt ở phân khúc chế biến và xuất khẩu.
- **Đẩy mạnh phát triển lĩnh vực bất động sản**, từng bước gia tăng tỷ trọng doanh thu, tạo nền tảng cho sự bứt phá về lợi nhuận trong các giai đoạn tiếp theo.
- Hướng đến **phát triển bền vững**, cân bằng giữa hiệu quả kinh doanh, trách nhiệm xã hội và bảo vệ môi trường

2. Chiến lược phát triển:

- **Mở rộng thị trường xuất khẩu:** củng cố các thị trường chủ lực, đồng thời mở rộng sang các thị trường tiềm năng. Đẩy mạnh các sản phẩm giá trị gia tăng, đáp ứng xu hướng tiêu dùng toàn cầu.
- **Đầu tư công nghệ, nâng cao hiệu quả sản xuất:** Ứng dụng công nghệ tiên tiến trong nuôi trồng, chế biến và quản lý sản xuất nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và tối ưu chi phí.
- **Hoàn thiện chuỗi giá trị thủy sản:** Phát triển chuỗi giá trị khép kín từ con giống – thức ăn – vùng nuôi – chế biến – xuất khẩu, nâng cao tính chủ động nguồn nguyên liệu và kiểm soát chất lượng.
- **Phát triển du lịch và dịch vụ:** Khai thác hiệu quả các dự án hiện hữu, phát triển các sản phẩm **du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng và du lịch cộng đồng** gắn với lợi thế địa phương.
- **Nâng cao năng lực quản trị:** Đẩy mạnh chuyển đổi số, hoàn thiện hệ thống quản trị minh bạch và hiệu quả, đáp ứng yêu cầu phát triển quy mô lớn và hội nhập quốc tế

Các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh hợp nhất năm 2026 như sau:

Chỉ tiêu	Số tiền (tỷ đồng)
Doanh thu thuần	**13.735**
- Xuất khẩu cá tra	3.250
- Bất động sản	1.070
- Dịch vụ, khách sạn	270
- Thương mại	4.600
- Thức ăn cá	3.765
- Năng lượng	780
Lợi nhuận sau thuế TNDN	**900**

3. Định hướng cụ thể từng lĩnh vực như sau:

3.1. Bất động sản:

Công ty dự kiến doanh thu năm 2026 khoảng 1.070 tỷ đồng. Ngoài các dự án đã được khai thác từ trước, Sao Mai bắt đầu khai thác dự án Khu đô thị mới Sao Mai Lam Sơn - Sao Vàng tại Thọ Xuân, Thanh Hóa vào cuối tháng 3/2026. Dự kiến đến giữa năm 2026, công ty sẽ tiếp tục mở bán dự án Khu đô thị mới Sao Mai tại xã Minh Sơn, Thanh Hóa.

Với định hướng phát triển bền vững, cùng sự chuẩn bị kỹ lưỡng về pháp lý, hạ tầng và chiến lược sản phẩm, Sao Mai tin tưởng rằng hai dự án trọng điểm này sẽ tạo nguồn sản phẩm ổn định cho thị trường, qua đó đóng góp tích cực vào tăng trưởng doanh thu và dòng tiền của Công ty trong các năm tới.

3.2. Thương mại - thủy sản:

Triển vọng dài hạn của ngành cá tra vẫn được đánh giá tích cực khi nhu cầu thực phẩm toàn cầu tiếp tục gia tăng cùng với sự gia tăng dân số và xu hướng tiêu dùng thực phẩm có giá trị dinh dưỡng cao. Trong khi đó, nguồn lợi thủy sản tự nhiên ngày càng suy giảm do biến đổi khí hậu và khai thác quá mức, còn ngành chăn nuôi gia súc, gia cầm thường xuyên đối mặt với các rủi ro dịch bệnh. Trong bối cảnh đó, thủy sản nói chung và cá tra nói riêng ngày càng được xem là nguồn protein hiệu quả, an toàn và bền vững, với dư địa tăng trưởng tại các thị trường lớn như Mỹ, EU, Trung Quốc cũng như các thị trường mới nổi tại Trung Đông và Nam Mỹ.

Trên cơ sở đó, Tập đoàn Sao Mai tiếp tục kiên định chiến lược phát triển bền vững ngành cá tra, tập trung hoàn thiện **chuỗi giá trị khép kín từ con giống – vùng nuôi – chế biến – xuất khẩu**, qua đó nâng cao năng lực chủ động nguồn nguyên liệu, tối ưu chi phí sản xuất và gia tăng giá trị sản phẩm. Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia (IDI) – đơn vị thành viên của Tập đoàn – tiếp tục đóng vai trò trung tâm trong hoạt động chế biến và xuất khẩu, đồng thời đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, tiêu chuẩn sản xuất xanh và năng lượng tái tạo nhằm đáp ứng các yêu cầu ngày càng khắt khe của thị trường quốc tế.

Về xuất khẩu, Tập đoàn định hướng phát triển theo hướng chuyên môn hóa và nâng cao hiệu quả thị trường. Hoạt động thương mại cá tra fillet đông lạnh của Sao Mai tập trung duy trì quan hệ với các khách hàng truyền thống, trong khi IDI tiếp tục mở rộng năng lực chế biến và xuất khẩu, đóng vai trò nòng cốt trong chiến lược phát triển thị trường cá tra của Tập đoàn.

Về thương mại – thủy sản, Tập đoàn duy trì hệ thống vùng nuôi cá tra liên kết với quy mô khoảng 300 ha nhằm đảm bảo nguồn nguyên liệu ổn định cho các nhà máy chế biến. Khoảng 90% sản lượng của Nhà máy chế biến thức ăn thủy sản được cung ứng cho hệ thống vùng nuôi của Tập đoàn, phần còn lại phục vụ thị trường bên ngoài, qua đó nâng cao hiệu quả chuỗi giá trị sản xuất.

Về đầu tư, Tập đoàn tiếp tục triển khai các dự án trọng điểm nhằm củng cố nền tảng phát triển dài hạn của ngành cá tra:

• **Nhà máy chế biến thủy sản Hoa Kỳ**: khởi công ngày 07/01/2025 với công suất chế biến khoảng 120 tấn nguyên liệu/ngày, sản lượng cá fillet đông lạnh dự kiến đạt khoảng 20.000 tấn/năm. Nhà máy được đầu tư công nghệ hiện đại từ châu Âu, đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng nghiêm ngặt của thị trường Mỹ và EU. Khi đi vào hoạt động, tổng công suất chế biến của

IDI sẽ nâng lên gần 600 tấn nguyên liệu/ngày, đồng thời áp dụng các giải pháp sản xuất xanh và điện mặt trời nhằm giảm phát thải và nâng cao hiệu quả năng lượng.

• **Trung tâm sản xuất giống cá tra chất lượng cao**: dự án có công suất dự kiến 300 triệu con giống/năm với tổng mức đầu tư khoảng 400 tỷ đồng, dự kiến hoàn thành và đưa vào khai thác cuối năm 2026. Dự án giúp Tập đoàn chủ động nguồn giống, hoàn thiện chuỗi sản xuất khép kín và nâng cao hiệu quả nuôi trồng tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long.

Với nền tảng chuỗi giá trị ngày càng hoàn thiện và chiến lược phát triển nhất quán, Tập đoàn đặt mục tiêu **doanh thu thương mại và xuất khẩu thủy sản năm 2026 đạt 11.615 tỷ đồng**, tiếp tục củng cố vị thế của Tập đoàn trong ngành cá tra Việt Nam và nâng cao giá trị thương hiệu thủy sản Việt trên thị trường quốc tế.

3.3. Ngành Du lịch - Dịch vụ:

Biến đổi khí hậu và các hiện tượng thời tiết cực đoan ngày càng gia tăng đang đặt ra những yêu cầu mới đối với ngành du lịch, đặc biệt trong việc phát triển các sản phẩm thân thiện với môi trường và gắn với bảo tồn tài nguyên thiên nhiên. Trong dài hạn, xu hướng du lịch toàn cầu được dự báo sẽ chuyển dịch mạnh theo hướng **du lịch xanh, du lịch trải nghiệm và du lịch gắn với văn hóa – tâm linh**. Du khách ngày nay không chỉ tìm kiếm những chuyến đi nghỉ dưỡng đơn thuần mà ngày càng quan tâm đến các hành trình mang tính trải nghiệm, khám phá thiên nhiên, tìm hiểu văn hóa bản địa và chăm sóc sức khỏe tinh thần. Những điểm đến sở hữu hệ sinh thái tự nhiên đặc sắc, môi trường trong lành và chiều sâu văn hóa truyền thống đang ngày càng được ưa chuộng.

Đối với Việt Nam, đây là cơ hội để phát huy lợi thế về cảnh quan thiên nhiên, hệ sinh thái đa dạng và bản sắc văn hóa địa phương, qua đó phát triển các sản phẩm du lịch bền vững với giá trị trải nghiệm cao.

Tiềm năng của Du lịch Đồng Tháp:

Đồng Tháp đang từng bước định vị là điểm đến du lịch sinh thái đặc trưng của vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Trong định hướng phát triển của tỉnh, thành phố Sa Đéc được quy hoạch trở thành **"thành phố hoa của vùng Mekong"**, gắn với các dự án phát triển cảnh quan và du lịch ven sông, nổi bật là ý tưởng xây dựng tuyến **"dòng sông hoa" dài khoảng 10 km**. Cùng với đó, hệ thống cơ sở lưu trú, nhà hàng và dịch vụ du lịch tại địa phương tiếp tục được đầu tư nâng cấp, góp phần cải thiện năng lực phục vụ và nâng cao trải nghiệm cho du khách.

Đặc biệt, **Khu bảo tồn và du lịch sinh thái Đồng Tháp Mười** với diện tích khoảng **107 ha** sở hữu hệ sinh thái đất ngập nước đặc trưng, đa dạng sinh học phong phú và cảnh quan thiên nhiên nguyên sơ. Đây là khu vực có tiềm năng lớn để phát triển các sản phẩm du lịch sinh thái, trải nghiệm thiên nhiên và giáo dục môi trường trong thời gian tới.

Triển vọng của Du lịch An Giang:

An Giang là địa phương hiếm hoi của vùng Đồng bằng sông Cửu Long sở hữu địa hình bán sơn địa đặc trưng, kết hợp hài hòa giữa núi non, sông nước và các giá trị văn hóa – tín ngưỡng lâu đời.

Mỗi năm tỉnh đón khoảng 10 triệu lượt khách du lịch, trong đó nổi bật là dòng khách hành hương đến khu du lịch tâm linh Núi Sam – Châu Đốc, nơi có Miếu Bà Chúa Xứ – một trong những điểm hành hương lớn của cả nước.

Bên cạnh đó, các điểm đến sinh thái như Rừng tràm Trà Sư, Núi Cấm cùng sự đa dạng văn hóa của cộng đồng Kinh, Khmer và Chăm đã tạo nên những trải nghiệm du lịch đặc sắc, góp phần nâng cao sức hấp dẫn của du lịch An Giang trong những năm gần đây.

Tiềm năng du lịch Thanh Hóa:

Thanh Hóa là địa phương có tài nguyên du lịch phong phú với khả năng phát triển đồng thời nhiều loại hình du lịch.

- **Du lịch biển:** Sầm Sơn, Hải Tiến và Hải Hòa là những điểm đến nghỉ dưỡng quen thuộc của khu vực Bắc Trung Bộ.
- **Du lịch sinh thái:** Vườn quốc gia Bến En, Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Luông và suối cá thần Cẩm Lương mang lại tiềm năng lớn cho các hoạt động du lịch trải nghiệm thiên nhiên.
- **Du lịch văn hóa – lịch sử:** Các di sản nổi bật như Thành Nhà Hồ, Khu di tích Lam Kinh và Đền Bà Triệu góp phần tạo nên chiều sâu văn hóa cho du lịch địa phương.
- **Du lịch tâm linh:** Nhiều điểm đến tâm linh nổi tiếng thu hút đông đảo du khách hành hương mỗi năm.

Định hướng phát triển của Tập đoàn Sao Mai:

Tập đoàn đang từng bước tái cấu trúc và nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Tháp và Công ty Cổ phần Du lịch An Giang, đồng thời tiếp tục đầu tư nâng cấp các điểm du lịch hiện hữu như Đồi Tức Dụp, Rừng tràm Trà Sư và Khu du lịch điện mặt trời An Hảo. Song song đó, Tập đoàn cũng nghiên cứu phát triển thêm các sản phẩm du lịch sinh thái mới, trong đó có Khu bảo tồn và du lịch sinh thái Đồng Tháp Mười.

Tại khu vực phía Bắc, dự án **Resort Sao Mai Thanh Hóa** đang được tiếp tục đầu tư và hoàn thiện, hướng tới phát triển khu nghỉ dưỡng sinh thái chất lượng cao gắn với hệ thống di sản văn hóa – lịch sử của địa phương.

Với định hướng đầu tư dài hạn và lợi thế từ các điểm đến giàu tiềm năng, lĩnh vực du lịch – dịch vụ được kỳ vọng sẽ từng bước trở thành một trong những mảng hoạt động đóng góp ổn định vào tăng trưởng và giá trị thương hiệu của Tập đoàn trong những năm tới**.**

Kế hoạch doanh thu năm 2026 đặt ra cho lĩnh vực dịch vụ của Tập đoàn là 270 tỷ đồng.

3.4. Năng lượng sạch

Trong chiến lược phát triển dài hạn, Sao Mai Group xác định năng lượng tái tạo là một trong những trụ cột tăng trưởng quan trọng, tập trung vào điện mặt trời và điện gió nhằm đón đầu xu hướng chuyển dịch năng lượng và phát triển kinh tế xanh.

Hai dự án hiện hữu gồm Nhà máy điện mặt trời An Hảo (210 MWp) tại An Giang và Nhà máy điện mặt trời Europlast Long An (50 MWp) tại Long An tiếp tục được vận hành ổn định, tạo nền tảng cho việc mở rộng danh mục đầu tư trong lĩnh vực năng lượng sạch.

Trong giai đoạn tới, Tập đoàn định hướng đẩy mạnh nghiên cứu và phát triển các dự án điện gió và điện mặt trời quy mô lớn, phù hợp với định hướng của Quy hoạch điện VIII và xu thế chuyển dịch năng lượng của khu vực. Với chiến lược đầu tư thận trọng, hiệu quả và bền vững, lĩnh vực năng lượng được kỳ vọng sẽ trở thành động lực tăng trưởng dài hạn, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh và gia tăng giá trị cho cổ đông trong tương lai.

Kế hoạch doanh thu năm 2026 đặt ra cho lĩnh vực năng lượng của Tập đoàn là 780 tỷ đồng

CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH KINH DOANH HỢP NHẤT CỦA TỪNG ĐƠN VỊ NĂM 2026

Chỉ tiêu kế hoạch doanh thu và lợi nhuận hợp nhất của Tập đoàn sẽ dựa vào kế hoạch kinh doanh của Sao Mai và các công ty con. Cụ thể một số công ty con có cơ cấu doanh số lớn như:

ĐVT: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Chỉ tiêu kế hoạch 2026							
	IDI	DAT	Sao Mai Super Feed	Du lịch AG	Du lịch ĐT	Nhựt Hồng	Europlast Long An	Sao Mai Solar
Doanh thu thuần	5.000	3.000	1.495	100	100	40	170	30
Lợi nhuận sau thuế	100	80	150	10	15	10	85	10

Từ những định hướng trên và nhận định về tình hình kinh tế năm 2026, Hội đồng quản trị thống nhất đề xuất chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh hợp nhất của Sao Mai năm 2026 để trình Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua như sau:

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Hợp nhất		
	Thực hiện 2025	Kế hoạch KD 2026	% KH2026/TH2025
1. Doanh thu thuần	**11.317**	**13.735**	121,4%
2. Lợi nhuận sau thuế TNDN	**137**	**900**	656,9%
3. Tỷ lệ chi trả cổ tức	Chưa thực hiện	5%-10%	



Phối cảnh dự án Khu đô thị Sao Mai Lam Sơn - Sao Vàng

V. Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: không có

VI. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

1. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Công ty đã thực hiện tốt các biện pháp bảo vệ môi trường, không ngừng nghiên cứu, cải tiến, ứng dụng khoa học công nghệ mới vào công tác điều hành, sản xuất nhằm bảo vệ môi trường tốt hơn.

Trong năm 2025, Sao Mai đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, không bị xử phạt do không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường.

2. Đánh giá liên quan đến vấn đề lao động

Công ty đã thực hiện tốt các quy định của pháp luật liên quan đến người lao động, đảm bảo được việc làm, tiền lương, chế độ chính sách, chế độ đãi ngộ khác cho người lao động. Cụ thể như:

+ CBCNV làm việc tại Công ty đều được hưởng tháng lương thứ 13, được ghi nhận những thành tích đóng góp trong năm và có những phần thưởng xứng đáng
+ Việc trích nộp Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp được thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật.
+ Đối với các đơn vị sản xuất, Công ty hỗ trợ suất ăn trưa, ăn chiều mỗi ngày và đồng phục mỗi năm. Riêng lực lượng lao động trực tiếp được trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động và tuân thủ an toàn lao động. Công ty cũng tạo nhiều điều kiện thuận lợi như bố trí hai nhà ăn thoáng mát hợp vệ sinh. Các món ăn của Công nhân viên của công ty luôn đa dạng, được luân phiên nhằm đảm bảo đầy đủ các chất dinh dưỡng, hợp vệ sinh, an toàn thực phẩm để có sức khỏe tốt và làm việc hiệu quả. Ngoài ra Công ty cũng hỗ trợ chi phí qua phà, đò, bố trí nhà ở cho CB-CNV và người lao động của Công ty để mọi người an tâm làm việc.

Trong năm 2025, Sao Mai đã tuân thủ đúng quy định về An toàn lao động, không vi phạm chính sách, chế độ đãi ngộ đối với người lao động.

3. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Hằng năm Công ty đều thực hiện trách nhiệm với cộng đồng, tích cực tham gia đóng góp kinh phí cho các hoạt động từ thiện, an sinh xã hội, hỗ trợ các chương trình do địa phương phát động như: ủng hộ đồng bào bị ảnh hưởng bởi lũ lụt, tặng quà Tết, đóng góp vào Quỹ phòng chống dịch trung ương và địa phương…Đây cũng là minh chứng cho lòng biết ơn và sự trân trọng của Sao Mai đối với các cấp chính quyền và người dân.

D. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN SAO MAI

I. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

1. Hiệu quả sản xuất kinh doanh:

Theo số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán thì Công ty đã đạt được những kết quả sau:

Chỉ tiêu	Năm 2025		
	Kế hoạch *(tỷ đồng)*	Thực hiện *(tỷ đồng)*	% TH so với KH
Doanh thu thuần	13.600	11.317	83,2%
Lợi nhuận sau thuế	700	137	19,5%

Hội đồng quản trị ghi nhận và đánh giá cao nỗ lực của Ban Điều hành trong việc duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh linh hoạt, ổn định trong bối cảnh môi trường kinh doanh nhiều biến động. Năm 2025, Tập đoàn phải đối mặt với hàng loạt thách thức như chi phí đầu vào tăng cao, sức mua suy giảm, thị trường xuất khẩu gặp khó khăn và lĩnh vực bất động sản chưa phục hồi rõ nét. Những yếu tố này đã tạo áp lực lớn lên dòng tiền, chi phí tài chính và hiệu quả hoạt động chung.

Mặc dù kết quả doanh thu và lợi nhuận chưa đạt kế hoạch đề ra, Hội đồng quản trị đánh giá cao công tác điều hành với sự chủ động thích ứng, kiểm soát rủi ro và duy trì ổn định hoạt động. Việc điều chỉnh thời điểm triển khai, mở bán các dự án, đặc biệt trong lĩnh vực bất động sản, được thực hiện thận trọng và phù hợp với diễn biến thị trường, tạo cơ sở cho hiệu quả kinh doanh trong các giai đoạn tiếp theo.

Hội đồng quản trị nhấn mạnh yêu cầu tiếp tục triển khai các giải pháp tăng trưởng theo hướng bền vững, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, tối ưu chi phí và củng cố năng lực cạnh tranh, qua đó tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển của Tập đoàn trong thời gian tới.

2. Tình hình đầu tư

Năm 2025, Tập đoàn Sao Mai tiếp tục thể hiện quyết tâm mạnh mẽ trong việc mở rộng và phát triển lĩnh vực Du lịch và Bất động sản.

Về lĩnh vực du lịch, trong bối cảnh ngành dịch vụ có dấu hiệu phục hồi mạnh sau đại dịch, Tập đoàn đã nâng cấp hàng loạt khu du lịch sinh thái tại An Giang và Đồng Tháp như: Khu du lịch Điện mặt trời An Hảo, Rừng Tràm Trà Sư, Đồi Tức Dụp, Khu bảo tồn Đồng Tháp Mười. Các dự án này góp phần nâng cao thương hiệu du lịch sinh thái bền vững của Tập đoàn. Đặc biệt, Resort Sao Mai Thanh Hóa (53,8 ha) đã hoàn thành giai đoạn 1 và đưa vào khai thác từ tháng 01/2025, với hệ thống biệt thự nghỉ dưỡng, nhà hàng, khu giải trí, chăm sóc sức khỏe cao cấp, đánh dấu bước tiến quan trọng trong chiến lược phát triển du lịch cao cấp của Tập đoàn.

Ở lĩnh vực bất động sản, Tập đoàn tiếp tục ghi dấu ấn với các dự án trọng điểm tại Thanh Hóa như: Dự án Khu đô thị Sao Mai Lam Sơn – Sao Vàng (70,7 ha), đã hoàn thiện hạ tầng giai đoạn 1 và cấp 1.274 sổ đỏ; mở bán trong tháng 3/2026. Dự án Khu đô thị Sao Mai Minh Sơn – Triệu Sơn (43,44 ha), đã được cấp 1.359 sổ đỏ và dự kiến khai thác vào giữa năm 2026.

Với nền tảng vững chắc và định hướng rõ ràng, Tập đoàn Sao Mai sẽ tiếp tục khẳng định vị thế trong lĩnh vực du lịch, bất động sản và năng lượng tái tạo tại Việt Nam.

3. Trách nhiệm với môi trường và xã hội:

Hội đồng quản trị đánh giá cao những thành tựu mà Tập đoàn Sao Mai đã đạt được trong những năm qua, đặc biệt là trong việc thực hiện trách nhiệm với môi trường và xã hội. Những nỗ lực này không chỉ mang lại lợi ích trực tiếp cho nhân viên, cộng đồng và môi trường mà còn góp phần xây dựng hình ảnh một doanh nghiệp có trách nhiệm, đáng tin cậy và bền vững. Tập đoàn sẽ tiếp tục duy trì và phát huy các giá trị này trong những năm tiếp theo, hướng đến mục tiêu phát triển toàn diện và bền vững.

3.1 Trách nhiệm với nhân viên và cộng đồng

Tập đoàn luôn đặt con người làm trung tâm, không ngừng cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho cán bộ, công nhân viên. Môi trường làm việc năng động, trẻ trung và đầy cơ hội phát triển đã được xây dựng, giúp nhân viên phát huy tối đa tiềm năng của mình. Bên cạnh đó, tinh thần tương thân tương ái trong nội bộ Tập đoàn được thể hiện rõ nét thông qua các hoạt động hỗ trợ nhân viên có hoàn cảnh khó khăn hoặc mắc bệnh hiểm nghèo. Những hành động thiết thực này không chỉ mang lại sự gắn kết nội bộ mà còn khẳng định giá trị nhân văn mà Tập đoàn hướng đến.

3.2. Cam kết bảo vệ môi trường

Tập đoàn Sao Mai đã và đang triển khai nhiều giải pháp bảo vệ môi trường, trong đó nổi bật là việc ứng dụng năng lượng tái tạo, đặc biệt là năng lượng mặt trời, tại các nhà máy và cơ sở sản xuất. Điều này không chỉ giúp giảm chi phí năng lượng mà còn góp phần giảm thiểu lượng khí thải carbon, hướng đến mục tiêu phát triển bền vững và bảo vệ môi trường.

Tập đoàn đã đạt được bước tiến quan trọng khi phát hành thành công gói trái phiếu xanh trong lĩnh vực thủy sản. Đây là minh chứng rõ ràng cho cam kết của Tập đoàn Sao Mai trong việc thúc đẩy các dự án thân thiện với môi trường và tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế về phát triển bền vững.

3.3. Đóng góp cho cộng đồng

Bên cạnh các hoạt động nội bộ, Tập đoàn cũng tích cực tham gia vào các chương trình hỗ trợ cộng đồng, đặc biệt là tại các địa phương nơi Tập đoàn hoạt động. Các dự án phát triển cơ sở hạ tầng, giáo dục và y tế đã góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân, đồng thời củng cố mối quan hệ bền chặt giữa Tập đoàn và cộng đồng.

II. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động cùng các quy chế đã ban hành, Hội đồng quản trị phân cấp, ủy quyền cho Tổng Giám đốc chủ động quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh. Ban Tổng Giám đốc được phân công nhiệm vụ rõ ràng theo từng lĩnh vực, đồng thời được ủy quyền phù hợp để nâng cao tính chủ động và hiệu quả trong công tác điều hành.

Kết thúc năm 2025, Hội đồng quản trị ghi nhận và đánh giá cao nỗ lực của Ban Tổng Giám đốc trong việc triển khai đầy đủ các định hướng đã đề ra. Hoạt động điều hành đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy chế nội bộ; thực hiện nghiêm túc các nghị quyết,

quyết định của Hội đồng quản trị; đồng thời bám sát thực tiễn, linh hoạt trong quản lý và tổ chức sản xuất kinh doanh. Sự phối hợp giữa Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc được duy trì hiệu quả, đúng quy định, góp phần đảm bảo hoạt động Công ty ổn định và phát triển.

III. CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Dự kiến năm 2026 nền kinh tế vẫn đối mặt với những thách thức và yếu tố bất định tiềm ẩn. Việc lựa chọn chiến lược kinh doanh và đầu tư phù hợp là cực kỳ quan trọng để đảm bảo đạt được mục tiêu kế hoạch kinh doanh đề ra.

Hội đồng quản trị đã cẩn trọng khi đặt ra mục tiêu năm 2026 với mức doanh thu thuần là 13.735 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế là 900 tỷ đồng và những định hướng trong năm 2026 như sau:

- Nâng cao hiệu quả quản trị, tăng cường giám sát và đồng hành cùng Ban Tổng Giám đốc trong điều hành, đảm bảo thích ứng linh hoạt với biến động thị trường.
- Ưu tiên triển khai các dự án đã hoàn thiện pháp lý, kiểm soát chặt chẽ hiệu quả đầu tư; thận trọng trong việc mở rộng dự án mới.
- Tập trung phát triển các lĩnh vực trọng điểm: Thủy sản (như tập trung đầu tư Nhà máy chế biến thủy sản Hoa Kỳ, Trung tâm giống thủy sản công nghệ cao Sao Mai), bất động sản, năng lượng tái tạo và du lịch; nâng cao hiệu quả khai thác và chất lượng sản phẩm, dịch vụ.
- Đẩy mạnh tái cấu trúc hệ thống theo mô hình Tập đoàn, tối ưu nguồn lực và nâng cao hiệu quả vận hành.
- Tăng cường quản trị tài chính, kiểm soát chi phí, đảm bảo an toàn dòng tiền trong bối cảnh chi phí đầu vào biến động.
- Tiếp tục tinh gọn bộ máy, nâng cao chất lượng nhân sự và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong quản trị.
- Hoàn thiện hệ thống quy chế quản trị phù hợp với yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới.



Một góc Lamori Resort Thanh Hóa

E. QUẢN TRỊ TẬP ĐOÀN

I. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Đại hội cổ đông thường niên năm 2024 ngày 21/04/2024 đã thống nhất thông qua thành viên Hội đồng quản trị Tập đoàn Sao Mai nhiệm kỳ 2024 – 2029 là 3 thành viên gồm Chủ tịch HĐQT, 01 Phó chủ tịch HĐQT và 01 thành viên độc lập HĐQT. Cụ thể:

STT	Họ & Tên	Chức vụ tại Sao Mai	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
1	Lê Văn Thành	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Phó TGĐ	0,29%
2	Nguyễn Văn Hung	Phó chủ tịch HĐQT kiêm Phó TGĐ	0,15%
3	Nguyễn Thị Hồng Loan	Thành viên HĐQT độc lập	0,00%

1. Ông Lê Văn Thành - Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Phó TGĐ

- Đã trình bày ở phần Danh sách Ban Điều hành tại mục II. Tổ chức và nhân sự

2. Ông Nguyễn Văn Hung - Phó chủ tịch HĐQT kiêm Phó tổng giám đốc

- Đã trình bày ở phần Danh sách Ban Điều hành tại mục II. Tổ chức và nhân sự

3. Bà Nguyễn Thị Hồng Loan - Thành viên HĐQT độc lập

- Bà Nguyễn Thị Hồng Loan được bầu làm thành viên HĐQT độc lập từ tháng 06/2020
- Trước đây bà Nguyễn Thị Hồng Loan làm việc tại Ngân Nhà Nước chi nhánh tỉnh Kiên Giang từ 1986 - 1990
- Từ năm 1990 - 1997: trưởng phòng tín dụng ngân hàng Đầu Tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh tỉnh Kiên Giang
- Năm 1997 - 2004: Phó Giám Đốc Ngân hàng Đầu Tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh tỉnh Kiên Giang
- Từ năm 2004 - 2013: Giám Đốc Ngân hàng Đầu Tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh tỉnh Kiên Giang.
- Từ năm 2013 - 2018: Giám Đốc Ngân hàng Đầu Tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Bến Nghé
- Hiện tại Bà Nguyễn Thị Hồng Loan đang nắm giữ 16.280 cổ phần của Sao Mai

2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: không có

3. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Trong năm 2025, Hội đồng quản trị đã hoạt động tích cực, thể hiện tinh thần trách nhiệm, thực hiện đầy đủ và đúng đắn quyền của thành viên HĐQT theo các quy định tại Điều lệ và Quy chế quản trị công ty. Các quyết định của HĐQT đưa ra đều đạt sự đồng thuận của tất cả các thành viên.
- Các nghị quyết của Hội đồng quản trị đã công bố trong năm:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/2025/NQ - ASM	22/01/2025	Nghị quyết Hội đồng quản trị về việc vay vốn và giao dịch với các bên có liên quan.
2	02/2025/NQ - ASM	19/02/2025	Nghị quyết Hội đồng quản trị về việc ngày đăng ký cuối cùng và kế hoạch tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025.
3	02/2025/NQ - HĐQT	29/04/2025	Nghị quyết Hội đồng quản trị về việc chấm dứt hoạt động văn phòng đại diện tại Thành phố Hòa Bình.
4	03/2025/NQ - HĐQT	13/05/2025	Nghị quyết Hội đồng quản trị về việc góp vốn tại Công ty Cổ phần Điện Gió Sao Mai.
5	04/NQ.HĐQT-2025	17/07/2025	Nghị quyết Hội đồng quản trị về việc chia cổ tức năm 2024 bằng cổ phiếu.
6	05/2025/NQ - ASM	19/12/2025	Nghị quyết Hội đồng quản trị về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh tại Cà Mau.
7	06/2025/NQ - ASM	19/12/2025	Nghị quyết Hội đồng quản trị về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh Bệnh viện Quốc tế Sao Mai.
8	1602SPF-VTB/2025/BBH-HĐQT	16/02/2025	Thông qua việc dùng tài sản của Tập đoàn Sao Mai để bảo lãnh, phát hành thư tín dụng, vay vốn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chi nhánh Đồng Tháp.
9	1003/BBH.ASM-SPF-TPB	10/03/2025	Thông qua dùng tài sản của Sao Mai bảo lãnh cho Công ty TNHH Super Feed vay vốn tại Ngân hàng Tiên Phong Bank.
10	0402/BBH.HĐQT/2025	02/04/2025	Thông qua việc sử dụng tài sản của Công ty Cổ phần Tập đoàn Sao Mai để thế chấp bảo đảm cho khoản vay cấp tín dụng/bảo lãnh của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát Triển Đa Quốc Giá I.D.I tại Ngân hàng BIDV.

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
11	0410/BBH.HĐQT.2025	10/04/2025	Biên bản họp HĐQT Về việc vay vốn tại Ngân hàng Wooribank Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam.
12	0506/BBH-HĐQT	06/05/2025	Thông qua việc cấp tín dụng hạn mức giao dịch phát sinh ngắn hạn của Công ty Cổ phần Tập đoàn Sao Mai và bảo lãnh nghĩa vụ trả nợ của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phất Triển Đa Quốc Gia I.D.I vay vốn tại Ngân hàng SinoPac - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.
13	0609/2025/BBH-HĐQT	09/06/2025	Thông qua phương án vay vốn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Bằng Sông Cửu Long.
14	0701/BBH.HĐQT.2025	01/07/2025	Thông qua việc bảo lãnh cho nghĩa vụ nợ và dùng các tài sản của Công ty để bảo đảm cho các nghĩa vụ tại Ngân hàng TMCP Phát Triển TP. HCM.
15	0722/BBH.HĐQT.2025	22/07/2025	Thông qua việc chấp thuận cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Sao Mai sử dụng các tài sản để bảo đảm cho nghĩa vụ tín dụng tại Ngân hàng Tpbank.
16	0808/BBH.HĐQT.2025	08/08/2025	Thông qua việc dùng tài sản để đảm bảo cho nghĩa vụ tín dụng tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh An Giang.
17	0811/BBH.HĐQT.2025	11/08/2025	Thông qua phương án phát hành bão lãnh thanh toán tại Ngân hàng TPbank.
18	0818/BBH.HĐQT.2025	18/08/2025	Thông qua phương án sử dụng tín dụng của Công ty Cổ phần Tập đoàn Sao Mai tại Ngân hàng Tpbank.
19	0904/BBH.HĐQT.2025	04/09/2025	Thông qua việc vay vốn tại ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Kiên Giang.
20	1011/BBH.HĐQT.2025	11/10/2025	Thông qua phướng án sử dụng tín dụng của Công ty Cổ phần Tập đoàn Sao Mai tại Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh An Giang (Seabank)

3.1 Về tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025

– HĐQT đã tập trung giám sát, chủ động đưa ra các giải pháp kịp thời, thông qua các nghị quyết, quyết định làm cơ sở cho Ban Tổng Giám đốc triển khai thực hiện, cố gắng hoàn thành các mục tiêu của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025.

– Tháng 10/2025, Công ty đã hoàn tất thủ tục chia cổ tức năm 2024 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 10% trên số lượng cổ phần đang lưu hành. Số lượng cổ phiếu niêm yết sau khi chia cổ tức là 407.194.183 cổ phiếu.

3.2 Trong công tác lãnh đạo, giám sát, chỉ đạo trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty:

Trong năm 2025, HĐQT đã tổ chức các cuộc họp định kỳ và bất thường để tăng cường công tác quản trị cũng như bám sát diễn biến hoạt động sản xuất kinh doanh. Ngoài ra, HĐQT cũng thường xuyên trao đổi, thảo luận giữa các thành viên, phối hợp giải quyết các vấn đề phát sinh ngoài các lần họp chính thức.

Hội đồng quản trị đã thường xuyên theo dõi hoạt động sản xuất kinh doanh thông qua các báo cáo định kỳ và báo cáo theo yêu cầu….từ đó chỉ đạo, đưa ra các biện pháp, giải quyết nhanh chóng những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện.

Luôn tạo điều kiện thuận lợi để Ban kiểm toán nội bộ thực hiện tốt công tác kiểm soát. Khi cần thiết, HĐQT yêu cầu Ban Kiểm toán Nội bộ tiến hành kiểm tra, rà soát quá trình điều hành sản xuất kinh doanh, tình hình đầu tư và việc thực hiện các dự án, đảm bảo hoạt động của công ty diễn ra minh bạch, hiệu quả.

3.3 Trong công tác giám sát tài chính kế toán:

Hội đồng quản trị luôn quan tâm chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc tiếp tục củng cố và nâng cao chất lượng công tác kế toán – tài chính, minh bạch trong quản lý tài chính, đảm bảo thực hiện đúng chế độ tài chính hiện hành, chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước.

Bên cạnh đó, HĐQT duy trì việc giám sát chặt chẽ quy chế quản trị tài chính và quy chế chi tiêu nội bộ của Tập đoàn thông qua báo cáo thu chi hàng ngày, báo cáo tình hình nợ vay hàng tuần, báo cáo quản trị... nhờ đó công ty quản lý tốt dòng tiền, kiểm soát chi phí hợp lý, hiệu quả. Bên cạnh đó, HĐQT cũng cập nhật kịp thời tình hình tài chính để chủ động định hướng, đưa ra những chủ trương, quyết sách phù hợp cho kế hoạch kế hoạch phát triển trong thời gian tiếp theo

3.4 Về công tác chỉ đạo, định hướng hoạt động đầu tư.

Hội đồng quản trị định hướng lựa chọn các dự án đầu tư phù hợp với chiến lược phát triển, ưu tiên dự án có tính khả thi cao, hiệu quả rõ ràng và thời gian thu hồi vốn hợp lý, đồng thời hạn chế đầu tư dàn trải nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

Trong bối cảnh còn nhiều khó khăn, Tập đoàn vẫn chủ động nắm bắt cơ hội để tích lũy các tài sản giá trị và phát triển quỹ đất tại các vị trí tiềm năng, tạo nền tảng cho lĩnh vực bất động sản trong các giai đoạn tiếp theo.

Bên cạnh đó, HĐQT tiếp tục xác định du lịch là lĩnh vực trọng tâm dài hạn. Năm 2025, Khu Resort Sao Mai Thanh Hóa đã được đưa vào khai thác; đồng thời, các dự án như Khu du lịch Điện mặt trời An Hảo, Rừng Tràm Trà Sư, Đồi Tức Dụp và Khu bảo tồn & du lịch sinh thái Đồng Tháp Mười tiếp tục được đầu tư, nâng cấp. Những dự án này sẽ tạo nền tảng vững chắc để phát triển bền vững du lịch An Giang, Đồng Tháp và chuỗi du lịch của Sao Mai trong thời gian tới.





Ngày 17/10 tổ chức Gala Kỷ niệm 20 năm thành lập Sao Mai Phú Mỹ Resort - Vũng Tàu

II. BAN KIỂM SOÁT

II.1. Thành viên Ban kiểm soát:

Đại hội cổ đông thường niên năm 2024 ngày 21/04/2024 đã thống nhất thông qua Ban kiểm soát công ty nhiệm kỳ 2024 – 2029 gồm các thành viên sau:

STT	Họ tên	Năm sinh	Chức vụ được đề cử
1	Nguyễn Văn Kỷ	1983	Trưởng Ban kiểm soát
2	Nghiêm Thị Kiều Phương	1989	Thành viên BKS
3	Trần Phúc Hậu	1989	Thành viên BKS

Lý lịch trích ngang của thành viên Ban kiểm soát:

- **Ông Nguyễn Văn Kỷ - Trưởng Ban kiểm soát**
  - Ông Nguyễn Văn Kỷ sinh năm 1983 tại An Giang. Tốt nghiệp Cử nhân kinh tế.
  - Tháng 07/2007: Kế toán tại Cty CP Tập Đoàn Sao Mai
  - Tháng 05/2018: Kế toán của Cty CP Du Lịch An Giang
  - Tháng 11/2020: Giám đốc tài chính Cty CP Du Lịch An Giang
  - Tháng 11/2022: Giám đốc tài chính Cty CP Phát Triển Du Lịch An Giang
- **Bà Nghiêm Thị Kiều Phương - Thành viên Ban kiểm soát**
  - Bà Phương sinh năm 1989 tại An Giang, tốt nghiệp kỹ sư
  - Tháng 08/2012: Trưởng bộ phận Lễ tân - Sao Mai resort Vũng Tàu
  - Tháng 05/2014: Nhân viên quản lý chất lượng (QC) tại Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia IDI.
  - Tháng 02/2018: Giám Đốc Khu du lịch Đồi Tức Dụp
  - Tháng 02/2020: Trưởng phòng Kinh doanh Tổng hợp Công ty CP Du lịch An Giang
  - Tháng 01/2023: Trưởng phòng Kinh doanh Tổng hợp kiêm Phó Giám Đốc Trung Tâm dịch vụ Du lịch – Công ty CP Du lịch An Giang
  - Tháng 01/2025: Phó Giám Đốc Thường trực Chi nhánh Sa Đéc kiêm phụ trách Kinh doanh Khách sạn Bông Hồng – Công ty CP Du lịch Đồng Tháp.
- **Trần Phúc Hậu - Thành viên Ban kiểm soát**
  - Ông Trần Phúc Hậu sinh năm 1989, tại Chợ Mới. Tốt nghiệp cử nhân Quản trị kinh doanh.
  - Tháng 11/2016 – Tháng 09/2018: Ông công tác tại Phòng hành chính nhân sự Công ty IDI;
  - Tháng 10/2018 đến nay: Phó Giám đốc HCNS Công ty IDI

II.2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Giám sát hoạt động triển khai kế hoạch kinh doanh cũng như thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông và Nghị quyết của Hội đồng quản trị trong năm 2025.
- Giám sát tình hình tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ, các Quy chế, Quy trình nội bộ của Công ty cũng như tính hợp lý trong việc điều hành kinh doanh và phân bổ nguồn lực để triển khai các kế hoạch kinh doanh.
- Giám sát các khoản thù lao và các khoản lợi ích khác, các khoản giao dịch với Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc, Ban kiểm soát và người có liên quan theo đúng quy định pháp luật.
- Giám sát hoạt động đầu tư góp vốn các dự án, đầu tư tài chính vào các Công ty con.
- Phối hợp với Phòng Tài chính - Kế toán kiểm tra giám sát Báo cáo tài chính của Công ty.
- Phối hợp hoạt động giữa BKS với Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc, cổ đông và các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Công ty và cổ đông.



Một góc An Hảo Solar Farm tại Khu du lịch Điện Mặt Trời An Hảo, Tịnh Biên, tỉnh An Giang

III. BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ

1. Thành viên và cơ cấu Ban kiểm toán nội bộ:

- Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị, thay mặt HĐQT tổ chức kiểm tra, giám sát tính hợp lý, hợp pháp trong quá trình điều hành hoạt động kinh doanh của Ban điều hành cũng như trong ghi chép sổ sách kế toán và tài chính của Tập đoàn. Ban kiểm toán nội bộ gồm 03 thành viên sau:

1. Ông Nguyễn Gia Thuần - Trưởng Ban kiểm toán nội bộ

- Ông Nguyễn Gia Thuần sinh năm 1978 tại Thốt Nốt, Cần Thơ. Tốt nghiệp Cử nhân tài chính, Cử nhân Quản trị kinh doanh.
- Năm 2002, Kế toán tổng hợp tại Sao Mai.
- Năm 2008: Kế toán tổng hợp tại Công ty IDI.
- Năn 2009 đến nay: ông được bầu làm Kế toán trưởng Công ty Trisedco (DAT).

2. Ông Huỳnh Quốc Cường - Thành viên Ban kiểm toán nội bộ

- Ông Cường sinh năm 1984, tại An Giang, tốt nghiệp Cử nhân kinh tế
- Từ năm 2011 đến tháng 7/2020, kế toán Công Ty I.D.I
- Từ tháng 8/2020 đến nay, kế toán Công ty Sao Mai Super Feed

3. Ông Vũ Văn Thanh - Thành viên Ban kiểm toán nội bộ

- Ông Thanh sinh năm 1990 tại Thanh Hóa. Tốt nghiệp Cử nhân kế toán
- Năm 2011 đến nay công tác tại Phòng kế toán Công ty Sao Mai.

2. Hoạt động của Ban kiểm toán nội bộ:

Trong năm 2025 vừa qua, Ban kiểm toán đã tham các hoạt động như sau:

- Thực hiện nhiệm vụ giám sát và đánh giá các hoạt động nội bộ của công ty, tập trung vào việc đảm bảo tuân thủ các quy định, chính sách và quy trình nội bộ.
- Thực hiện các cuộc kiểm toán nội bộ và tư vấn kiểm toán nội bộ theo kế hoạch đã được phê duyệt, đồng thời đưa ra các khuyến nghị và đề xuất cải thiện để tăng cường hiệu quả và hiệu suất của hoạt động nội bộ
- Báo cáo kết quả kiểm toán nội bộ và đề xuất biện pháp sửa chữa, khắc phục sai sót, cùng với các đề xuất để nâng cao hiệu quả và hiệu lực của quy trình quản trị, quản lý rủi ro và kiểm soát nội bộ.

- Thực hiện giám sát triển khai kết quả thực hiện các khuyến nghị từ kiểm toán.
- Thường xuyên phát triển, điều chỉnh, bổ sung và hoàn thiện phương pháp kiểm toán nội bộ và phạm vi hoạt động của kiểm toán nội bộ để có thể cập nhật và theo kịp sự phát triển của doanh nghiệp.
- Báo cáo kết quả kiểm toán và các phát hiện quan trọng tới Ban quản trị và các bộ phận liên quan để đảm bảo sự minh bạch và trách nhiệm.

IV. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM TOÁN, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Trên cơ sở Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 23/04/2025, Công ty đã thực hiện chi trả Tổng thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2025 cụ thể như sau:

- Hội Đồng Quản Trị
  - Chủ tịch HĐQT : 360.000.000 đồng/năm;
  - Phó Chủ tịch HĐQT : 300.000.000 đồng/năm;
  - Thành viên độc lập HĐQT : 300.000.000 đồng/năm;

  Tổng số tiền thù lao HĐQT trong năm 2025 là **960.000.000 đồng**.
- Thù lao Ban Kiểm soát
  - Trưởng Ban kiểm soát: : 60.000.000 đồng/năm
  - 02 Thành viên Ban kiểm soát: : 48.000.000 đồng/năm

  Tổng số tiền thù lao Ban kiểm soát trong năm 2025 là **108.000.000 đồng**
- Đối với Ban Tổng giám đốc được nhận lương, thưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng lao động của công ty.

2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Trong năm 2025 không có các giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ.

3. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ:

Được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng năm 2025 đã được kiểm toán (khoản 03 mục VIII phần thuyết minh - trang 52-57)

4. Việc thực hiện các quy định về quản trị Tập đoàn Sao Mai:

Trong năm 2025 Sao Mai đã cơ bản thực hiện đầy đủ các quy định về quản trị công ty đại chúng theo hướng dẫn tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính Phủ.

F. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kiểm toán độc lập:

❖ **Đơn vị: Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính Kế Toán và Kiểm Toán Phía Nam (AASCS)**

- Địa chỉ: 29 Võ Thị Sáu, Quận 1, TPHCM;
- Điện thoại: (84.8) 38205944 Fax: (84.8) 38205942;
- Website: aascs.com.vn.

❖ **Ý kiến của kiểm toán viên:**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn Sao Mai đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, phù hợp với chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

(Toàn bộ nội dung Báo cáo tài chính năm 2025 hợp nhất đã kiểm toán được đính kèm ở phần sau của Báo cáo thường niên này).

Long Xuyên, ngày 10 tháng 04 năm 2026

TM Hội đồng quản trị

Chủ tịch

Lê Văn Thành

Nơi nhận:
- Quý cổ đông công ty;
- UBCKNN, Sở GDCK TPHCM (để b/c);
- Đăng Website công ty;
- Lưu VT, QHCĐ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN SAO MAI

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính 2025 kết thúc tại ngày 31/12/2025



Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 06
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	07 - 07
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất.	08 - 11
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	12 - 12
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	13 - 14
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	15 - 79

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tập Đoàn Sao Mai (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty năm tài chính 2025 kết thúc ngày 31/12/2025.

CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Tập Đoàn Sao Mai được thành lập theo Giấy phép số 000450/GP/TLDN-03 do Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang cấp ngày 05 tháng 02 năm 1997; Giấy phép kinh doanh số 064828 ngày 05 tháng 03 năm1997; các Giấy phép kinh doanh bổ sung 064828 ngày 15 tháng 02 năm 2001, 064828 ngày 01 tháng 06 năm 2004 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5203000036 ngày 28 tháng 11 năm 2005 do Sở kế hoạch và đầu tư An Giang cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 1600169024 ngày 04/11/2009. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1600169024 ngày 29/03/2011. Đăng ký thay đổi: lần thứ 19 ngày 25/04/2012; lần thứ 20 ngày 05/12/2012; lần thứ 21 ngày 24/09/2013; lần thứ 22 ngày 20/12/2013; lần thứ 23 ngày 26/09/2014; lần thứ 24 ngày 23/10/2014; lần thứ 25 ngày 08/12/2014; lần thứ 26 ngày 25/08/2015; lần thứ 27 ngày 02/10/2015; lần thứ 28 ngày 27/10/2017; lần thứ 29 ngày 08/06/2018; lần thứ 30 ngày 26/04/2019; lần thứ 31 ngày 04/05/2019; lần thứ 32 ngày 04/03/2022; lần thứ 33 ngày 28/04/2023 và 34 ngày 16/08/2024; lần thứ 35 ngày 13/08/2025 và lần thứ 36 ngày 25/11/2025

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2025 là: **4.071.941.830.000 VND**

Trụ sở chính của Công ty tại: 326 Hùng Vương, Phường Long Xuyên, An Giang.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Xây lắp, bất động sản, thương mại, dịch vụ, điện năng lượng mặt trời …

3. Tổng số nhân viên tại ngày 31/12/2025 là: 494 người (số nhân viên tại ngày 01/01/2025 là: 404 người)

4. Ngành nghề kinh doanh:

STT	(Mã) Ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh
1	(Mã ngành 6419): Hoạt động trung gian tiền tệ khác. Chi tiết: Đại lý đổi ngoại tệ
2	(Mã ngành 5229): Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Đại lý bán vé máy bay (Không hoạt động tại trụ sở chính)
3	(Mã ngành 3512): Truyền tải và phân phối điện. Chi tiết: Dịch vụ và kinh doanh điện năng; Chi tiết: Phân phối điện năng lượng mặt trời (Trừ truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia; Xây dựng và vận hành thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội)
4	(Mã ngành 8610): Hoạt động của các bệnh viện, trạm y tế. Chi tiết: Hoạt động các bệnh viện (không hoạt động tại trụ sở chính mà chỉ hoạt động tại chi nhánh)
5	(Mã ngành 4649): Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Mua bán thiết bị điều hòa nhiệt độ, thiết bị vệ sinh (lò sưởi kim loại, hệ thống sưởi bằng nước nóng, nước lạnh)
6	(Mã ngành 9610): Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khoẻ tương tự (trừ hoạt động thể thao). Chi tiết: Dịch vụ massage (không hoạt động tại trụ sở chính)
7	(Mã ngành 9639): Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Dịch vụ spa (không hoạt động tại trụ sở chính)
8	(Mã ngành 4669): Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Mua bán quà lưu niệm cho khách du lịch (không hoạt động tại trụ sở chính) (Trừ việc thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối: Thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải).
9	(Mã ngành 2022): Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít. Chi tiết: Sản xuất bột ma tít

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

4. Ngành nghề kinh doanh (tiếp theo):

STT	(Mã) Ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh
10	(Mã ngành 2391): Sản xuất sản phẩm chịu lửa. Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng
11	(Mã ngành 1040): Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật
12	(Mã ngành 4101): Xây dựng nhà để ở
13	(Mã ngành 1061): Xay xát và sản xuất bột thô
14	(Mã ngành 4102): Xây dựng nhà không để ở
15	(Mã ngành 1062): Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột
16	(Mã ngành 8531): Đào tạo sơ cấp. Chi tiết: Đào tạo nghề
17	(Mã ngành 4292): Xây dựng công trình khai khoáng
18	(Mã ngành 4620): Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản (Trừ việc thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối: Thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải).
19	(Mã ngành 6820): Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất. Chi tiết: Dịch vụ môi giới bất động sản; Chi tiết: Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản; Chi tiết: Dịch vụ tư vấn bất động sản.
20	(Mã ngành 4293): Xây dựng công trình chế biến, chế tạo
21	(Mã ngành 4212): Xây dựng công trình đường bộ. Chi tiết: Xây dựng công trình giao thông (cầu, đường, cống,...)
22	(Mã ngành 4511): Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Bán buôn xe nâng
23	(Mã ngành 4291): Xây dựng công trình thủy. Chi tiết: Xây dựng công trình thủy lợi; Chi tiết: Xây dựng công trình ngầm dưới nước; Chi tiết: Xây dựng đường ống cấp thoát nước (Trừ truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia; Xây dựng và vận hành thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội)
24	(Mã ngành 4322): Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí
25	(Mã ngành 4663): Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng; Chi tiết: Sản xuất và mua bán tràm xây dựng
26	(Mã ngành 4632): Bán buôn thực phẩm. Chi tiết: Mua bán cá và thủy sản; Chi tiết: Mua bán thực phẩm, thủy sản và sản phẩm thủy sản đã qua chế biến; dầu, mỡ, động thực vật (Trừ việc thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối: Thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải).
27	(Mã ngành 5510): Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng
28	(Mã ngành 0322): Nuôi trồng thuỷ sản nội địa. Chi tiết: Nuôi trồng thủy sản
29	(Mã ngành 1020): Chế biến, bảo quản thuỷ sản và các sản phẩm từ thuỷ sản. Chi tiết: Chế biến thủy sản
30	(Mã ngành 4312): Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: San lấp mặt bằng
31	(Mã ngành 0810): Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Chi tiết: Khai thác cát, sỏi
32	(Mã ngành 8710): Hoạt động của các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng. Chi tiết: Kinh doanh nhà nghỉ dưỡng lão
33	(Mã ngành 5610): Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ ăn uống, giải khát Chi tiết: Dịch vụ nhà hàng - quán bar, phục vụ nhạc sống và ca múa nhạc (không hoạt động tại trụ sở chính)

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

4. Ngành nghề kinh doanh (tiếp theo):

STT	(Mã) Ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh
34	(Mã ngành 4329): Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Chi tiết: Lắp đặt hệ thống thang máy, cầu thang, băng chuyền tự động; Chi tiết: Lắp đặt hệ thống làm lạnh, kho lạnh, điều hòa trung tâm; Chi tiết: Lắp đặt thiết bị điện lạnh, cơ điện lạnh và kho lạnh nhà máy thủy sản.
35	(Mã ngành 6810 - Chính): Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (trừ đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang , nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng).
36	(Mã ngành 4633): Bán buôn đồ uống. Chi tiết: Mua bán rượu mạnh các loại (phải có giấy phép của Sở Công Thương trước khi tiến hành hoạt động).
37	(Mã ngành 9329): Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Kinh doanh phòng hát karaoke

5. Cấu trúc Công ty

Thông tin về chi nhánh:

+ Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai
Số 9 Nguyễn Kim, phường Chợ Lớn, TP Hồ Chí Minh
Mã số chi nhánh : 1600169024-014

+ Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai - Khu nghỉ mát Sao Mai
143-145 đường Hùng Vương, Phường Tân Phước, TP Hồ Chí Minh
Mã số chi nhánh : 1600169024-012

+ Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai tại Lấp Vò - Đồng Tháp
Quốc lộ 80, Cụm Công nghiệp Vàm Cống, Ấp An Thạnh, Xã Lấp Vò, Đồng Tháp
Mã số chi nhánh : 1600169024-017

+ Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai tại Thanh Hoá
Khu đô thị mới Sao Mai, Quốc lộ 47, Xã Thọ Phú, Thanh Hóa
Mã số chi nhánh : 1600169024-013

+ Chi nhánh Tập đoàn Sao Mai tại Đồng Tháp
Số 04 Đốc Binh Kiều, Phường Cao Lãnh, Đồng Tháp
Mã số chi nhánh : 1600169024-023

+ Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai - Khu Nghỉ Dưỡng và Spa Lamori
Thôn Quyết Tâm, Xã Sao Vàng, Thanh Hóa
Mã số chi nhánh : 1600169024-024

Thông tin về văn phòng đại diện:

+ Văn phòng đại diện Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai tại các tỉnh Phía Bắc
Nhà C và D - 9, Số 18 đường Phạm Hùng, Phường Từ Liêm, TP Hà Nội.
Mã số VPĐD : 1600169024-016

+ Văn phòng đại diện Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai tại Thành Phố Cần Thơ
Tòa nhà VCCI, Tầng 4, số 12, Hòa Bình, Phường An Cư, Tp.Cần Thơ
Mã số VPĐD : 1600169024-020

+ Văn phòng đại diện Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai tại Thành phố Hồ Chí Minh
Số 9 Nguyễn Kim, phường Chợ Lớn, TP Hồ Chí Minh
Mã số VPĐD : 1600169024-021

+ Văn phòng đại diện Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai tại Bà Rịa - Vũng Tàu
Km 47, Quốc lộ 51, Khu phố Song Vĩnh, Phường Tân Phước, TP Hồ Chí Minh
Mã số VPĐD : 1600169024-025

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Công ty con: 12 Công ty con	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ biểu quyết	
Tên công ty	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm
Đầu tư trực tiếp vào các công ty con:				
1. Công ty Cổ phần Dũng Thịnh Phát Sài Gòn	66,00%	66,00%	66,00%	66,00%
2. Công ty Cổ phần Du Lịch Đồng Tháp	86,76%	86,76%	86,76%	86,76%
3. Công ty Cổ phần Du Lịch An Giang	71,82%	71,82%	71,82%	71,82%
4. Công ty Cổ phần Nhựt Hồng	60,00%	60,00%	60,00%	60,00%
5. Công ty TNHH Sao Mai Super Feed	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
6. Công ty TNHH TM Sao Mai Solar	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
7. Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Đa Quốc Gia I.D.I	51,23%	51,23%	51,23%	51,23%
8. Công ty TNHH Sinh Học MAIKI JAPAN	51,00%	51,00%	51,00%	51,00%
9. Công ty Cổ phần Điện Mặt Trời EUROPLAST Long An	86,40%	86,40%	95,67%	95,67%
10. Công ty Cổ phần Điện Gió Sao Mai	75,00%		75,00%	
Đầu tư gián tiếp vào các công ty con:				
11. Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch và Phát triển Thuỷ sản	43,95%	43,95%	82,67%	82,67%
12. Công ty Cổ phần Đầu Tư Vĩnh An Đắk Nông	49,94%	49,94%	97,50%	97,50%

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty và tình hình tài chính tại ngày 31/12/2025 được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Theo Nghị quyết số 03/2026/NQ-ASM ngày 07/03/2026, Công ty thông qua việc giải thể Công ty TNHH Sinh học Maiki Japan. Theo đó, kể từ ngày này, Công ty TNHH Sinh học Maiki Japan không còn là Công ty con của Công ty nữa.

Ngoài sự kiện nói trên, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định Công ty không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2025 cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ, BAN KIỂM SOÁT, ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Ông:	Lê Văn Thành	Chủ tịch
Ông:	Nguyễn Văn Hung	Phó chủ tịch
Bà:	Nguyễn Thị Hồng Loan	Thành viên

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc bao gồm:

Ông:	Lê Tuấn Anh	Tổng Giám đốc
Ông:	Nguyễn Văn Hung	Phó Tổng Giám đốc
Ông:	Lê Văn Chung	Phó Tổng Giám đốc
Ông:	Lê Văn Thành	Phó Tổng Giám đốc
Ông:	Lê Xuân Quế	Phó Tổng Giám đốc
Ông:	Trương Vĩnh Thành	Phó Tổng Giám đốc
Bà:	Lê Thị Phượng	Phó Tổng Giám đốc
Ông:	Lê Nguyễn Hoàng Anh Duy	Phó Tổng Giám đốc
Ông:	Trương Công Khánh	Giám Đốc Tài Chính

Các thành viên của Ban Kiểm toán nội bộ bao gồm:

Ông:	Nguyễn Gia Thuần	Trưởng ban
Ông:	Huỳnh Quốc Cường	Thành viên
Ông:	Vũ Văn Thanh	Thành viên

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông:	Nguyễn Văn Kỷ	Trưởng ban
Ông:	Trần Phúc Hậu	Thành viên
Bà:	Nghiêm Thị Kiều Phương	Thành viên

Đại diện theo pháp luật:

Ông: Lê Tuấn Anh

Kế toán trưởng:

Bà: Ngô Thị Tố Ngân

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) là đơn vị được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty năm tài chính 2025 kết thúc ngày 31/12/2025. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày thúc ngày 31/12/2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 do Bộ tài chính ban hành về hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám Đốc Công ty cổ phần Tập Đoàn Sao Mai phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất năm tài chính 2025 kết thúc ngày 31/12/2025 của Công ty.

Long Xuyên, ngày 26 tháng 03 năm 2026

Thay mặt Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

TẬP ĐOÀN SAO MAI

LÊ THỊ PHƯỢNG

Số : 317/BCKT/TC/2026/AASCS

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN SAO MAI

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Sao Mai được lập ngày 26 tháng 03 năm 2026, từ trang 08 đến trang 79, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Kết luận của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

TP.Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2026

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)	
Phó Tổng Giám đốc	**Kiểm toán viên**
Nguyễn Thị Mỹ Ngọc	**Lê Linh Phương**
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 1091-2023-142-1	Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 5915-2023-142-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT.

Tại ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**14.126.202.427.153**	**13.566.530.226.970**
110	**I. Tiền và các khoản tương đương tiền**	**V.01**	**711.806.081.865**	**2.070.302.439.363**
111	1. Tiền		341.823.833.754	899.822.444.310
112	2. Các khoản tương đương tiền		369.982.248.111	1.170.479.995.053
120	**II. Đầu tư tài chính ngắn hạn**	**V.02**	**2.445.276.110.858**	**2.064.880.437.306**
121	1. Chứng khoán kinh doanh		4.130.442.633	6.230.107.978
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)		(585.663.043)	(754.621.703)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		2.441.731.331.268	2.059.404.951.031
130	**III. Các khoản phải thu ngắn hạn**		**6.087.471.031.785**	**5.031.730.928.926**
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.03	2.419.637.121.960	2.183.060.421.709
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.04	2.952.891.047.720	2.595.626.008.791
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn			
134	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng			
135	5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	V.05.1	200.000.000.000	
136	6. Phải thu ngắn hạn khác	V.05.2	582.511.875.883	320.946.430.834
137	7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	V.06	(69.891.506.610)	(67.901.932.408)
139	8. Tài sản thiếu chờ xử lý		2.322.492.832	
140	**IV. Hàng tồn kho**	**V.07**	**4.824.597.414.099**	**4.336.236.325.169**
141	1. Hàng tồn kho		4.824.597.414.099	4.336.236.325.169
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)			
150	**V. Tài sản ngắn hạn khác**		**57.051.788.546**	**63.380.096.206**
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.13	12.194.448.194	11.640.987.304
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		41.668.013.403	48.220.794.758
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.19	3.189.326.949	3.518.314.144
154	4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ			
155	5. Tài sản ngắn hạn khác			

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT.

Tại ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**9.350.325.230.372**	**9.289.525.402.197**
210	**I. Các khoản phải thu dài hạn**		**31.018.088.834**	**32.877.315.013**
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng			
212	2. Trả trước cho người bán dài hạn	V.04	14.500.000	14.500.000
213	3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc			
214	4. Phải thu nội bộ dài hạn			
215	5. Phải thu về cho vay dài hạn			
216	6. Phải thu dài hạn khác	V.05.2	31.003.588.834	32.862.815.013
219	7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)			
220	**II. Tài sản cố định**		**6.673.551.309.387**	**6.358.160.566.795**
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.09	5.073.341.182.192	4.650.422.025.339
222	- Nguyên giá		7.403.796.055.487	6.587.583.140.995
223	- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)		(2.330.454.873.295)	(1.937.161.115.656)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	V.10	223.043.539.006	310.636.701.083
225	- Nguyên giá		338.411.786.927	431.165.023.524
226	- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)		(115.368.247.921)	(120.528.322.441)
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.11	1.377.166.588.189	1.397.101.840.373
228	- Nguyên giá		1.545.426.013.123	1.542.854.325.093
229	- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)		(168.259.424.934)	(145.752.484.720)
230	**III. Bất động sản đầu tư**	**V.12**	**436.325.641.902**	**508.605.188.276**
231	- Nguyên giá		560.302.580.391	657.354.041.023
232	- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)		(123.976.938.489)	(148.748.852.747)
240	**IV. Tài sản dở dang dài hạn**	**V.08**	**1.263.523.570.776**	**1.373.371.010.233**
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		1.263.523.570.776	1.373.371.010.233
250	**V. Đầu tư tài chính dài hạn**	**V.02**	**30.000.000.000**	**33.310.000.000**
251	1. Đầu tư vào công ty con			
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết			
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		2.000.000.000	2.000.000.000
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)		(2.000.000.000)	(2.000.000.000)
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		30.000.000.000	33.310.000.000
260	**V. Tài sản dài hạn khác**		**915.906.619.473**	**983.201.321.880**
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.13	639.593.956.766	643.968.340.031
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	V.14		462.715.482
263	3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn			
268	4. Tài sản dài hạn khác			
269	5. Lợi thế thương mại	V.15	276.312.662.707	338.770.266.367
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		23.476.527.657.525	22.856.055.629.167

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT.

Tại ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	**C . NỢ PHẢI TRẢ**		**15.263.085.294.203**	**14.768.320.800.881**
310	**I. Nợ ngắn hạn**		**8.851.860.250.732**	**7.830.527.770.434**
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.17	749.389.739.404	464.666.728.448
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.18	195.343.172.665	229.941.996.542
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.19	86.848.214.671	147.736.124.234
314	4. Phải trả người lao động		42.464.300.320	31.078.402.784
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.20	54.913.753.000	64.583.859.792
316	6. Phải trả nội bộ ngắn hạn			
318	8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	V.22	313.809.832	550.309.052
319	9. Phải trả ngắn hạn khác	V.21	504.503.964.675	83.772.214.762
320	10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.16	7.166.721.776.139	6.759.017.748.781
321	11. Dự phòng phải trả ngắn hạn		2.085.533.379	
322	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		49.275.986.647	49.180.386.039
323	13. Quỹ bình ổn giá			
330	**II. Nợ dài hạn**		**6.411.225.043.471**	**6.937.793.030.447**
331	1. Phải trả người bán dài hạn			
332	2. Người mua trả tiền trước dài hạn			
333	3. Chi phí phải trả dài hạn			
334	4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh			
335	5. Phải trả nội bộ dài hạn			
336	6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	V.22	15.397.456.364	15.580.430.129
337	7. Phải trả dài hạn khác	V.21	3.864.000.000	3.294.000.000
338	8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.16	6.391.963.587.107	6.916.878.777.410
339	9. Trái phiếu chuyển đổi			
340	10. Cổ phiếu ưu đãi			
341	11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả			2.039.822.908
342	12. Dự phòng phải trả dài hạn			
343	13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ			

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT.

Tại ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
400	**D . VỐN CHỦ SỞ HỮU**	V.23	**8.213.442.363.322**	**8.087.734.828.286**
410	**I. Vốn chủ sở hữu**		**8.200.331.926.070**	**8.077.471.443.186**
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		4.071.941.830.000	3.701.782.500.000
411a	*- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*4.071.941.830.000*	*3.701.782.500.000*
411b	*- Cổ phiếu ưu đãi*			
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		45.104.200.000	45.104.200.000
413	3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu			
414	4. Vốn khác của chủ sở hữu		600.488.655.480	600.488.655.480
415	5. Cổ phiếu quỹ (*)			
416	6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản			
417	7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái			
418	8. Quỹ đầu tư phát triển		158.526.837.842	158.221.233.457
419	9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		6.433.150.924	6.210.490.583
420	10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		8.934.331.543	8.711.671.202
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		566.521.292.519	897.775.219.344
421a	*- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước*		*528.809.186.577*	*716.921.303.597*
421b	*- LNST chưa phân phối kỳ này*		*37.712.105.942*	*180.853.915.747*
422	12. Nguồn vốn đầu tư XDCB			
429	13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		2.742.381.627.762	2.659.177.473.120
430	**II. Nguồn kinh phí và quỹ khác**		**13.110.437.252**	**10.263.385.100**
431	1. Nguồn kinh phí		13.110.437.252	10.263.385.100
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ			
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**23.476.527.657.525**	**22.856.055.629.167**

Long Xuyên, ngày 26 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Thay mặt Ban Tổng giám đốc Phó Tổng Giám đốc
TRẦN BẢO ĐÔNG	NGÔ THỊ TỐ NGÂN	LÊ THỊ PHƯỢNG

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2025 kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
01	**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**VI.01**	**11.340.313.307.752**	**12.021.821.033.080**
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.02	22.844.742.098	8.703.143.080
10	**3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**11.317.468.565.654**	**12.013.117.890.000**
11	**4. Giá vốn hàng bán**	**VI.03**	**9.947.950.190.582**	**10.635.712.841.679**
20	**5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**1.369.518.375.072**	**1.377.405.048.321**
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.04	238.622.942.621	198.142.208.396
22	7. Chi phí tài chính	VI.05	809.145.103.928	721.962.932.465
23	*Trong đó: Chi phí lãi vay*		*694.110.889.582*	*661.139.329.878*
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh			
25	8. Chi phí bán hàng	VI.06	208.637.669.946	218.760.025.641
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.06	331.649.113.186	296.074.828.785
30	**10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**258.709.430.633**	**338.749.469.826**
31	11. Thu nhập khác	VI.07	11.067.719.454	16.881.213.068
32	12. Chi phí khác	VI.08	65.387.678.252	38.536.685.879
40	**13. Lợi nhuận khác**		**(54.319.958.798)**	**(21.655.472.811)**
50	**14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**204.389.471.835**	**317.093.997.015**
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	VI.10	67.149.964.769	64.255.361.446
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	VI.11	462.715.482	1.851.997.520
60	**17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**		**136.776.791.584**	**250.986.638.049**
61	18. Lợi nhuận kế toán sau thuế của công ty mẹ		37.712.105.942	180.853.915.747
62	19. Lợi nhuận kế toán sau thuế của cổ đông không kiểm soát		99.064.685.642	70.132.722.302
70	20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.12	100	517
71	21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.13	100	517

Long Xuyên, ngày 26 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Thay mặt Ban Tổng giám đốc Phó Tổng Giám đốc
TRẦN BẢO ĐÔNG	NGÔ THỊ TÓ NGÂN	LÊ THỊ PHƯỢNG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính 2025 kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	**1. Lợi nhuận trước thuế**		**204.389.471.835**	**317.093.997.015**
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT		479.456.613.134	438.448.735.221
03	- Các khoản dự phòng		3.906.148.921	(1.197.510.595)
04	- Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		42.449.174.672	11.944.385.210
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(201.564.840.760)	(142.955.555.304)
06	- Chi phí lãi vay		694.110.889.582	661.139.329.878
07	- Các khoản điều chỉnh khác			
08	**3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**		**1.222.747.457.384**	**1.284.473.381.425**
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(1.362.730.739.325)	(790.906.910.608)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(504.591.168.124)	216.919.908.507
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		1.094.260.099.490	(916.744.381.053)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		3.634.081.848	4.878.058.157
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		2.099.665.345	279.008.349
14	- Tiền lãi vay đã trả		(723.468.830.486)	(710.048.555.274)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(60.550.860.038)	(57.228.458.208)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh			56.160.000
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh			(518.869.626)
20	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh**		**(328.600.293.906)**	**(968.840.658.331)**
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(428.012.703.632)	(254.360.620.505)
22	- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		1.197.608.433	66.223.636
23	- Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(2.543.681.335.724)	(1.618.170.355.143)
24	- Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		1.969.819.760.273	536.046.219.126
25	- Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
26	- Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			66.417.002.393
27	- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		140.205.452.556	98.445.256.489
30	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư**		**(860.471.218.094)**	**(1.171.556.274.004)**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính 2025 kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
31	- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		2.500.000.000	8.330.000.000
32	- Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành			
33	- Tiền thu từ đi vay		11.466.234.178.622	15.702.935.454.408
34	- Tiền trả nợ gốc vay		(11.566.515.138.686)	(12.757.217.763.461)
35	- Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(66.175.255.764)	(80.085.884.960)
36	- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(5.372.649.468)	(27.878.365.770)
40	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính**		**(169.328.865.296)**	**2.846.083.440.217**
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ**		**(1.358.400.377.296)**	**705.686.507.882**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu năm**		**2.070.302.439.363**	**1.365.023.440.747**
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(95.980.202)	(407.509.266)
70	**Tiền và tương đương tiền cuối kỳ**		**711.806.081.865**	**2.070.302.439.363**

Long Xuyên, ngày 26 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Thay mặt Ban Tổng giám đốc Phó Tổng Giám đốc
TRẦN BẢO ĐÔNG	NGÔ THỊ TỐ NGÂN	LÊ THỊ PHƯỢNG

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2025 kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

I . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1 . Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Tập Đoàn Sao Mai được thành lập theo Giấy phép số 000450/GP/TLDN-03 do Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang cấp ngày 05 tháng 02 năm 1997; Giấy phép kinh doanh số 064828 ngày 05 tháng 03 năm1997; các Giấy phép kinh doanh bổ sung 064828 ngày 15 tháng 02 năm 2001, 064828 ngày 01 tháng 06 năm 2004 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5203000036 ngày 28 tháng 11 năm 2005 do Sở kế hoạch và đầu tư An Giang cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 1600169024 ngày 04/11/2009. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1600169024 ngày 29/03/2011. Đăng ký thay đổi: lần thứ 19 ngày 25/04/2012; lần thứ 20 ngày 05/12/2012; lần thứ 21 ngày 24/09/2013; lần thứ 22 ngày 20/12/2013; lần thứ 23 ngày 26/09/2014; lần thứ 24 ngày 23/10/2014; lần thứ 25 ngày 08/12/2014; lần thứ 26 ngày 25/08/2015; lần thứ 27 ngày 02/10/2015; lần thứ 28 ngày 27/10/2017; lần thứ 29 ngày 08/06/2018; lần thứ 30 ngày 26/04/2019; lần thứ 31 ngày 04/05/2019; lần thứ 32 ngày 04/03/2022; lần thứ 33 ngày 28/04/2023 và 34 ngày 16/08/2024; lần thứ 35 ngày 13/08/2025 và lần thứ 36 ngày 25/11/2025

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2025 là: **4.071.941.830.000 VND**

Trụ sở chính của Công ty tại: 326 Hùng Vương, Phường Long Xuyên, An Giang.

2 . Lĩnh vực kinh doanh

Xây lắp, bất động sản, thương mại, dịch vụ, điện năng lượng mặt trời …

3 . Tổng số nhân viên tại ngày 31/12/2025 là: 494 người (số nhân viên tại ngày 01/01/2025 là: 404 người)

4 . Ngành nghề kinh doanh

STT	(Mã) Ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh
1	(Mã ngành 6419): Hoạt động trung gian tiền tệ khác. Chi tiết: Đại lý đổi ngoại tệ
2	(Mã ngành 5229): Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Đại lý bán vé máy bay (Không hoạt động tại trụ sở chính)
3	(Mã ngành 3512): Truyền tải và phân phối điện.Chi tiết: Dịch vụ và kinh doanh điện năng; Chi tiết: Phân phối điện năng lượng mặt trời (Trừ truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia; Xây dựng và vận hành thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội)
4	(Mã ngành 8610): Hoạt động của các bệnh viện, trạm y tế. Chi tiết: Hoạt động các bệnh viện (không hoạt động tại trụ sở chính mà chỉ hoạt động tại chi nhánh)
5	(Mã ngành 4649): Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Mua bán thiết bị điều hòa nhiệt độ, thiết bị vệ sinh (lò sưởi kim loại, hệ thống sưởi bằng nước nóng, nước lạnh)
6	(Mã ngành 9610): Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khoẻ tương tự (trừ hoạt động thể thao). Chi tiết: Dịch vụ massage (không hoạt động tại trụ sở chính)
7	(Mã ngành 9639): Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Dịch vụ spa (không hoạt động tại trụ sở chính)
8	(Mã ngành 4669): Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Mua bán quà lưu niệm cho khách du lịch (không hoạt động tại trụ sở chính) (Trừ việc thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối: Thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2025 kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

4 . Ngành nghề kinh doanh (tiếp theo)

STT	(Mã) Ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh
9	(Mã ngành 2022): Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít. Chi tiết: Sản xuất bột ma tít
10	(Mã ngành 2391): Sản xuất sản phẩm chịu lửa. Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng
11	(Mã ngành 1040): Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật
12	(Mã ngành 4101): Xây dựng nhà để ở
13	(Mã ngành 1061): Xay xát và sản xuất bột thô
14	(Mã ngành 4102): Xây dựng nhà không để ở
15	(Mã ngành 1062): Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột
16	(Mã ngành 8531): Đào tạo sơ cấp. Chi tiết: Đào tạo nghề
17	(Mã ngành 4292): Xây dựng công trình khai khoáng
18	(Mã ngành 4620): Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản (Trừ việc thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối: Thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải).
19	(Mã ngành 6820): Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất. Chi tiết: Dịch vụ môi giới bất động sản; Chi tiết: Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản; Chi tiết: Dịch vụ tư vấn bất động sản.
20	(Mã ngành 4293): Xây dựng công trình chế biến, chế tạo
21	(Mã ngành 4212): Xây dựng công trình đường bộ. Chi tiết: Xây dựng công trình giao thông (cầu, đường, cống,...)
22	(Mã ngành 4511): Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Bán buôn xe nâng
23	(Mã ngành 4291): Xây dựng công trình thủy. Chi tiết: Xây dựng công trình thủy lợi; Chi tiết: Xây dựng công trình ngầm dưới nước; Chi tiết: Xây dựng đường ống cấp thoát nước (Trừ truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia; Xây dựng và vận hành thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội)
24	(Mã ngành 4322): Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí
25	(Mã ngành 4663): Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng; Chi tiết: Sản xuất và mua bán tràm xây dựng
26	(Mã ngành 4632): Bán buôn thực phẩm. Chi tiết: Mua bán cá và thủy sản; Chi tiết: Mua bán thực phẩm, thủy sản và sản phẩm thủy sản đã qua chế biến; dầu, mỡ, động thực vật (Trừ việc thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối: Thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải).
27	(Mã ngành 5510): Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng
28	(Mã ngành 0322): Nuôi trồng thuỷ sản nội địa. Chi tiết: Nuôi trồng thủy sản

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2025 kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

4 . Ngành nghề kinh doanh (tiếp theo)

STT	(Mã) Ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh
29	(Mã ngành 1020): Chế biến, bảo quản thuỷ sản và các sản phẩm từ thuỷ sản. Chi tiết: Chế biến thủy sản
30	(Mã ngành 4312): Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: San lấp mặt bằng
31	(Mã ngành 0810): Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Chi tiết: Khai thác cát, sỏi
32	(Mã ngành 8710): Hoạt động của các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng. Chi tiết: Kinh doanh nhà nghỉ dưỡng lão
33	(Mã ngành 5610): Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ ăn uống, giải khát Chi tiết: Dịch vụ nhà hàng - quán bar, phục vụ nhạc sống và ca múa nhạc (không hoạt động tại trụ sở chính)
34	(Mã ngành 4329): Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Chi tiết: Lăp đặt hệ thống thang máy, cầu thang, băng chuyền tự động; Chi tiết: Lăp đặt hệ thống làm lạnh, kho lạnh, điều hòa trung tâm; Chi tiết: Lắp đặt thiết bị điện lạnh, cơ điện lạnh và kho lạnh nhà máy thủy sản.
35	(Mã ngành 6810 - Chính): Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (trừ đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng).
36	(Mã ngành 4633): Bán buôn đồ uống. Chi tiết: Mua bán rượu mạnh các loại (phải có giấy phép của Sở Công Thương trước khi tiến hành hoạt động).
37	(Mã ngành 9329): Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Kinh doanh phòng hát karaoke

5 . Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng

6 . Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất: Không có

7 . Cấu trúc Công ty

Công ty con:

- Tổng số các Công ty con 12

+ Số lượng Công ty con được hợp nhất 12

+ Số lượng Công ty con không được hợp nhất : 0

- Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
+ Công ty cổ phần Dũng Thịnh Phát Sài Gòn	09 Nguyễn Kim, Phường Chợ Lớn, TP Hồ Chí Minh	66,00%	66,00%	66,00%	66,00%
+ Công ty CP Du Lịch Đồng Tháp	Số 06, Đốc Binh Kiều, Phường Cao Lãnh, Đồng Tháp	86,76%	86,76%	86,76%	86,76%
+ Công ty CP Nhựt Hồng	Số 29 Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, An Giang	60,00%	60,00%	60,00%	60,00%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2025 kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

7 . Cấu trúc Công ty (tiếp theo)

- Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
+ Công ty CP Du Lịch An Giang	Số 17 Nguyễn Văn Cưng, Phường Long Xuyên, An Giang	71,82%	71,82%	71,82%	71,82%
+ Công ty TNHH Sao Mai Super Feed	Cụm Công nghiệp Vàm Cống, Ấp An Thạnh, Xã Lấp Vò, Đồng Tháp	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
+ Công ty TNHH TM Sao Mai Solar	326 Hùng Vương, Phường Long Xuyên, An Giang	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
+ Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I	Quốc lộ 80, Cụm công nghiệp Vàm Cống, ấp An Thạnh, Xã Lấp Vò, Đồng Tháp	51,23%	51,23%	51,23%	51,23%
+ Công ty CP Đầu tư Du lịch và Phát triển Thuỷ sản	Quốc lộ 80, Cụm công nghiệp Vàm Cống, ấp An Thạnh, Xã Lấp Vò, Đồng Tháp	43,95%	43,95%	82,67%	82,67%
+ Công ty CP Điện Mặt Trời EUROPLAST Long An	Khu D, Xã Mỹ Quý, Tây Ninh	86,40%	86,40%	95,67%	95,67%
+ Công ty CP Đầu Tư Vĩnh An Đắk Nông	Số 1, tiểu khu 834, cụm Ba Tầng, Xã Đắk Wil, Lâm Đồng	97,50%	97,50%	97,50%	97,50%
+ Công ty TNHH Sinh Học MAIKI JAPAN	29 Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, An Giang	51,00%	51,00%	51,00%	51,00%
+ Công ty Cổ phần Điện Gió Sao Mai	Số 10 Đường Nguyễn Huệ, Phường Long Xuyên, An Giang	75,00%		75,00%	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2025 kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

7 . Cấu trúc Công ty (tiếp theo)

- Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
+ Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai tại thành phố Hồ Chí Minh	Số 9 Nguyễn Kim, phường Chợ Lớn, TP Hồ Chí Minh
+ Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai - Khu nghỉ mát Sao Mai	143-145 đường Hùng Vương, Phường Tân Phước, TP Hồ Chí Minh
+ Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai tại Lấp Vò - Đồng Tháp	Quốc lộ 80, Cụm Công nghiệp Vàm Cống, Ấp An Thạnh, Xã Lấp Vò, Đồng Tháp
+ Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai tại Thanh Hoá	Khu đô thị mới Sao Mai, Quốc lộ 47, Xã Thọ Phú, Thanh Hóa
+ Chi nhánh Tập đoàn Sao Mai tại Đồng Tháp	Số 04 Đốc Binh Kiều, Phường Cao Lãnh, Đồng Tháp
+ Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai - Khu Nghỉ Dưỡng và Spa Lamori	Thôn Quyết Tâm, Xã Sao Vàng, Thanh Hóa
+ Văn phòng đại diện Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai tại các tỉnh Phía Bắc	Nhà C và D - 9, Số 18 đường Phạm Hùng, Phường Từ Liêm, TP Hà Nội.
+ Văn phòng đại diện Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai tại Thành Phố Cần Thơ	Tòa nhà VCCI, Tầng 4, số 12, Hòa Bình, Phường An Cư, Tp.Cần Thơ
+ Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Tập Đoàn Sao Mai tại Thành phố Hồ Chí Minh	Số 9 Nguyễn Kim, phường12, Quận 5, TP Hồ Chí Minh
+ Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Tập Đoàn Sao Mai tại Bà Rịa - Vũng Tàu.	Km 47, Quốc lộ 51, Khu phố Song Vĩnh, Phường Tân Phước, TP Hồ Chí Minh

II . KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III . CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1 . Chế độ kế toán:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 202/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư văn bản hướng dẫn bổ sung.

2 . Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2025 kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

IV . CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1 . Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

a. Tỷ giá đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): Là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa doanh nghiệp và ngân hàng thương mại;

Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì doanh nghiệp ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả), tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

+ Tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh được áp dụng khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, được xác định bằng tỷ giá tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động được áp dụng tại bên Có tài khoản tiền khi thanh toán bằng ngoại tệ.

+ Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh và được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

b. Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất;

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên giao dịch công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất và số chênh lệch còn lại sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ. Doanh nghiệp không được chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức trên lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2025 kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

2 . Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi còn lại không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

c. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, bên Nợ các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế và bên Có các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch (do doanh nghiệp tự lựa chọn) tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất và được hạch toán bù trừ chênh lệch tăng, giảm số còn lại được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính và không chia cổ tức trên chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ này.

3 . Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: đầu tư góp vốn vào Công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác...

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

a. Chứng khoán kinh doanh

Là khoản đầu tư mua chứng khoán và công cụ tài chính khác vì mục đích kinh doanh (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời). Chứng khoán kinh doanh bao gồm:
- Cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán;
- Các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác như thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi ...

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ theo giá gốc. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu.

Khoản cổ tức được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư. Khi nhà đầu tư được nhận thêm cổ phiếu mà không phải trả tiền do Công ty cổ phần phát hành thêm cổ phiếu từ thặng dư vốn cổ phần, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu hoặc chia cổ tức bằng cổ phiếu, nhà đầu tư chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

Trường hợp hoán đổi cổ phiếu phải xác định giá trị cổ phiếu theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2025 kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

3 . Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính: (tiếp theo)

a. Chứng khoán kinh doanh

Khi thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh, giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động cho từng loại chứng khoán.

- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh: phần giá trị tổn thất có thể xảy ra khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh bị giảm so với giá trị ghi sổ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư này không phản ánh các loại trái phiếu và công cụ nợ nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (thời gian thu hồi còn lại từ 3 tháng trở lên), tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu chưa được lập dự phòng theo quy định của pháp luật, Công ty phải đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thể thu hồi được, số tổn thất phải ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy thì không ghi giảm khoản đầu tư và được thuyết minh về khả năng thu hồi của khoản đầu tư trên Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

d. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

4 . Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu:

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại ngoại tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ, tỷ giá ghi nhận là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, các khoản phải thu có gốc ngoại tệ được đánh giá lại số dư theo tỷ giá thực tế là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Trường hợp doanh nghiệp có nhiều khoản phải thu và giao dịch tại nhiều ngân hàng thì được chủ động lựa chọn tỷ giá mua của một trong những ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch, khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán bù trừ sau đó hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính. Riêng khoản mục tiền trả trước cho khách hàng không đánh giá lại số dư.

- Lập dự phòng phải thu khó đòi: Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2025 kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

5 . Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm hoặc để sẵn sàng bán sản phẩm thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

6 . Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ), thuê tài chính, bất động sản đầu tư:

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 25 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 30 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
- Quyền sử dụng đất vô thời hạn	Không tính khấu hao

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Bất động sản đầu tư được trích khấu hao như TSCĐ khác của Công ty, trừ trường hợp BĐS đầu tư chờ tăng giá thì không trích khấu hao mà xác định giá trị tổn thất do giảm giá trị.

7 . Nguyên tắc ghi nhận các hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của các bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Bên nhận tài sản các bên đóng góp cho hoạt động BCC kế toán khoản này là nợ phải trả, không được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. BCC có các hình thức sau:

- BCC theo hình thức tài sản đồng kiểm soát;
- BCC theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát;
- BCC theo chia lợi nhuận sau thuế.

8 . Nguyên tắc ghi nhận thuế TNDN hoãn lại

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2025 kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

9 . Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn.

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

10 . Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả:

Bao gồm các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán không quá 12 tháng hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.

- Có thời hạn thanh toán từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ, tỷ giá ghi nhận là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, các khoản phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại số dư theo tỷ giá thực tế là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán bù trừ sau đó hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính; Riêng khoản mục tiền người mua trả tiền trước không đánh giá lại số dư.

11 . Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai không phản ánh vào khoản mục này.

Các khoản vay, nợ cần được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, từng khế ước và từng loại tài sản vay nợ. Các khoản nợ thuê tài chính được phản ánh theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

12 . Nguyên tắc ghi nhận vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2025 kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

13 . Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Việc trích trước chi phí phải trả phải được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

14 . Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước như: số tiền khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản; khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ; chênh lệch giữa bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết so với giá bán trả tiền ngay; doanh thu tương ứng với hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống.

Số dư các khoản doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán nếu không có bằng chứng chắc chắn cho thấy Công ty sẽ phải trả lại khoản tiền nhận trước cho khách hàng bằng ngoại tệ thì không đánh giá chênh lệch tỷ giá tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

15 . Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

- Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

Khi giấy phép đầu tư quy định vốn điều lệ của Công ty được xác định bằng ngoại tệ thì việc xác định phần vốn góp của nhà đầu tư bằng ngoại tệ được căn cứ vào số lượng ngoại tệ đã thực góp.

Vốn góp bằng tài sản được ghi nhận tăng vốn chủ sở hữu theo giá đánh giá lại của tài sản được các bên góp vốn chấp nhận. Đối với tài sản vô hình như thương hiệu, nhãn hiệu, tên thương mại, quyền khai thác, phát triển dự án … chỉ được tăng vốn góp nếu pháp luật có liên quan cho phép.

Đối với công ty cổ phần, vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, nhưng được phản ánh tại hai chỉ tiêu riêng:
- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo mệnh giá của cổ phiếu;
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành cổ phiếu và mệnh giá.

Ngoài ra, thặng dư vốn cổ phần cũng được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác phản ánh vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (theo quy định hiện hành).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2025 kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

15 . Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân chia lợi nhuận hoạt động kinh doanh của Công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành.

Công ty mẹ phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất cao hơn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và nếu số lợi nhuận quyết định phân phối vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng, công ty mẹ chỉ thực hiện phân phối sau khi đã điều chuyển lợi nhuận từ các công ty con về công ty mẹ.

Khi phân phối lợi nhuận cần cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của Công ty.

16 . Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

- Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

- Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Đối với tiền lãi thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp: doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phân loại là quá hạn cần phải lập dự phòng. Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2025 kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

16 . Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo một trong hai trường hợp sau:

- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định tại ngày lập Báo cáo;

- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu ghi nhận tương đương chi phí đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

- Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật ...

17 . Nguyên tắc ghi nhận các khoản giảm trừ doanh thu

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:
- Điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ;
- Điều chỉnh giảm doanh thu như sau nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ:

+ Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất;

+ Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ sau kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chiết khấu thương mại phải trả là khoản Công ty bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.

Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Hàng bán trả lại phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân như vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

18 . Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư …

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2025 kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

19 . Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoạt động tài chính: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

20 . Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của Công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý Công ty; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác...

21 . Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

22 . Chi phí lãi vay không được khấu trừ

Phần chi phí lãi vay không được trừ theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP được chuyển sang kỳ tính thuế tiếp theo khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ trong trường hợp tổng chi phí lãi vay phát sinh được trừ của kỳ tính thuế tiếp theo thấp hơn mức quy định tại Nghị định này. Tập đoàn chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần chi phí lãi vay không được trừ này do không thể dự tính được lợi nhuận trong tương lai cũng như khả năng khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ tính thuế tiếp theo tại thời điểm này.

23 . Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2025 kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

24 . Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

25 . Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

26 . Công cụ tài chính

a. Tài sản tài chính

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm:

- Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;

- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn;

- Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường;

- Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu.

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu tài sản tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua, phát hành.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2025 kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

b. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm:

- Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là nợ phải trả được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;

- Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Việc phân loại nợ phải trả tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản nợ và vay.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu tất cả nợ phải trả tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Công cụ vốn Chủ sở hữu (CSH): Là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính: Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

27 . Nguyên tắc và phương pháp lập Báo cáo tài chính hợp nhất

a. Phương pháp kế toán trong giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn và ghi nhận lãi, lỗ khi có sự thay đổi tỷ lệ sở hữu

Kết quả kinh doanh của Công ty con phải được đưa vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày Công ty mẹ nắm quyền kiểm soát Công ty con và chấm dứt vào ngày Công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát Công ty con. Khoản đầu tư vào doanh nghiệp phải hạch toán theo Chuẩn mực kế toán "Công cụ tài chính" kể từ khi doanh nghiệp đó không còn là Công ty con và cũng không trở thành Công ty liên doanh, liên kết.

Đầu tư ban đầu và đầu tư tăng thêm tại công ty con:
Phần sở hữu của công ty mẹ và cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần có thể xác định được của Công ty con tại ngày mua phải được trình bày theo giá trị hợp lý.

Nếu sau khi đã kiểm soát Công ty con, nếu công ty mẹ tiếp tục đầu tư vào Công ty con để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư tăng thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của Công ty con mua thêm phải được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và được coi là các giao dịch vốn chủ sở hữu.

Thoái vốn tại công ty con:
Số chênh lệch giữa số thu từ việc thoái vốn tại Công ty con và giá trị phần tài sản thuần của Công ty con bị thoái vốn cộng với giá trị phần lợi thế thương mại chưa được phân bổ hết được ghi nhận ngay trong kỳ phát sinh theo nguyên tắc:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2025 kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

- Nếu giao dịch thoái vốn không làm Công ty mẹ mất quyền kiểm soát đối với Công ty con: toàn bộ chênh lệch nêu trên được ghi nhận vào chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất;

- Nếu giao dịch thoái vốn dẫn đến Công ty mẹ mất quyền kiểm soát đối với Công ty con: toàn bộ chênh lệch nêu trên được ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất. Khoản đầu tư vào Công ty con sẽ được hạch toán như một khoản đầu tư tài chính thông thường theo phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ khi Công ty mẹ không còn nắm giữ quyền kiểm soát Công ty con.

Công ty con, liên kết mua cổ phiếu quỹ:

- Khi công ty con mua lại cổ phiếu quỹ từ cổ đông không kiểm soát, tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ trong tài sản thuần của Công ty con sẽ tăng lên. Tuy nhiên sau khi Công ty con mua cổ phiếu quỹ, phần giá trị tài sản thuần của Công ty con do Công ty mẹ nắm giữ có thể tăng hoặc giảm so với trước khi Công ty con mua cổ phiếu quỹ tùy thuộc vào giá mua cổ phiếu quỹ. Công ty mẹ phải xác định phần sở hữu của mình trong giá trị tài sản thuần của Công ty con tại thời điểm trước và sau khi Công ty con mua cổ phiếu quỹ. Phần chênh lệch trong giá trị tài sản thuần đó được ghi nhận trực tiếp vào chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" của Bảng cân đối kế toán hợp nhất;

- Khi công ty liên kết mua cổ phiếu quỹ, tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư trong tài sản thuần của Công ty liên kết sẽ tăng lên và nếu đủ để kiểm soát, nhà đầu tư sẽ trở thành Công ty mẹ, công ty liên kết trở thành Công ty con.

- Khi công ty con mua lại cổ phiếu quỹ từ cổ đông không kiểm soát, tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ trong tài sản thuần của Công ty con sẽ tăng lên.

- Tuy nhiên sau khi Công ty con mua cổ phiếu quỹ, phần giá trị tài sản thuần của Công ty con do Công ty mẹ nắm giữ có thể tăng hoặc giảm so với trước khi Công ty con mua cổ phiếu quỹ tùy thuộc vào giá mua cổ phiếu quỹ. Công ty mẹ phải xác định phần sở hữu của mình trong giá trị tài sản thuần của Công ty con tại thời điểm trước và sau khi Công ty con mua cổ phiếu quỹ. Phần chênh lệch trong giá trị tài sản thuần đó được ghi nhận trực tiếp vào chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" của Bảng cân đối kế toán hợp nhất;

Công ty con đầu tư ngược lại công ty mẹ:

Đối với các Công ty con không bị hạn chế bởi pháp luật khi mua lại cổ phiếu của Công ty mẹ, kế toán phải trình bày giá trị ghi sổ khoản cổ phiếu Công ty con mua của công ty mẹ trong chỉ tiêu "Cổ phiếu quỹ" của Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Căn cứ vào Bảng cân đối kế toán của Công ty con, kế toán ghi giảm giá trị số cổ phiếu của công ty mẹ đang được nắm giữ bởi Công ty con.

b. Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích Công ty mẹ và cổ đông không kiểm soát nắm giữ tại công ty con bao gồm lợi ích trực tiếp và gián tiếp có được thông qua Công ty con khác. Việc xác định lợi ích của các bên được căn cứ vào tỷ lệ vốn góp (trực tiếp và gián tiếp) tương ứng của từng bên trong Công ty con, trừ khi có thoả thuận khác.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất thành một chỉ tiêu riêng thuộc phần vốn chủ sở hữu. Phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty cũng phải được trình bày thành chỉ tiêu riêng biệt trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và trong sự biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại Công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con.

c. Phương pháp loại trừ các giao dịch nội bộ

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và các khoản thu nhập, chi phí trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất được loại trừ hoàn toàn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2025 kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

V . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

01 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Tiền mặt	**16.518.258.820**	**14.815.009.781**
Tiền gửi không kỳ hạn	**325.305.574.934**	**885.007.434.529**
Tiền đang chuyển		
Các khoản tương đương tiền	**369.982.248.111**	**1.170.479.995.053**
- Tiền gửi có kỳ hạn	369.982.248.111	1.170.479.995.053
Cộng	**711.806.081.865**	**2.070.302.439.363**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2025 kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

02 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm			*Số đầu năm*		
	Giá gốc	*Giá hợp lý*	*Dự phòng*	*Giá gốc*	*Giá hợp lý*	*Dự phòng*
a) Chứng khoán kinh doanh	**4.130.442.633**	**4.439.249.600**	**(585.663.043)**	**6.230.107.978**	**6.129.668.300**	**(754.621.703)**
Tổng giá trị cổ phiếu	4.130.442.633	4.439.249.600	(585.663.043)	6.230.107.978	6.129.668.300	(754.621.703)
Cộng	**4.130.442.633**	**4.439.249.600**	**(585.663.043)**	**6.230.107.978**	**6.129.668.300**	**(754.621.703)**

b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	*Số cuối năm*		*Số đầu năm*	
	Giá gốc	*Giá trị ghi sổ*	*Giá gốc*	*Giá trị ghi sổ*
b1) Ngắn hạn	**2.441.731.331.268**	**2.441.731.331.268**	**2.059.404.951.031**	**2.059.404.951.031**
- Tiền gửi có kỳ hạn	*2.441.731.331.268*	*2.441.731.331.268*	*2.059.404.951.031*	*2.059.404.951.031*
b2) Dài hạn	**30.000.000.000**	**30.000.000.000**	**33.310.000.000**	**33.310.000.000**
- Trái phiếu (*)	*30.000.000.000*	*30.000.000.000*	*33.310.000.000*	*33.310.000.000*
Cộng	**2.471.731.331.268**	**2.471.731.331.268**	**2.092.714.951.031**	**2.092.714.951.031**

(*) Tên tổ chức phát hành trái phiếu	**Số lượng**	**Mệnh giá**	**Tổng trị giá**	**Lãi suất trả sau**	**Ngày phát hành**	**Ngày đáo hạn**
Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam	300.000	100.000	30.000.000.000	Lãi suất tham chiếu + 1,3%/năm	20/07/2023	20/07/2033

c) Đầu tư vào đơn vị khác	*Số cuối năm*			*Số đầu năm*		
	Giá gốc	*Giá hợp lý*	*Dự phòng*	*Giá gốc*	*Giá hợp lý*	*Dự phòng*
	2.000.000.000		**(2.000.000.000)**	**2.000.000.000**		**(2.000.000.000)**
+ Công ty CP Bóng Đá Đồng Tháp (**)	2.000.000.000		(2.000.000.000)	2.000.000.000		(2.000.000.000)
Cộng	**2.000.000.000**		**(2.000.000.000)**	**2.000.000.000**		**(2.000.000.000)**

(**) Do các công ty trên chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên các thị trường chứng khoán, nên giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào các công ty này chưa thể xác định được để trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo quy định của Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2025 kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

03 . PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
a) Ngắn hạn	**2.419.637.121.960**	**2.183.060.421.709**
Bên khác	**2.419.637.121.960**	**2.183.060.421.709**
+ Công ty Mua Bán Điện - Tập Đoàn Điện Lực Việt Nam	359.185.048.257	72.027.201.569
+ Công ty Cổ phần Xuất Khẩu Thuỷ Hải Sản Sạch	315.094.661.500	6.543.338.851
+ Công ty Cổ phần SATRA Thái Sơn	6.851.211.068	6.974.620.468
+ Công ty TNHH MTV Kiểm Định & Đầu Tư Toàn Cầu		72.755.719.817
+ Công ty Cổ phần Dầu cá Châu Á	367.287.922.357	389.580.419.426
+ Khách hàng khác	1.371.218.278.778	1.635.179.121.578
Bên liên quan		
b) Dài hạn		
Cộng	**2.419.637.121.960**	**2.183.060.421.709**

04 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
a) Ngắn hạn	**2.952.891.047.720**	**2.595.626.008.791**
Bên khác	**2.952.891.047.720**	**2.595.626.008.791**
+ Công ty Cổ Phần Vistar	113.245.486.915	74.153.508.915
+ Ban GPMB KDC Tân Châu	304.081.152.700	275.925.249.700
+ Ban QLDA GPMB (Bồi hoàn BK4)	171.066.467.000	149.807.611.000
+ Ban QLDA GPMB (Dự án Lam Sơn - Sao Vàng - Thọ Xuân)	22.452.693.000	22.452.693.000
+ Hội đồng BT GPMB huyện Triệu Sơn(KĐT Minh Sơn, Giắt)	7.838.257.253	11.444.933.968
+ Công ty CP xuất khẩu Thủy Hải Sản Sạch	445.600.816.392	70.493.885.724
+ Công ty CP Dầu Cá Châu Á	15.041.810.050	15.041.810.050
+ Công ty TNHH MTV Kiểm định & Đầu tư toàn cầu	135.490.546.882	99.105.667.005
+ Lê Đình Mạnh	25.439.536.348	24.671.156.908
+ Lê Văn Thưởng	46.846.754.000	87.082.815.560
+ Trần Huy	61.000.000.000	61.000.000.000
+ Đối tượng khác	1.604.787.527.180	1.704.446.676.961
Bên liên quan		
b) Dài hạn	**14.500.000**	**14.500.000**
+ Đối tượng khác	14.500.000	14.500.000
Cộng	**2.952.905.547.720**	**2.595.640.508.791**

Ghi chú (*): Khoản mục này được trình bày bổ sung thông tin số đầu năm và cuối năm nhằm cung cấp thêm thông tin trình bày Thuyết minh báo cáo tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2025 kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

05.1 . PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Bên khác	**200.000.000.000**	
+ Công ty CP xuất khẩu Thủy Hải Sản Sạch	200.000.000.000	
Cộng	**200.000.000.000**	

Ghi chú:

Hợp đồng vay vốn số 02.2025HĐCVV/2025 ngày 10/12/2025, thời hạn cho vay 05 tháng, lãi suất 5%/năm.

05.2 . PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		*Số đầu năm*	
	Giá trị	*Dự phòng*	*Giá trị*	*Dự phòng*
a) Ngắn hạn	**582.511.875.883**	**(2.071.120.052)**	**320.946.430.834**	**(528.000.000)**
Tạm ứng	237.458.245.078		239.281.294.870	
- Bùi Thị Ngọc Linh	*1.250.084.147*		*28.753.397.000*	
- Lê Văn Ba	*16.348.184.585*		*19.511.827.000*	
- CBCNV khác	*219.859.976.346*		*191.016.070.870*	
Phải thu khác	**339.607.537.566**	**(2.071.120.052)**	**77.834.435.964**	**(528.000.000)**
Bên khác	339.607.537.566	(2.071.120.052)	77.834.435.964	(528.000.000)
- Công ty CTTC TNHH MTV NHTMCP Công Thương VN	*474.400.017*		*1.952.194.769*	
- Công ty CP xuất khẩu Thủy Hải Sản Sạch	*204.000.000.000*			
- Cục thuế tỉnh Đồng Tháp - hoàn thuế	*16.000.000.000*		*16.565.382.177*	
- Huỳnh Phú Cường	*20.956.670.000*		*26.514.170.000*	
- Đối tượng khác	*98.176.467.549*	*(2.071.120.052)*	*32.802.689.018*	*(528.000.000)*
Bên liên quan				
Ký cược, ký quỹ	5.446.093.239		3.830.700.000	
b) Dài hạn	**31.003.588.834**		**32.862.815.013**	
Ký cược, ký quỹ	31.003.588.834		32.862.815.013	
Cộng	**613.515.464.717**	**(2.071.120.052)**	**353.809.245.847**	**(528.000.000)**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2025 kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

06 . NỢ XẤU

1. Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi

	Số cuối năm		*Số đầu năm*	
	Giá gốc	*Giá trị có thể thu hồi*	*Giá gốc*	*Giá trị có thể thu hồi*
+ LLC "Sata Fish Ltd"	9.467.468.250		9.467.468.250	
+ Alfredo Foods	9.073.064.061		9.073.064.061	
+ Alliance Seafood Group	9.107.273.406		9.107.273.406	
+ Lapson International Trading Ltd	6.885.734.871		6.885.734.871	
+ Sarl Globe Alliance	7.104.351.914		7.104.351.914	
+ Tian Ye Aquatic Products Co. Ltd	6.554.141.866		6.554.141.866	
+ Công ty TNHH cơ điện tử Quang Huy BK	2.900.000.000		2.900.000.000	
+ Công ty Cổ phần SATRA Thái Sơn	6.851.211.068		6.851.211.068	
+ Đối tượng khác	11.948.261.174		9.958.686.972	
Cộng	**69.891.506.610**		**67.901.932.408**	

2. Thông tin về các khoản tiền phạt, phải thu về lãi trả chậm...phát sinh từ các khoản nợ quá hạn nhưng không được ghi nhận doanh thu: không có

07 . HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		*Số đầu năm*	
	Giá gốc	*Dự phòng*	*Giá gốc*	*Dự phòng*
- Nguyên liệu, vật liệu	150.237.083.586		211.662.483.977	
- Công cụ, dụng cụ	4.391.662.921		19.722.365.762	
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	815.474.131.747		1.299.837.430.363	
- Thành phẩm	877.435.304.049		719.236.758.003	
- Hàng hóa	557.160.784.803		506.548.960.734	
- Hàng gửi đi bán	9.816.811.056		7.259.853.616	
- Hàng hóa bất động sản	2.410.081.635.937		1.571.968.472.714	
Cộng	**4.824.597.414.099**		**4.336.236.325.169**	

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm: không có

- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối năm: 2.753.947.891.757 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2025 kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

08 . TÀI SẢN DỞ DANG DÀI HẠN

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		
b) Xây dựng cơ bản dở dang		
Mua sắm TSCĐ	**5.772.127.011**	**33.144.179.058**
- Kho lạnh 04		*14.321.499.813*
- Khác	*5.772.127.011*	*18.822.679.245*
Xây dựng cơ bản	**1.257.751.443.765**	**1.340.226.831.175**
- Khu văn phòng và nhà ở cao tầng - HCM	*49.137.782.570*	*49.137.782.570*
- Kho lạnh 04		*145.580.345.953*
- Dự án năng lượng mặt trời Tại Huyện Ea H'Leo - Đắk Lắk	*174.000.000*	*174.000.000*
- Nhà máy điện năng lượng mặt trời - Tịnh Biên An Giang	*55.992.877.500*	*55.992.877.500*
- Chi phí đầu tư xây dựng Khu Du Lịch Trà Sư	*54.018.578.575*	*49.959.422.575*
- Khu đô thị Bình Long	*401.317.925.000*	*401.317.925.000*
- Khu Resort Thọ Xuân Lamori Resort & Spa Thanh Hóa (KINGLE)	*168.454.396.862*	*429.680.781.098*
- Dự án mua đất Mỹ Thới	*187.964.865.986*	*172.128.860.429*
- Trung tâm cá giống	*290.388.009.448*	
- Nhà máy thủy sản Hoa Kỳ	*26.346.228.754*	
- Công trình khác	*23.956.779.070*	*36.254.836.050*
Cộng	**1.263.523.570.776**	**1.373.371.010.233**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2025 kết thúc ngày 31/12/2025

09 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	Cộng
I. Nguyên giá						
1. Số dư đầu năm	**2.111.975.846.916**	**4.205.776.360.203**	**121.038.376.617**	**39.738.706.630**	**109.053.850.629**	**6.587.583.140.995**
2. Số tăng trong năm	**660.533.256.990**	**149.175.979.638**	**10.730.535.753**	**216.050.000**	**13.732.602.918**	**834.388.425.299**
- Mua trong năm	*5.751.418.500*	*2.229.632.184*	*2.819.638.741*	*54.800.000*		*10.855.489.425*
- Đầu tư XDCB hoàn thành	*562.706.700.330*	*61.248.923.656*	*390 000 000*		*13732 602 918*	*638.078.226.904*
- Chuyển từ BĐS đầu tư sang	*92.075.138.160*					*92.075.138.160*
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính		*85.429.541.316*	*7520 897 012*			*92.950.438.328*
- Tăng khác		*267.882.482*		*161.250.000*		*429.132.482*
3. Số giảm trong năm	**13.596.653.640**	**494.240.358**	**2.186.900.000**		**1.897.716.809**	**18.175.510.807**
- Thanh lý, nhượng bán	*13.596.653.640*	*494.240.358*	*2.186.900.000*		*1.897.716.809*	*18.175.510.807*
- Giảm khác						
4. Số dư cuối năm	**2.758.912.450.266**	**4.354.458.099.483**	**129.582.012.370**	**39.954.756.630**	**120.888.736.738**	**7.403.796.055.487**
II. Giá trị hao mòn luỹ kế						
1. Số dư đầu năm	**519.011.462.440**	**1.288.379.523.460**	**78.341.879.720**	**21.174.070.630**	**30.254.179.406**	**1.937.161.115.656**
2. Khấu hao trong năm	**146.393.667.989**	**236.501.671.061**	**13.978.803.100**	**2.889.054.382**	**4.845.423.108**	**404.608.619.640**
- Khấu hao trong năm	*111.281.519.268*	*202.599.546.427*	*6.457.906.088*	*2.889.054.382*	*4.845.423.108*	*328.073.449.273*
- Chuyển từ BĐS đầu tư sang	*35.112.148.721*					*35.112.148.721*
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính		*33.902.124.634*	*7.520.897.012*			*41.423.021.646*
3. Giảm trong năm	**7.723.432.107**	**333.908.017**	**2.186.900.000**		**1.070.621.877**	**11.314.862.001**
- Thanh lý, nhượng bán	*7.723.432.107*	*333.908.017*	*2.186.900.000*		*1.070.621.877*	*11.314.862.001*
- Giảm khác						
4. Số dư cuối năm	**657.681.698.322**	**1.524.547.286.504**	**90.133.782.820**	**24.063.125.012**	**34.028.980.637**	**2.330.454.873.295**
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm	**1.592.964.384.476**	**2.917.396.836.743**	**42.696.496.897**	**18.564.636.000**	**78.799.671.223**	**4.650.422.025.339**
2. Tại ngày cuối năm	**2.101.230.751.944**	**2.829.910.812.979**	**39.448.229.550**	**15.891.631.618**	**86.859.756.101**	**5.073.341.182.192**

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 4.591.172.728.109 VND
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 469.542.056.653 VND
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: 0 VND

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2025 kết thúc ngày 31/12/2025

10 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
I. Nguyên giá				
1. Số dư đầu năm	**11.070.071.709**	**403.652.894.371**	**16.442.057.444**	**431.165.023.524**
2. Số tăng trong năm				
- Thuê tài chính trong năm				
- Tăng khác				
3. Số giảm trong năm		**85.232.339.585**	**7.520.897.012**	**92.753.236.597**
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính		*85.232.339.585*	*7.520.897.012*	*92.753.236.597*
4. Số dư cuối năm	**11.070.071.709**	**318.420.554.786**	**8.921.160.432**	**338.411.786.927**
II. Giá trị hao mòn luỹ kế				
1. Số dư đầu năm	**7.562.732.001**	**104.340.458.243**	**8.625.132.197**	**120.528.322.441**
2. Khấu hao trong năm	**2.592.936.696**	**31.438.501.881**	**2.231.508.549**	**36.262.947.126**
- Khấu hao trong năm	*2.592.936.696*	*31.438.501.881*	*2.231.508.549*	*36.262.947.126*
- Tăng khác				
3. Giảm trong năm		**33.902.124.634**	**7.520.897.012**	**41.423.021.646**
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính		*33.902.124.634*	*7.520.897.012*	*41.423.021.646*
4. Số dư cuối năm	**10.155.668.697**	**101.876.835.490**	**3.335.743.734**	**115.368.247.921**
III. Giá trị còn lại				
1. Tại ngày đầu năm	**3.507.339.708**	**299.312.436.128**	**7.816.925.247**	**310.636.701.083**
2. Tại ngày cuối năm	**914.403.012**	**216.543.719.296**	**5.585.416.698**	**223.043.539.006**

- Tiền thuê phát sinh thêm được ghi nhận là chi phí trong năm: 6.839.445.106 VND
- Căn cứ để xác định tiền thuê phát sinh thêm: Các hợp đồng thuê tài chính
- Điều khoản gia hạn thuê hoặc quyền được mua tài sản: Sau khi kết thúc hợp đồng bên thuê có quyền mua lại tài sản theo thỏa thuận trong hợp đồng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2025 kết thúc ngày 31/12/2025

11 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Phần mềm vi tính	TSCĐ vô hình khác	Cộng
I. Nguyên giá				
1. Số dư đầu năm	**1.537.705.999.258**	**5.087.085.835**	**61.240.000**	**1.542.854.325.093**
2. Số tăng trong năm	**15.767.060**	**935.550.600**	**1.620.370.370**	**2.571.688.030**
- Mua trong năm		*677.550.600*	*1.620.370.370*	*2.297.920.970*
- Xây dựng cơ bản hoàn thành		*258.000.000*		*258.000.000*
- Tăng khác	*15.767.060*			*15.767.060*
3. Số giảm trong năm				
4. Số dư cuối năm	**1.537.721.766.318**	**6.022.636.435**	**1.681.610.370**	**1.545.426.013.123**
II. Giá trị hao mòn luỹ kế				
1. Số dư đầu năm	**144.220.860.502**	**1.470.384.218**	**61.240.000**	**145.752.484.720**
2. Khấu hao trong năm	**21.474.286.645**	**870.616.537**	**162.037.032**	**22.506.940.214**
- Khấu hao trong năm	*21.474.286.645*	*870.616.537*	*162.037.032*	*22.506.940.214*
3. Giảm trong năm				
4. Số dư cuối năm	**165.695.147.147**	**2.341.000.755**	**223.277.032**	**168.259.424.934**
III. Giá trị còn lại				
1. Tại ngày đầu năm	**1.393.485.138.756**	**3.616.701.617**		**1.397.101.840.373**
2. Tại ngày cuối năm	**1.372.026.619.171**	**3.681.635.680**	**1.458.333.338**	**1.377.166.588.189**

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 412.671.487.839 VND.

- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng: 1.285.240.000 VND

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2025 kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

12 . TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
a) BĐS đầu tư cho thuê				
Nguyên giá	**657.354.041.023**	**18.268.224.564**	**115.319.685.196**	**560.302.580.391**
- Quyền sử dụng đất	224.870.340.218		6.772.665.855	218.097.674.363
- Nhà	432.483.700.805	18.268.224.564	108.547.019.341	342.204.906.028
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng				
Giá trị hao mòn lũy kế	**148.748.852.747**	**14.083.101.330**	**38.855.015.588**	**123.976.938.489**
- Quyền sử dụng đất	3.919.524.282	392.211.852		4.311.736.134
- Nhà	144.829.328.465	13.690.889.478	38.855.015.588	119.665.202.355
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng				
Giá trị còn lại	**508.605.188.276**			**436.325.641.902**
- Quyền sử dụng đất	220.950.815.936			213.785.938.229
- Nhà	287.654.372.340			222.539.703.673
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng				

- Giá trị còn lại cuối năm của BĐSĐT dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 245.175.437.593 VND
- Nguyên giá BĐSĐT đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê hoặc nắm giữ chờ tăng giá: 14.856.918.387 VND

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2025 kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
a) Ngắn hạn	**12.194.448.194**	**11.640.987.304**
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.687.200.776	1.885.329.358
Các khoản khác	9.507.247.418	9.755.657.946
b) Dài hạn (*)	**639.593.956.766**	**643.968.340.031**
Tiền thuê đất Sa Đéc	46.500.341.179	47.049.616.091
Tiền thuê đất nhà máy năng lượng mặt trời Tịnh Biên	446.116.724.249	456.745.764.905
Tiền thuê đất chợ Sao Mai Bình Khánh 5	3.511.354.360	3.602.789.236
Tiền thuê đất	27.041.781.596	28.338.497.228
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	32.606.502.758	13.046.307.908
Các khoản khác	83.817.252.624	95.185.364.663
Cộng	**651.788.404.960**	**655.609.327.335**

Ghi chú (*): Giá trị còn lại cuối năm của chi phí trả trước dài hạn dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 496.128.419.788 VND.

14 . THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
a) Ngắn hạn		
b) Dài hạn		**462.715.482**
Thuế thu nhập hoãn lại		462.715.482
Cộng		**462.715.482**

15 . LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Giá trị LTTM phát sinh từ việc mua Công ty con	276.312.662.707	338.770.266.367
Cộng	**276.312.662.707**	**338.770.266.367**

Thông tin phân bổ LTTM trong năm	Năm 2025	Năm 2024
Lợi thế thương mại đầu năm	338.770.266.367	406.631.062.945
Lợi thế thương mại phân bổ trong năm	62.457.603.660	34.119.333.643
Lợi thế thương mại còn phân bổ cuối năm	**276.312.662.707**	**372.511.729.302**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2025 kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

16 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

a) Vay ngắn hạn (*)

	Số cuối năm		*Trong năm*		*Số đầu năm*	
	Giá trị	*Số có khả năng trả nợ*	*Tăng*	*Giảm*	*Giá trị*	*Số có khả năng trả nợ*
Vay ngắn hạn	6.500.712.745.583	6.500.712.745.583	10.260.957.782.567	9.981.158.734.345	6.220.913.697.361	6.220.913.697.361
Nợ dài hạn đến hạn trả	630.757.500.000	630.757.500.000	621.357.500.000	462.534.000.000	471.934.000.000	471.934.000.000
Cộng	**7.131.470.245.583**	**7.131.470.245.583**	**10.882.315.282.567**	**10.443.692.734.345**	**6.692.847.697.361**	**6.692.847.697.361**

b) Vay dài hạn (**)

Trên 1 năm đến 5 năm	3.509.020.697.414	3.509.020.697.414	1.823.244.663.909	1.920.874.752.500	3.606.650.786.005	3.606.650.786.005
Trên 5 năm	1.903.045.000.000	1.903.045.000.000	5.385.000.000	401.900.000.000	2.299.560.000.000	2.299.560.000.000
Cộng	**5.412.065.697.414**	**5.412.065.697.414**	**1.828.629.663.909**	**2.322.774.752.500**	**5.906.210.786.005**	**5.906.210.786.005**

c) Các khoản nợ thuê tài chính đã thanh toán

	Năm 2025			*Năm 2024*		
Thời hạn	*Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính*	*Trả tiền lãi thuê*	*Trả nợ gốc*	*Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính*	*Trả tiền lãi thuê*	*Trả nợ gốc*
Từ 1 năm trở xuống	73.014.700.870	6.839.445.106	66.175.255.764	81.296.864.412	11.774.379.496	69.522.484.916
Trên 1 năm đến 5 năm				12.680.521.029	2.117.120.985	10.563.400.044
Cộng	**73.014.700.870**	**6.839.445.106**	**66.175.255.764**	**93.977.385.441**	**13.891.500.481**	**80.085.884.960**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2025 kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

16 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

d) Giá trị nợ thuê tài chính

	Số cuối năm		*Số đầu năm*	
	Giá đánh giá lại	*Giá gốc*	*Giá đánh giá lại*	*Giá gốc*
Ngắn hạn	**35.251.530.556**	**35.251.530.556**	**66.170.051.420**	**66.170.051.420**
Gốc nợ thuê tài chính	35.251.530.556	35.251.530.556	66.170.051.420	66.170.051.420
Lãi thuê tài chính phải trả				
Dài hạn	**10.556.549.984**	**10.556.549.984**	**45.813.284.884**	**45.813.284.884**
Gốc nợ thuê tài chính	10.556.549.984	10.556.549.984	45.813.284.884	45.813.284.884
Lãi thuê tài chính phải trả				
Cộng	**45.808.080.540**	**45.808.080.540**	**111.983.336.304**	**111.983.336.304**

đ) Số vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán: không có

e) Các khoản vay và nợ thuê tài chính đối với các bên liên quan: không có

f) Trái phiếu thường

	Số cuối năm			*Số đầu năm*		
	Giá trị	*Lãi suất*	*Kỳ hạn*	*Giá trị*	*Lãi suất*	*Kỳ hạn*
Ngắn hạn						
Dài hạn						
+ Trái phiếu	**969.341.339.709**			**964.854.706.521**		
Trái phiếu phát hành	*1.000.000.000.000*	5.575%/năm	*96 tháng*	*1.000.000.000.000*	5.575%/năm	*96 tháng*
Phân bổ chi phí trái phiếu	*(30.658.660.291)*			*(35.145.293.479)*		
Cộng	**969.341.339.709**			**964.854.706.521**		

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2025 kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

16 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

f) Trái phiếu thường

Ghi Chú:

Đây là khoản huy động bằng việc phát hành trái phiếu theo mệnh giá bằng Đồng Việt Nam để tài trợ xây dựng Dự án Nhà máy chế biến thủy sản Hoa Kỳ (giai đoạn 2) và Dự án Trung tâm giống thủy sản công nghệ cao Sao Mai. Gói trái phiếu có tổng mệnh giá 1.000 tỷ đồng, ngày đáo hạn cuối cùng vào tháng 10 năm 2032. Lãi suất cố định áp dụng cho toàn bộ thời hạn 8 năm của trái phiếu được xác định là 5,575%/năm. Trái phiếu này được bảo lãnh thanh toán bởi GuarantCo Ltd, thời hạn bảo lãnh 8 năm theo "Thư thỏa thuận bảo lãnh" ngày 29/10/2024 và "Thư hiệu lực bảo lãnh" ngày 30/10/2024. Tài sản được đảm bảo cho bên bảo lãnh thanh toán Trái phiếu bằng các cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập Đoàn Sao Mai (ASM), Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát Triển Đa Quốc Gia (IDI), Công ty Cổ phần Đầu tư Du Lịch và Phát Triển Thủy Sản (DAT). Đến ngày 31/12/2025 Công ty đã sử dụng 270.000.000.000 VNĐ để đầu tư thực hiện dự án Trung Tâm Giống Thủy Sản Công Nghệ Cao Sao Mai từ nguồn phát hành Trái Phiếu Doanh Nghiệp riêng lẻ của Công ty. Nguồn vốn còn lại Công ty vẫn đang tiếp tục thực hiện theo kế hoạch giải ngân.

Số tiền trái phiếu sẽ được sử dụng theo thoả thuận của văn bản truy đòi (Recourse Deed.)

g) Thuyết minh chi tiết về trái phiếu các bên liên quan nắm giữ : Không có

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2025 kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

16 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH - TIẾP THEO

(*) Thông tin trình bày bổ sung chi tiết các khoản vay ngắn hạn	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Ngân hàng TMCP Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam - CN Đồng Bằng Sôn	184.360.589.808	73.015.555.000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN An Giang.	322.927.844.580	458.891.069.268
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN An Giang	137.272.574.615	319.889.961.770
Ngân hàng TMCP Á Châu - CN An Giang	58.988.877.960	48.412.938.574
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - CN An Giang	45.539.455.891	41.858.047.780
Ngân hàng TMCP Thịnh Vượng và Phát Triển - CN An Giang	40.203.565.424	136.080.958.400
Ngân hàng TMCP Thịnh Vượng và Phát Triển - CN Hà Nội		11.780.000.000
Ngân hàng TMCP Á Châu CN Ông Ích Khiêm	89.523.538.000	86.822.298.000
Ngân hàng TMCP Á Châu CN Sa Đéc	58.433.136.515	46.665.290.200
Ngân hàng TMCP Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam - CN Kiên Giang	1.938.599.737.621	1.754.219.197.731
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Phú Quốc	199.151.318.583	251.094.624.300
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Bến Nghé	81.495.907.800	259.961.031.381
Ngân hàng BPCE IOM - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	152.501.951.459	151.645.206.549
Ngân hàng China Construction Bank Corporation - Chi nhánh TP.HCM	177.314.932.500	153.874.160.400
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Đồng Tháp	499.193.902.230	481.999.279.131
Ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM - PGD Rạch Dừa	149.055.123.251	89.088.911.652
Ngân hàng TNHH INDOVINA- Chi nhánh Đồng Nai	102.522.279.765	23.000.000.000
Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank (Việt Nam)	97.450.050.000	49.303.324.400
Ngân hàng Sinopac - CN Hồ Chí Minh	47.983.000.000	47.645.600.000
Ngân hàng First Comercial Bank - Chi nhánh TP.HCM	147.594.336.000	135.546.983.300
Ngân hàng Woori Việt Nam - CN Hà Nam	234.615.948.620	199.366.048.600
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam Cần Thơ	18.366.199.592	43.600.009.596
Ngân hàng TMCP Nam Á Cần Thơ		33.607.230.300
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Đồng Tháp	30.000.000.000	30.000.000.000
Ngân Hàng Thương Mại TNHH E.Sun - Chi nhánh Đồng Nai	130.640.100.000	
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - CN An Giang	88.424.947.914	
Ngân Hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi Nhánh An Giang	63.918.772.078	
Công ty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Chailease	1.666.666.670	
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN An Giang	7.108.641.748	9.993.939.337
Ngân hàng BPCE IOM - CN TP. Hồ Chí Minh	40.329.446.100	46.882.493.584
Ngân Hàng TNHH MTV Woori Bank - CN Hà Nam	49.673.684.438	36.560.187.200
Ngân hàng TNHH Indovina - CN Đồng Nai	38.918.952.171	72.407.262.991
Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank (Việt Nam) - CN Hội Sở	24.838.844.364	20.377.812.240
Ngân hàng Fisrt Commercial Bank - CN TP Hồ Chí Minh	450.611.153.121	398.595.600.000
Vay cá nhân	791.487.266.765	708.728.675.677

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2025 kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

(*) Chi tiết các khoản vay dài hạn đến hạn trả	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Ngân hàng First Comercial Bank - Chi nhánh TP.HCM	122.000.000.000	112.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Đồng Tháp	292.000.000.000	284.000.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN An Giang	74.216.000.000	11.934.000.000
Ngân hàng TMCP Thịnh Vượng và Phát Triển - CN Hà Nội	23.560.000.000	
Ngân hàng TMCP Thịnh Vượng và Phát Triển - CN An Giang	50.981.500.000	
Ngân hàng TMCP Á Châu - CN An Giang	2.800.000.000	
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bắc An Giang	1.200.000.000	
Ngân hàng China Construction Bank Corporation - Chi nhánh TP.HCM	64.000.000.000	64.000.000.000
Tổng cộng:	**7.131.470.245.583**	**6.692.847.697.361**

16 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

(**) Thông tin trình bày bổ sung chi tiết các khoản vay dài hạn	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
NH TMCP Thịnh Vượng và Phát Triển - CN Hà Nội	164.660.000.000	188.220.000.000
NH TMCP Thịnh Vượng và Phát Triển - CN An Giang	452.435.950.000	392.689.450.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN Hội Sở	264.736.673.853	274.456.673.853
Ngân hàng Fisrt Commercial Bank - CN TP Hồ Chí Minh	1.234.443.600.000	1.594.382.400.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Đồng Tháp	1.302.000.000.000	1.594.000.000.000
Ngân hàng First Commercial Bank - CN TP. Hồ Chí Minh	164.000.000.000	276.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Đồng Tháp		2.544.000.000
Ngân hàng TMCP Á Châu		796.000.000
Ngân hàng TMCP Á Châu - CN An Giang	9.600.000.000	15.200.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN An Giang	41.460.000.000	80.692.500.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bắc An Giang	6.100.000.000	
Ngân hàng China Construction Corporation - CN TP.HCM	264.600.000.000	328.600.000.000
Vay dài hạn đối tượng khác	1.508.029.473.561	1.158.629.762.152
Tổng cộng:	**5.412.065.697.414**	**5.906.210.786.005**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2025 kết thúc ngày 31/12/2025

16. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Vay ngắn hạn, vay dài hạn:

Thông tin trình bày bổ sung các hợp đồng, khế ước các khoản vay tại ngày 31/12/2025.

Đơn vị tính: VND

Bên cho vay	Hợp đồng/Khế ước	Hạn mức/Số tiền vay (VND)		Dư nợ vay		Thời hạn vay (Tháng)	Lãi suất(%)	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo
		USD	VND	USD	VND				
Ngân hàng TMCP Á Châu CN Ông Ích Khiêm	OIK.DN.2998.170625 ngày 30/06/2025		906.000.000.000	3.394.000	89.523.538.000	9	Theo từng khế ước nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động phục vụ SXKD	Tiền gửi
Ngân Hàng TMCP Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam - CN Kiên Giang	01/2025/442663/HĐTC ngày 31/03/2025		49.000.000.000		45.786.121.840	12	5%	Bổ sung vốn lưu động phục vụ SXKD	Tiền gửi
	01/2025/4426663/HĐTD ngày 30/10/2025		1.900.000.000.000	20.383.500	537.655.579.500	8	Theo từng khế ước nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động phục vụ SXKD	Hàng tồn kho của công ty, Tiền gửi và tài sản khác
					1.355.158.036.281	8	Theo từng khế ước nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động phục vụ SXKD	
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Phú Quốc	01/2025/4426663/HĐTD ngày 31/10/2025		200.000.000.000	3.520.000	92.847.040.000	8	Theo từng khế ước nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động phục vụ SXKD	Hàng tồn kho của công ty, Tiền gửi và tài sản khác
	01/2025/4426663/HĐTD ngày 31/10/2025				106.304.278.583				
Ngân hàng BPCE IOM - CN Tp.Hồ Chí Minh	FCA000659-2025 ngày 13/01/2025	3.500.000			91.727.550.000	6	Theo từng khế ước nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động phục vụ SXKD	Tiền gửi
Ngân hàng China Construction Bank Corporation - CN TP.HCM	FAGSTF/2018-005APP6 ngày 22/09/2025	7.000.000			177.314.932.500	9	Theo từng khế ước nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động phục vụ SXKD	QSDĐ của công ty

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2025 kết thúc ngày 31/12/2025

16. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Vay ngắn hạn, vay dài hạn:

Thông tin trình bày bổ sung các hợp đồng, khế ước các khoản vay tại ngày 31/12/2025.

Đơn vị tính: VND

Bên cho vay	Hợp đồng/Khế ước	Hạn mức/Số tiền vay (VND)		Dư nợ vay		Thời hạn vay (Tháng)	Lãi suất(%)	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo
		USD	VND	USD	VND				
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - CN An Giang	112-00043847.10453/2025/HDTDHM ngày 06/06/2025		50.000.000.000	696.296	18.366.199.592	6	Theo từng khế ước nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động phục vụ SXKD	Tiền gửi
Ngân hàng TMCP công thương Đồng Tháp	156/2025-HĐCVHM/NHCT720-IDI ngày 15/07/2025		400.000.000.000	15.132.626	399.153.269.671	8	Theo từng khế ước nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động phục vụ SXKD	QSDĐ của công ty, tiền gửi
Ngân hàng Phát Triển Tp.HCM - CN Vũng Tàu	29752/23MN/HĐTD ngày 07/11/2023		400.000.000.000	3.045.243	80.324.374.611	6	Theo từng khế ước nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động phục vụ SXKD	Tài sản khác
					64.974.000.000	6			
Ngân Hàng TNHH INDOVINA - CN Đồng Nai	IVB-DN/CL/0725/131 ngày 24/07/2025	3.000.000			51.735.590.000	6	Theo từng khế ước nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động phục vụ SXKD	Tài sản khác
Ngân hàng Tiên Phong CN An Giang.	170/2025/HDTD/AGG ngày 02/06/2025		200.000.000.000		94.034.140.025	9	Theo từng khế ước nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động phục vụ SXKD	Tài sản khác
Ngân Hàng TMCP Đông Nam Á - Chi Nhánh An Giang	REF2528960896/HĐCHMTD ngày 24/10/2025		75.000.000.000	1.705.082	44.974.947.914	6	Theo từng khế ước nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động phục vụ SXKD	Tiền gửi
					30.000.000.000				
Bank Sinopac CN HCM	231023-SDBS2 ngày 12/05/2025	2.000.000			47.983.000.000	6	Theo từng khế ước nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động phục vụ SXKD	Tiền gửi
First Comercial Bank - CN HCM	MLBTDS-H10230079 ngày 06/10/2023		200.000.000.000		50.000.000.000	60	Theo từng khế ước nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động phục vụ SXKD	Tài Sản khác
	TRLBTDUS-H30250100 ngày 18/07/2025	6.000.000			147.594.336.000	12	Theo từng khế ước nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động phục vụ SXKD	Tiền gửi

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2025 kết thúc ngày 31/12/2025

16. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Vay ngắn hạn, vay dài hạn:

Thông tin trình bày bổ sung các hợp đồng, khế ước các khoản vay tại ngày 31/12/2025.

Đơn vị tính: VND

Bên cho vay	Hợp đồng/Khế ước	Hạn mức/Số tiền vay (VND)		Dư nợ vay		Thời hạn vay (Tháng)	Lãi suất(%)	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo
		USD	VND	USD	VND				
Ngân Hàng Woori Bank CN Hà Nam	VN123007736-007/WBVN303 - I.D.I ngày 17/09/2025		150.000.000.000		149.992.542.000	6	Theo từng khế ước nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động phục vụ SXKD	Tiền gửi
Ngân hàng United Overseas Bank (VN)	UOB/HCMC/CMB/2673/003 ngày 20/09/2024	4.000.000			97.450.050.000	6	Theo từng khế ước nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động phục vụ SXKD	Tiền gửi
Ngân Hàng Thương Mại TNHH E.Sun - Chi nhánh Đồng Nai	10001115LD001202570 ngày 23/06/2025	5.000.000			130.640.100.000	8	Theo từng khế ước nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động phục vụ SXKD	Tiền gửi
Ngân Hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi Nhánh An Giang	77/2025/HĐTD/PVB-AGG ngày 25/08/2025		70.000.000.000		63.918.772.078	8	Theo từng khế ước nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động phục vụ SXKD	QSDĐ Công ty khác
Ngân hàng TMCP Á Châu	SDE.DN.6857.090525		73.400.000.000		58.433.136.515	6	Theo từng khế ước nhận nợ	Bổ sung vốn phục vụ hoạt động kinh doanh	Tiền gửi + Bất động sản
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	CLC-32004-01		250.000.000.000		10.000.000.000	6	Theo từng khế ước nhận nợ	Bổ sung vốn phục vụ hoạt động kinh doanh	Tiền gửi + Cổ phiếu
Ngân hàng BPCE IOM	FCA000601-2025	3.000.000			60.774.401.459	5-7	Theo từng khế ước nhận nợ	Bổ sung vốn phục vụ hoạt động kinh doanh	Ký quỹ tiền
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	268/2024-HĐCVHM/NHCT720-TRISEDCO		55.000.000.000		33.414.572.000	6	Theo từng khế ước nhận nợ	Bổ sung vốn phục vụ hoạt động kinh doanh	Trái phiếu và bất động sản
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	29/2025/HDTD/AGG		70.000.000.000		15.954.425.000	6	Theo từng khế ước nhận nợ	Bổ sung vốn phục vụ hoạt động kinh doanh	Bất động sản

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2025 kết thúc ngày 31/12/2025

16. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Vay ngắn hạn, vay dài hạn:

Thông tin trình bày bổ sung các hợp đồng, khế ước các khoản vay tại ngày 31/12/2025.

Đơn vị tính: VND

Bên cho vay	Hợp đồng/Khế ước	Hạn mức/Số tiền vay (VND)		Dư nợ vay		Thời hạn vay (Tháng)	Lãi suất(%)	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo
		USD	VND	USD	VND				
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	85/2024/VCB.ĐT-CRC		30.000.000.000		30.000.000.000	6	Theo từng khế ước nhận nợ	Bổ sung vốn phục vụ hoạt động kinh doanh	Hàng hoá + Tiền gửi
Ngân hàng TNHH INDOVINA - CN Đồng Nai	IVB-DN/CL/1224/159	2.000.000			50.786.689.765	3-6	Theo từng khế ước nhận nợ	Bổ sung vốn phục vụ hoạt động kinh doanh	Tiền gửi + Cổ phiếu
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam	01/2024/4956478/HĐTD		400.000.000.000		81.495.907.800	6	Theo từng khế ước nhận nợ	Bổ sung vốn phục vụ hoạt động kinh doanh	Tiền gửi + Bất động sản
Ngân hàng WOORI	VN123002861-007/WBVN/303		85.000.000.000		84.623.406.620	11	Theo từng khế ước nhận nợ	Bổ sung vốn phục vụ hoạt động kinh doanh	Tiền gửi + Bất động sản
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi Nhánh An Giang	REF2436213041/HĐHMTDLT		100.000.000.000		12.500.000.000	6	Theo từng khế ước nhận nợ	Bổ sung vốn phục vụ hoạt động kinh doanh	Tiền gửi
Ngân hàng TMCP Phát Triển TP HCM - CN Vũng Tàu	37243/22MN/HĐTD		90.000.000.000		3.706.748.640	6	Theo từng khế ước nhận nợ	Bổ sung vốn phục vụ hoạt động kinh doanh	Tiền gửi + Cổ phiếu
Công ty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Chailease	Z2411289C0		10.000.000.000		1.666.666.670	12	Theo từng khế ước nhận nợ	Phục vụ hoạt động kinh doanh	Máy móc thiết bị
First Comercial Bank - CN HCM	MLBTDS-H10230079 ngày 06/10/2023		200.000.000.000		80.000.000.000	60	Theo từng khế ước nhận nợ	Phục vụ sản xuất kinh doanh	Tài Sản khác
Đối tượng khác	Từng hợp đồng cụ thể				42.230.000.000	24	Theo hợp đồng	Phục vụ sản xuất kinh doanh	Vay của cá nhân

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2025 kết thúc ngày 31/12/2025

16. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Vay ngắn hạn, vay dài hạn:

Thông tin trình bày bổ sung các hợp đồng, khế ước các khoản vay tại ngày 31/12/2025.

Đơn vị tính: VND

Bên cho vay	Hợp đồng/Khế ước	Hạn mức/Số tiền vay (VND)		Dư nợ vay		Thời hạn vay (Tháng)	Lãi suất(%)	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo
		USD	VND	USD	VND				
Ngân Hàng TMCP Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam - CN Đồng Bằng Sông Cửu Long	001/2025/548997/HĐTD		250.000.000.000		184.360.589.808	8	Theo từng khế ước nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động phục vụ SXKD	BĐS và tín chấp
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN An Giang	208/2025/HDTD/AGG		400.000.000.000		207.539.279.555	6	Theo từng khế ước nhận nợ	BS vốn KD TATS và NL thức ăn	BĐS + tín chấp+ cổ phiếu
ACB	ANG.DN.2250.010725		38.500.000.000		33.988.877.960	6	Theo từng khế ước nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động phục vụ SXKD	BĐS + HDTG
MSB	112-00055270.26214/2025/HDTDHM		200.000.000.000		4.921.275.000	6	Theo từng khế ước nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động phục vụ SXKD	HDTG
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN An Giang	BCLC-2880-01		665.000.000.000		320.472.673.853	84	Theo từng khế ước nhận nợ	TT chi phí tiền SD đất + chi phí ĐT XD HT tại KDT Minh Sơn, TT Triệu Sơn, Thanh Hóa	BĐS
First Commercial Bank CN TP Hồ Chí Minh (USD)	FIRST-12.11.24	80.000.000			1.645.924.800.000	60	Theo từng khế ước nhận nợ	Vay bổ sung vốn lưu động	Bảo lãnh L/C

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2025 kết thúc ngày 31/12/2025

16. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Vay ngắn hạn, vay dài hạn:

Thông tin trình bày bổ sung các hợp đồng, khế ước các khoản vay tại ngày 31/12/2025.

Đơn vị tính: VND

Bên cho vay	Hợp đồng/Khế ước	Hạn mức/Số tiền vay (VND)		Dư nợ vay		Thời hạn vay (Tháng)	Lãi suất(%)	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo
		USD	VND	USD	VND				
Ngân hàngTMCP Thịnh Vượng và Phát Triển -CN Hà Nội	686.0604.2023/DN		200.000.000.000		188.220.000.000	108	Theo từng khế ước nhận nợ	TT/ Bù đắp chi phí đầu tư dự án " Reort Sao Mai Thanh Hóa" tại xã Thọ Lâm, huyện Thọ Xuân, Thanh Hóa	BĐS
Ngân hàngTMCP Thịnh Vượng và Phát Triển -CN An Giang	540.0436A/HDTD		395.000.000.000		362.150.000.000	84	Theo từng khế ước nhận nợ	Vay bù đắp DA "Khu đô thị mới Sao Mai Lam Sơn - Sao Vàng"	BĐS + BĐS hình thành từ dự án+HĐTG
Ngân hàngTMCP Thịnh Vượng và Phát Triển -CN An Giang	540.0436B.2024/HĐTD-DN/PGBANK		150.000.000.000		137.517.450.000	84	Theo từng khế ước nhận nợ	Vay bổ sung hoàn thiện DA "KDT mới Sao Mai Lam Sơn - Sao Vàng"	BĐS + BĐS hình thành từ dự án+HĐTG
Ngân hàng TMCP công thương Đồng Tháp	161/2023 - HĐCVDADT/NHCT720 -TẬP ĐOÀN SAO MAI		1.027.000.000.000		627.000.000.000	70	Theo từng khế ước nhận nợ	Dự án điện mặt trời giai đoạn 1,2	TSCĐ hình thành từ dự án
	162/2023 -01161/2023 - HĐCVDADT/NHCT720 -TẬP ĐOÀN SAO MAI		1.139.000.000.000		967.000.000.000	109	Theo từng khế ước nhận nợ	Dự án điện mặt trời giai đoạn 3,4	TSCĐ hình thành từ dự án

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2025 kết thúc ngày 31/12/2025

16. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Vay ngắn hạn, vay dài hạn:

Thông tin trình bày bổ sung các hợp đồng, khế ước các khoản vay tại ngày 31/12/2025.

Đơn vị tính: VND

Bên cho vay	Hợp đồng/Khế ước	Hạn mức/Số tiền vay (VND)		Dư nợ vay		Thời hạn vay (Tháng)	Lãi suất(%)	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo
		USD	VND	USD	VND				
Đối tượng khác	Từng hợp đồng cụ thể				1.417.906.473.561	22	Theo từng hợp đồng cụ thể, trả gốc cuối kỳ	Phục vụ sản xuất kinh doanh	Tín chấp
Đối tượng khác	Từng hợp đồng cụ thể				791.487.266.765	12	Theo từng hợp đồng cụ thể, trả gốc cuối kỳ	Phục vụ sản xuất kinh doanh	Tín chấp
- Ngân Hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN An Giang	AGG/22097		150.000.000.000		127.272.574.615	6	theo từng lần nhận nợ	Sản xuất kinh doanh	*QSDĐ, cổ phiếu*
- Ngân hàng Indovinabank - CN Đồng Nai	IVB - DN/CL/0423/018		100.000.000.000		38.918.952.171	5	theo từng lần nhận nợ	Sản xuất kinh doanh	Cổ phiếu
- Ngân Hàng BPCE IOM - CN TP. Hồ Chí Minh	FCA-000736-2024	2.000.000			40.329.446.100	5	theo từng lần nhận nợ	Sản xuất kinh doanh	Hợp đồng tiền gửi
- Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank	UOB/HCMC/CMB/7457/002	1.000.000			24.838.844.364	4	theo từng lần nhận nợ	Sản xuất kinh doanh	Hợp đồng tiền gửi
- Ngân hàng Vietinbank - CN Đồng Tháp	299/2022-HĐCVHM/NHCT720-SMSF		65.000.000.000		66.626.060.559	5	theo từng lần nhận nợ	Sản xuất kinh doanh	QSDĐ
Ngân hàng MSB - CN An Giang	112-00018878.01713/2024/HĐTD		100.000.000.000		40.618.180.891	6	theo từng lần nhận nợ	Sản xuất kinh doanh	QSDĐ, Cổ phiếu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2025 kết thúc ngày 31/12/2025

16. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Vay ngắn hạn, vay dài hạn:

Thông tin trình bày bổ sung các hợp đồng, khế ước các khoản vay tại ngày 31/12/2025.

Đơn vị tính: VND

Bên cho vay	Hợp đồng/Khế ước	Hạn mức/Số tiền vay (VND)		Dư nợ vay		Thời hạn vay (Tháng)	Lãi suất(%)	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo
		USD	VND	USD	VND				
Ngân hàng TPbank - CN An Giang	11/2024/HDTD/AGG		200.000.000.000		5.400.000.000	6	theo từng lần nhận nợ	Sản xuất kinh doanh	QSDĐ
Ngân Hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - CN Hà Nam	VN124008915/2024/WBVN303-SPF		50.000.000.000		49.673.684.438	11	theo từng lần nhận nợ	Sản xuất kinh doanh	Tiền gửi
Ngân hàng First Commercial Bank - CN TP. Hồ Chí Minh	MLBUS-H10220193		280.000.000.000		84.000.000.000	60	theo từng lần nhận nợ	Sản xuất kinh doanh	QSDĐ
	MLBUS-H10220194		80.000.000.000		72.000.000.000	60	theo từng lần nhận nợ	Sản xuất kinh doanh	QSDĐ
	STLLBS-H30240272		50.000.000.000		39.129.953.121	12	theo từng lần nhận nợ	Sản xuất kinh doanh	QSDĐ
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - CN An Giang	FEF2436280034/HĐHMTDLT		100.000.000.000		950.000.000	12	theo từng lần nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động, cấp bảo lãnh, phát hành LC	Tiền gửi
Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển - CN An Giang	AGG/22097		150.000.000.000		34.890.000.446	6	theo từng lần nhận nợ	Sản xuất kinh doanh	QSDĐ
Ngân hàng TMCP Á Châu	Số ANG.DN.2855.080925		25.000.000.000		25.000.000.000	1 năm	Theo từng lần nhận nợ	Bổ sung vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại thửa đất số 25, tờ bản đồ số 12 & thửa đất số 20. Địa chỉ: P. Mỹ Long, Tp Long Xuyên, An Giang

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2025 kết thúc ngày 31/12/2025

16. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Vay ngắn hạn, vay dài hạn:

Thông tin trình bày bổ sung các hợp đồng, khế ước các khoản vay tại ngày 31/12/2025.

Đơn vị tính: VND

Bên cho vay	Hợp đồng/Khế ước	Hạn mức/Số tiền vay (VND)		Dư nợ vay		Thời hạn vay (Tháng)	Lãi suất(%)	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo
		USD	VND	USD	VND				
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN CN An Giang	28/2025/BB/VCB.AGI		6.000.000.000		4.576.893.285	12	Theo từng lần nhận nợ		Quyền sử dụng đất
Ngân hàng TMCP Thịnh Vượng và Phát Triển - CN An Giang	Số 540.0285/2019/HĐTD-PN/PG BankAG		7.500.000.000		5.313.564.978	5 năm	Theo từng lần nhận nợ	Đầu tư mở rộng KDL Tức Dụp	Giấy CN QSDĐ quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành: BK 065344, số vào sổ cấp giấy chứng nhận:CT05826 do Sở Tài Nguyên Và Môi Trường An Giang cấp ngày 21/01/2013.
Ngân hàng TMCP Á Châu	Số ANG.DN.330.270220		28.000.000.000		12.400.000.000	10 năm	Theo từng lần nhận nợ	Mua tài sản	Tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại thửa đất số 25, tờ bản đồ số 12 & thửa đất số 20. Địa chỉ: P. Mỹ Long, Tp Long Xuyên, An Giang
- Ngân hàng TMCP Thịnh Vượng và Phát Triển	Số 540.0157/2025		6.000.000.000		3.750.000.000	6 tháng	8,2%	Bổ sung vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Giấy CN QSDĐ quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành: BK 065344, số vào sổ cấp giấy chứng nhận:CT05826 do Sở Tài Nguyên Và Môi Trường An Giang cấp ngày 21/01/2013.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2025 kết thúc ngày 31/12/2025

16. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Vay ngắn hạn, vay dài hạn:

Thông tin trình bày bổ sung các hợp đồng, khế ước các khoản vay tại ngày 31/12/2025.

Đơn vị tính: VND

Bên cho vay	Hợp đồng/Khế ước	Hạn mức/Số tiền vay (VND)		Dư nợ vay		Thời hạn vay (Tháng)	Lãi suất(%)	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo
		USD	VND	USD	VND				
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	Số AGG/22006		120.000.000.000		59.940.000.000	7 năm	Theo từng lần nhận nợ	Mua tài sản	TS gắn liền với đất: Thửa đất số 33, tờ bản đồ số 12; Thửa đất số 34, tờ bản đồ số 12; Thửa đất số 79, tờ bản đồ số 12; Thửa đất số 81, tờ bản đồ số 12 tọa lạc tại Phường Mỹ Thới, TPLX, AG
Đối tượng khác	Từng hợp đồng cụ thể				47.893.000.000	24	Theo từng hợp đồng cụ thể	Phục vụ sản xuất kinh doanh	Vay của cá nhân
Ngân hàng Ngoại thương	Số 198/2017/NHNT-ĐT ngày 14/03/2017		10.000.000.000		2.531.748.463	6	7%/năm	Bổ sung vốn lưu động thanh toán các chi phí sản xuất kinh doanh	Giấy chứng nhận sở hữu Công trình xây dựng số 878662986900113 do UBND tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 26/8/2009
Ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM - PGD Rạch Dừa	030/2024PGDRD/HĐTD		50.000.000		50.000.000	Theo từng khế ước nhận nợ	7,2%	Bổ sung vốn lưu động	Hợp đồng tiền gửi
Ngân hàngChina Construction Bank Corporation _ CN TP HCM	SYND-CCB-FACONT/2023-001		397.600.000.000		328.600.000.000	96	8,5%	DA NMĐNLMT LA	Thế chấp bằng tài sản hình thành từ dự án

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2025 kết thúc ngày 31/12/2025

16. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Vay ngắn hạn, vay dài hạn:

Thông tin trình bày bổ sung các hợp đồng, khế ước các khoản vay tại ngày 31/12/2025.

Đơn vị tính: VND

Bên cho vay	Hợp đồng/Khế ước	Hạn mức/Số tiền vay (VND)		Dư nợ vay		Thời hạn vay (Tháng)	Lãi suất(%)	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo
		USD	VND	USD	VND				
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bắc An Giang	*01/2025/24004696/HĐ TD ngày 10/01/2025*		8.400.000.000		7.300.000.000	84	8,5% trong năm đầu tiên, sau đó điều chỉnh 06 tháng/lần	Bổ sung nguồn vốn HĐKD	Hệ thống năng lượng mặt trời mái nhà tại Khu du lịch Lâm Viên Núi Cấm, xã An Hảo, thị xã Tịnh Biên, tỉnh An Giang
Tổng cộng:					**12.543.535.942.997**				

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2025 kết thúc ngày 31/12/2025

16. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

d) Giá trị nợ thuê tài chính:

Thông tin trình bày bổ sung các hợp đồng, khế ước các khoản thuê tài chính tại ngày 31/12/2025.

Đơn vị tính: VND

Bên cho vay	Hợp đồng/Khế ước	Hạn mức/Số tiền vay (VND)		Dư nợ vay		Thời hạn vay (Tháng)	Lãi suất(%)	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo
		USD	VND	USD	VND				
Công ty cho thuê TC TNHH MTV NH TMCP Công Thương Việt Nam _CN TP	91/2021/CN.Mn-CTTC ngày 27/12/2021		31.051.892.611		5.218.399.984	60	Theo từng khế ước nhận nợ	Phục vụ sản xuất kinh doanh	Ký cược
Công ty CTTC CHAILEASE LEASING	C2201170C2		8.634.655.933		345.386.221	50	7,48%	Bổ sung vốn phục vụ hoạt động kinh doanh	Ký cược
Công Ty Cho Thuê Tài Chính TNHH MTV Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam – CN TPHCM (VIETTIN LEASING)	02/2022/CN.MN-CTTC		123.320.096.000		20.039.500.000	60	Thay đổi theo từng lần phát sinh	Phục vụ sản xuất kinh doanh	Máy móc thiết bị
Công Ty Cho Thuê Tài Chính TNHH MTV Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam – CN TPHCM (VIETTIN LEASING)	153/2022/CN.MN-CTTC		58.333.460.000		17.499.999.988	60	Thay đổi theo từng lần phát sinh	Phục vụ sản xuất kinh doanh	Máy móc thiết bị
Công Ty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Việt Nam (VILC)	2022-00003-000		58.800.000.012		918.747.353	48	Thay đổi theo từng lần phát sinh	Phục vụ sản xuất kinh doanh	Máy móc thiết bị

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2025 kết thúc ngày 31/12/2025

16. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

d) Giá trị nợ thuê tài chính:

Thông tin trình bày bổ sung các hợp đồng, khế ước các khoản thuê tài chính tại ngày 31/12/2025.

Đơn vị tính: VND

Bên cho vay	Hợp đồng/Khế ước	Hạn mức/Số tiền vay (VND)		Dư nợ vay		Thời hạn vay (Tháng)	Lãi suất(%)	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo
		USD	VND	USD	VND				
Công Ty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Việt Nam (VILC)	2022-00004-000		36.239.999.988		566.247.363	48	Thay đổi theo từng lần phát sinh	Phục vụ sản xuất kinh doanh	Máy móc thiết bị
Công Ty Cho Thuê Tài Chính TNHH MTV Quốc Tế Chailease	C2206240C2		17.905.799.976		778.049.631	42	Thay đổi theo từng lần phát sinh	Phục vụ sản xuất kinh doanh	Máy móc thiết bị
Công Ty Cho Thuê Tài Chính Tnhh Bidv - Sumi Trust - Chi Nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh	91/2021/CN.Mn-CTTC ngày 27/12/2021		930.000.000		441.750.000	60		Mua máy Kobe	Ký cược
Thuê mua tài chính			**335.215.904.520**		**45.808.080.540**				

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2025 kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

17 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		*Số đầu năm*	
	Giá trị	*Số có khả năng trả nợ*	*Giá trị*	*Số có khả năng trả nợ*
a) Ngắn hạn	**749.389.739.404**	**749.389.739.404**	**464.666.728.448**	**464.666.728.448**
Bên khác				
+ Công ty Cổ phần Khai Anh Bình Thuận	88.722.041.620	88.722.041.620		
+ Công ty TNHH Trường Thắng	1.721.504.600	1.721.504.600	1.721.504.600	1.721.504.600
+ Công ty Sterling And Wilson Private Limited	24.876.982.503	24.876.982.503	24.876.982.503	24.876.982.503
+ Công ty Cổ phần Nông Sản Tràng An	6.335.119.350	6.335.119.350		
+ Công ty TNHH MTV Thái Thị Thu Hạnh	1.432.670.715	1.432.670.715	2.753.488.700	2.753.488.700
+ Công ty TNHH MTV Tiếp Vận và Thương Mại Ocean Ship	9.096.149.958	9.096.149.958	28.022.356.922	28.022.356.922
+ Công ty Cổ phần Xuất Khẩu Thủy Hải Sản Sạch			11.008.030.089	11.008.030.089
+ Công ty TNHH MTV KD&DT Toàn Cầu	90.910.342.129	90.910.342.129		
+ Châu Vĩnh Viễn (Quyền sử dụng đất Cà Mau)	50.000.200	50.000.200	50.000.200	50.000.200
+ Nguyễn Tấn Đãm (Quyền sử dụng đất Cà Mau)	75.198.170.000	75.198.170.000	75.198.170.000	75.198.170.000
+ Công ty Sinohydro	1.515.143.508	1.515.143.508	1.515.143.508	1.515.143.508
+ Đối tượng khác	449.531.614.821	449.531.614.821	319.521.051.926	319.521.051.926
Bên liên quan				
b) Dài hạn				
Cộng	**749.389.739.404**	**749.389.739.404**	**464.666.728.448**	**464.666.728.448**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2025 kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

18 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
a) Ngắn hạn	**195.343.172.665**	**229.941.996.542**
Bên khác	**195.343.172.665**	**229.941.996.542**
+ Công ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng Sao Mai Bến Tre	5.900.000.000	5.900.000.000
+ Công ty Cổ phần Net Zero Carbon	400.346.678	2.187.770.906
+ Công ty Cổ phần Xuất Khẩu Thủy Hải Sản Sạch		14.110.929.380
+ Công ty TNHH CNSL INDUSTRIAL		19.500.000.000
+ Lê Văn Linh		449.212.000
+ Lê Như Thành		20.000.000.000
+ Lê Đức Tùng		20.000.000.000
+ Công ty TNHH MTV Kiểm định và Đầu tư Toàn Cầu	56.664.859.440	26.226.961.132
+ Khách hàng khác	132.377.966.547	121.567.123.124
Bên liên quan		
b) Dài hạn		
	195.343.172.665	**229.941.996.542**

19 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP, PHẢI THU NHÀ NƯỚC

a) Phải nộp

	Số cuối năm	*Số phải nộp trong kỳ*	*Số đã thực nộp trong kỳ*	*Số đầu năm*
Thuế giá trị gia tăng	17.608.369.839	48.613.156.917	43.376.547.308	12.371.760.230
Thuế GTGT hàng nhập khẩu		3.972.478.119	3.972.478.119	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	67.896.128.078	67.149.964.769	60.288.909.617	61.035.072.926
Thuế thu nhập cá nhân	1.330.235.719	11.080.222.882	13.758.332.241	4.008.345.078
Thuế nhà đất và tiền thuê đất		16.478.818.577	86.624.996.577	70.146.178.000
Các khoản phí, lệ phí, thuế khác	13.481.035	6.058.211.788	6.219.498.753	174.768.000
Cộng	**86.848.214.671**	**153.352.853.052**	**214.240.762.615**	**147.736.124.234**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2025 kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

19 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP, PHẢI THU NHÀ NƯỚC (tiếp theo)

b) Phải thu

	Số cuối năm	*Số phải thu trong kỳ*	*Số đã thực thu trong kỳ*	*Số đầu năm*
Thuế thu nhập doanh nghiệp	261.950.421	261.950.421		
Thuế thu nhập cá nhân	2.927.376.528	333.338.649	924.276.265	3.518.314.144
Cộng	**3.189.326.949**	**595.289.070**	**924.276.265**	**3.518.314.144**

Ghi chú:

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2025 kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

20 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
a) Ngắn hạn	**54.913.753.000**	**64.583.859.792**
Chi phi trích trước tạm tính giá vốn hàng hóa	5.922.478.318	28.255.244.130
Các khoản khác	48.991.274.682	36.328.615.662
b) Dài hạn		
Cộng	**54.913.753.000**	**64.583.859.792**

21 . PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
a) Ngắn hạn	**504.503.964.675**	**83.772.214.762**
Tài sản thừa chờ giải quyết	412.123.057	
Kinh phí công đoàn	3.091.563.476	1.896.380.920
Bảo hiểm xã hội	75.434.000	149.691.151
Bảo hiểm y tế	360.822.586	232.358.491
Bảo hiểm thất nghiệp	65.197.504	17.204.855
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	6.889.621.960	6.167.221.960
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	26.123.097.094	26.016.877.987
Các khoản phải trả, phải nộp khác	467.486.104.998	49.292.479.398
Bên khác	**467.486.104.998**	**49.292.479.398**
+ Võ Đức Thảo	*3.031.701.738*	*3.022.942.659*
+ Cty CP Xuất Khẩu Thuỷ Hải Sản Sạch	*418.700.000.000*	
+ Các khoản phải trả, phải nộp khác	*45.754.403.260*	*46.269.536.739*
Bên liên quan		
b) Dài hạn	**3.864.000.000**	**3.294.000.000**
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	3.864.000.000	3.294.000.000
Cộng	**508.367.964.675**	**87.066.214.762**

22 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
a) Ngắn hạn	**313.809.832**	**550.309.052**
Doanh thu nhận trước	264.000.000	264.000.000
Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác	49.809.832	286.309.052
b) Dài hạn	**15.397.456.364**	**15.580.430.129**
Doanh thu nhận trước	149.090.909	284.694.842
Doanh thu từ chương trình khách hàng truyền thống	15.248.365.455	15.248.365.455
Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác		47.369.832
Cộng	**15.711.266.196**	**16.130.739.181**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2025 kết thúc ngày 31/12/2025

23 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: VND

23 . 1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Nguồn kinh phí và quỹ khác	Cộng
Năm 2024								
Tại ngày 01/01/2024	**3.365.267.520.000**	**45.104.200.000**	**341.715.380.976**	**160.002.196.674**	**1.312.074.954.584**	**2.591.854.535.401**	**10.263.385.100**	**7.826.282.172.735**
Lãi trong kỳ trước					180.853.915.747	70.132.722.302		250.986.638.049
Tăng khác					13.149.678.885			13.149.678.885
Trích quỹ từ lợi nhuận				13.141.198.568	(16.540.858.993)	(1.032.723.276)		(4.432.383.701)
Thoái vốn ở Công ty con					3.525.783.625	(2.047.448.165)		1.478.335.460
Chia cổ tức	336.514.980.000		258.773.274.504		(595.288.254.504)			
Chia cổ tức cho cổ đông không kiểm soát của Công ty con						(8.059.613.142)		(8.059.613.142)
Góp vốn thành lập công ty con						8.330.000.000		8.330.000.000
Giảm khác								
Tại ngày 31/12/2024	**3.701.782.500.000**	**45.104.200.000**	**600.488.655.480**	**173.143.395.242**	**897.775.219.344**	**2.659.177.473.120**	**10.263.385.100**	**8.087.734.828.286**
Năm 2025								
Tại ngày 01/01/2025	**3.701.782.500.000**	**45.104.200.000**	**600.488.655.480**	**173.143.395.242**	**897.775.219.344**	**2.659.177.473.120**	**10.263.385.100**	**8.087.734.828.286**
Lãi trong kỳ này					37.712.105.942	99.064.685.642		136.776.791.584
Tăng khác					2.039.822.908		2.847.052.152	4.886.875.060
Trích quỹ từ lợi nhuận				750.925.067	(750.925.067)			
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	370.159.330.000				(370.159.330.000)			
Chia cổ tức cho cổ đông không kiểm soát của Công ty con						(18.360.531.000)		(18.360.531.000)
Cổ đông không kiểm soát góp vốn thành lập Công ty con						2.500.000.000		2.500.000.000
Giảm khác					(95.600.608)			(95.600.608)
Tại ngày 31/12/2025	**4.071.941.830.000**	**45.104.200.000**	**600.488.655.480**	**173.894.320.309**	**566.521.292.519**	**2.742.381.627.762**	**13.110.437.252**	**8.213.442.363.322**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2025 kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

23 . 2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	%	*Số đầu năm*	%
Vốn góp của công ty mẹ				
Vốn góp của các đối tượng khác	4.071.941.830.000	100,00%	3.701.782.500.000	100,00%
Cộng	**4.071.941.830.000**	**100,00%**	**3.701.782.500.000**	**100,00%**

23 . 3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này	*Kỳ trước*
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:		
- Vốn góp đầu năm	3.701.782.500.000	3.365.267.520.000
- Vốn góp tăng trong kỳ do chia cổ tức bằng cổ phiếu	370.159.330.000	336.514.980.000
- Vốn góp giảm trong kỳ		
- Vốn góp cuối kỳ	4.071.941.830.000	3.701.782.500.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	370.159.330.000	336.514.980.000

23 . 4. Cổ phiếu

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	407.194.183	370.178.250
- Cổ phiếu phổ thông	*407.194.183*	*370.178.250*
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	407.194.183	370.178.250
- Cổ phiếu phổ thông	*407.194.183*	*370.178.250*
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

23 . 5. Các quỹ của Công ty

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Quỹ đầu tư phát triển	158.526.837.842	158.221.233.457
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	6.433.150.924	6.210.490.583
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	8.934.331.543	8.711.671.202

24 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
- Dollar Mỹ (USD)	2.631.191,47	2.724.644,67
- Euro (EUR)	2.881,56	4.682,07
- Đô la Hồng Kông (HKD)	14.860,00	14.860,00
- Nhân dân tệ (CNY)	33.747,60	22.947,60
- Baht Thái Lan (THB)	16.848,91	5.150,00
- Singapore (SGD)	6.694,00	6.694,00
- Yên Nhật (JPY)	5,00	5,00

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2025 kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

VI . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

01 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2025	*Năm 2024*
Doanh thu cá xuất khẩu	3.258.113.782.713	2.826.044.970.682
Doanh thu bất động sản	86.480.247.363	68.639.372.407
Doanh thu cung cấp dịch vụ	240.277.832.627	211.240.966.653
Doanh thu thương mại	4.355.099.988.490	4.127.573.747.075
Doanh thu thức ăn cá	2.634.047.600.000	4.002.080.514.600
Doanh thu điện năng lượng mặt trời	765.459.904.759	786.031.125.551
Doanh thu khác	833.951.800	210.336.112
Cộng	**11.340.313.307.752**	**12.021.821.033.080**

02 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2025	*Năm 2024*
Chiết khấu thương mại	8.537.024.961	2.979.419.787
Giảm giá hàng bán	1.047.715.929	582.031.544
Hàng bán bị trả lại	13.260.001.208	5.141.691.749
Cộng	**22.844.742.098**	**8.703.143.080**

03 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2025	*Năm 2024*
Giá vốn cá xuất khẩu	2.909.104.789.748	2.558.909.600.221
Giá vốn của bất động sản	38.120.716.995	27.490.770.095
Giá vốn cung cấp dịch vụ	181.139.890.412	156.914.061.960
Giá vốn thương mại	4.239.378.773.317	4.029.341.364.446
Giá vốn thức ăn cá	2.331.396.379.881	3.641.966.859.065
Giá vốn điện năng lượng mặt trời	247.975.688.429	221.186.970.692
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(307.120.895)
Giá vốn khác	833.951.800	210.336.095
Cộng	**9.947.950.190.582**	**10.635.712.841.679**

04 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2025	*Năm 2024*
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	144.088.979.069	98.990.856.822
Cổ tức, lợi nhuận được chia	12.537.260.000	5.575.190.947
Lãi chênh lệch tỷ giá	51.574.996.322	38.323.283.899
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	29.661.754.945	47.626.348.610
Doanh thu hoạt động tài chính khác	759.952.285	7.626.528.118
Cộng	**238.622.942.621**	**198.142.208.396**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2025 kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

05 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2025	*Năm 2024*
Lãi tiền vay	694.110.889.582	661.139.329.878
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm		83.465.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá	113.188.265.438	57.458.599.683
Hoàn nhập dự phòng	(168.958.660)	(561.988.450)
Chi phí tài chính khác	2.014.907.568	3.843.526.354
Cộng	**809.145.103.928**	**721.962.932.465**

06 . CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

06 . 1. Chi phí bán hàng

	Năm 2025	*Năm 2024*
Chi phí công cụ, dụng cụ	157.842.945	185.363.616
Chi phí nhân viên	18.545.641.664	12.453.866.173
Chi phí khấu hao	575.408.680	845.771.345
Chi phí dịch vụ mua ngoài	55.376.773.404	28.477.999.572
Chi phí vận chuyển hàng hoá	90.861.973.339	112.480.429.906
Các khoản chi phí bán hàng khác	43.120.029.914	64.316.595.029
Cộng	**208.637.669.946**	**218.760.025.641**

06 . 2. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2025	*Năm 2024*
Chi phí nhân viên	125.224.829.308	93.591.685.135
Chi phí công cụ, dụng cụ	2.183.857.851	5.966.892.360
Chi phí khấu hao	47.360.304.507	14.138.423.516
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	1.989.574.202	428.323.750
Hoàn nhập phải thu khó đòi		(862.475.000)
Thuế, phí, lệ phí	4.783.294.955	1.479.330.223
Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.480.556.236	47.216.148.981
Các khoản chi phí QLDN khác	87.266.206.503	100.756.010.195
Lợi thế thương mại	33.360.489.624	33.360.489.625
Cộng	**331.649.113.186**	**296.074.828.785**

07 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2025	*Năm 2024*
Thanh lý, nhượng bán, CCDC, TSCĐ	224.242.423	66.223.636
Thu nhập từ cho thuê tài sản	3.314.461.665	2.306.526.568
Tiền phạt thu được	358.780.500	286.427.000
Các khoản khác	7.170.234.866	14.222.035.864
Cộng	**11.067.719.454**	**16.881.213.068**

08 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2025	*Năm 2024*
Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	6.860.648.806	
Chi phí cho thuê tài sản	4.428.321.608	4.841.957.974
Các khoản bị phạt	44.396.613.290	25.089.477.784
Các khoản khác	9.702.094.548	8.605.250.121
Cộng	**65.387.678.252**	**38.536.685.879**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2025 kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

09 . CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

	Năm 2025	*Năm 2024*
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.869.464.518.833	4.270.784.059.263
Chi phí nhân công	551.990.769.471	468.956.201.287
Chi phí công cụ, đồ dùng văn phòng	25.995.587.933	43.784.516.267
Chi phí khấu hao tài sản cố định	416.975.863.245	367.994.862.558
Chi phí dịch vụ mua ngoài	706.563.459.315	682.612.909.006
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	1.479.330.223
Chi phí khác bằng tiền	168.411.907.992	187.925.404.181
Cộng	**7.739.405.106.789**	**6.023.537.282.785**

10 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2025	*Năm 2024*
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (1)	*204.389.471.835*	*317.093.997.015*
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp (2):	*7.177.109.139*	*43.267.942.007*
- *Các khoản điều chỉnh tăng*	*277.193.570.167*	*245.694.334.514*
- *Các khoản điều chỉnh giảm*	*(270.016.461.028)*	*(202.426.392.507)*
Thu nhập chịu thuế (3) = (1)+(2)	*517.396.061.462*	*607.235.808.058*
Thu nhập được miễn thuế (4)	*1.122.213.628*	*1.633.114.035*
Lỗ các năm trước được chuyển (5)		
Thu nhập tính thuế (6) = (3)-(4)-(5)	*516.273.847.834*	*605.602.694.023*
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	68.695.620.981	61.651.703.994
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	(1.545.656.212)	2.603.657.452
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**67.149.964.769**	**64.255.361.446**

11 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÃN LOẠI

	Năm 2025	*Năm 2024*
- Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	462.715.482	1.851.997.520
Tổng chi phí thuế TNDN hoãn lại	**462.715.482**	**1.851.997.520**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2025 kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

12 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2025	*Năm 2024*
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	37.712.105.942	180.853.915.747
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế		
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	375.755.993	349.618.568
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	**100**	**517**

13 . LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2025	*Năm 2024*
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	37.712.105.942	180.853.915.747
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế		
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến phát hành thêm		
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	375.755.993	349.618.568
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	**100**	**517**

VII . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

1 . Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai: Không có

2 . Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng: Không có

3 . Số tiền đi vay thực thu trong năm	*Năm 2025*	*Năm 2024*
- Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	11.466.234.178.622	14.738.828.520.085
- Tiền thu từ phát hành trái phiếu thường		964.106.934.323

4 . Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm:	*Năm 2025*	*Năm 2024*
- Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường:	11.566.515.138.686	12.757.217.763.461
- Tiền trả nợ gốc trái phiếu thường		

5 . Mua và thanh lý công ty con trong kỳ báo cáo:	*Năm 2025*	*Năm 2024*
- Tổng giá trị mua hoặc thanh lý công ty con trong năm	2.500.000.000	8.330.000.000
- Phần giá trị mua hoặc thanh lý công ty con được thanh toán bằng tiền và các khoản tương đương tiền		66.417.002.393

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2025 kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

VIII . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

01 . Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác:

Các cam kết liên quan đến hợp đồng thuê hoạt động mà Công ty là bên cho thuê

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, các khoản tiền cho thuê phải thu trong tương lai của hợp đồng cho thuê hoạt động được tạm tính theo giá cho thuê hiện tại trên hợp đồng được trình bày như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	72.133.009.703	72.650.760.230
Trên 1 năm đến 5 năm	202.371.984.800	241.162.010.546
Trên 5 năm	357.394.320.263	395.739.464.674
Tổng cộng	**631.899.314.765**	**709.552.235.450**

Các cam kết liên quan đến hợp đồng thuê hoạt động mà Công ty là bên đi thuê

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tạm tính theo giá thuê hiện tại trên hợp đồng được trình bày như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	11.690.336.000	11.658.300.000
Trên 1 năm đến 5 năm	37.274.686.000	40.430.022.000
Trên 5 năm	144.510.000.000	152.900.000.000
Tổng cộng	**193.475.022.000**	**204.988.322.000**

02 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Theo Nghị quyết số 03/2026/NQ-ASM ngày 07/03/2026, Công ty thông qua việc giải thể Công ty TNHH Sinh học Maiki Japan. Theo đó, kể từ ngày này, Công ty TNHH Sinh học Maiki Japan không còn là Công ty con của Công ty nữa.

Ngoài sự kiện nói trên, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định Công ty không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2025 cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

03 . Thông tin về các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan:

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan bao gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này

- Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan: Không có

- Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Họ tên	*Chức vụ*	*Năm 2025*	*Năm 2024*
Tổng Thù lao Hội đồng quản trị		**960.000.000**	**874.615.000**
Lê Văn Thành	Chủ tịch	360.000.000	360.000.000
Nguyễn Văn Hung	Phó chủ tịch	300.000.000	214.615.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2025 kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

Nguyễn Thị Hồng Loan	Thành viên	300.000.000	300.000.000

- Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt (tiếp theo)

Họ tên	*Chức vụ*	*Năm 2025*	*Năm 2024*
Tổng lương Ban Giám Đốc		**6.573.138.000**	**5.972.600.000**
Lê Tuấn Anh	Tổng Giám Đốc	1.305.994.000	1.115.080.000
Lê Văn Thành	Phó Tổng Giám Đốc	1.088.315.000	924.500.000
Lê Xuân Quế	Phó Tổng Giám Đốc	1.036.288.000	899.850.000
Trương Vĩnh Thành	Phó Tổng Giám Đốc	710.294.000	671.910.000
Lê Thị Phượng	Phó Tổng Giám Đốc	711.194.000	672.710.000
Lê Nguyễn Hoàng Anh Duy	Phó Tổng Giám Đốc	708.992.000	676.150.000
Trương Công Khánh	Giám Đốc Tài Chính	567.924.000	568.300.000
Ngô Thị Tố Ngân	Kế Toán Trưởng	444.137.000	444.100.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2025 kết thúc ngày 31/12/2025

04. Thông tin bộ phận

Đơn vị tính: VND

a. Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bổ chủ yếu ở khu vực trong nước và khu vực nước ngoài

- Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty

	Năm 2025				Năm 2024			
Chỉ tiêu	**An Giang**	**Đồng Tháp**	**Khu vực khác**	**Tổng cộng**	**An Giang**	**Đồng Tháp**	**Khu vực khác**	**Tổng cộng**
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	2.636.856.523.900	8.471.863.693.383	208.748.348.371	11.317.468.565.654	2.748.343.764.650	9.048.302.882.862	216.471.242.488	12.013.117.890.000
Tổng doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	**2.636.856.523.900**	**8.471.863.693.383**	**208.748.348.371**	**11.317.468.565.654**	**2.748.343.764.650**	**9.048.302.882.862**	**216.471.242.488**	**12.013.117.890.000**
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	477.423.689.948	757.010.831.121	135.083.854.003	1.369.518.375.072	514.139.852.661	717.115.234.603	146.149.961.057	1.377.405.048.321
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(540.286.783.132)				(514.834.854.426)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				**829.231.591.940**				**862.570.193.895**
Doanh thu hoạt động tài chính				238.622.942.621				198.142.208.396
Chi phí tài chính				(809.145.103.928)				(721.962.932.465)
Thu nhập khác				11.067.719.454				16.881.213.068
Chi phí khác				(65.387.678.252)				(38.536.685.879)
Chi phí thuế TNDN hiện hành				(67.149.964.769)				(64.255.361.446)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại				(462.715.482)				(1.851.997.520)
Lợi nhuận sau thuế TNDN				**136.776.791.584**				**250.986.638.049**
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác				**(428.012.703.632)**				**(254.360.620.505)**
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn				**(479.456.613.134)**				**(438.448.735.221)**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2025 kết thúc ngày 31/12/2025

04. Thông tin bộ phận (tiếp theo)

- Tài sản và nợ phải trả bộ phận theo khu vực địa lý

Chỉ tiêu	Số cuối năm				Số đầu năm			
	An Giang	Đồng Tháp	Khu vực khác	Tổng cộng	An Giang	Đồng Tháp	Khu vực khác	Tổng cộng
Tài sản bộ phận	11.003.529.473.583	11.146.313.355.294	470.927.343.775	22.620.770.172.652	10.460.377.406.172	10.978.674.417.429	474.567.748.294	21.913.619.571.895
Tài sản không phân bổ				855.757.484.873				942.436.057.272
Tổng tài sản	**11.003.529.473.583**	**11.146.313.355.294**	**470.927.343.775**	**23.476.527.657.525**	**10.460.377.406.172**	**10.978.674.417.429**	**474.567.748.294**	**22.856.055.629.167**
Nợ phải trả bộ phận	8.069.819.772.532	6.658.054.741.880	374.568.035.666	15.102.442.550.078	7.612.214.328.318	6.574.809.474.546	404.999.524.743	14.592.023.327.607
Nợp phải trả không phân bổ				6.571.867.787.596				7.114.090.503.721
Tổng nợ phải trả	**8.069.819.772.532**	**6.658.054.741.880**	**374.568.035.666**	**21.674.310.337.674**	**7.612.214.328.318**	**6.574.809.474.546**	**404.999.524.743**	**21.706.113.831.328**

b. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo lĩnh vực kinh doanh

Chỉ tiêu	Điện mặt trời	Bất động sản	Xây dựng	Thương mại	Doanh thu khác	Tổng
Năm 2025						
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	765.459.904.759	73.220.246.155		4.345.515.247.600	6.133.273.167.140	11.317.468.565.654
Tài sản bộ phận	4.906.199.922.810	5.675.036.893.353	224.065.897.763	1.750.137.154.080	10.921.087.789.519	23.476.527.657.525
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác						(428.012.703.632)

Chỉ tiêu	Điện mặt trời	Bất động sản	Xây dựng	Thương mại	Doanh thu khác	Tổng
Năm 2024						
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	786.031.125.551	63.497.680.658		4.124.012.295.744	7.039.576.788.047	12.013.117.890.000
Tài sản bộ phận	5.078.198.236.424	4.058.012.224.628	166.193.062.958	1.099.796.481.999	12.453.855.623.158	22.856.055.629.167
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác						(254.360.620.505)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2025 kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

05 . Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		*Số đầu năm*		*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
	Giá trị	*Dự phòng*	*Giá trị*	*Dự phòng*		
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	711.806.081.865		2.070.302.439.363		711.806.081.865	2.070.302.439.363
Phải thu khách hàng	2.419.637.121.960	(67.820.386.558)	2.183.060.421.709	(67.373.932.408)	2.351.816.735.402	2.115.686.489.301
Trả trước cho người bán	2.952.905.547.720		2.595.640.508.791		2.952.905.547.720	2.595.640.508.791
Các khoản phải thu khác	613.515.464.717	(2.071.120.052)	353.809.245.847	(528.000.000)	611.444.344.665	353.281.245.847
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2.445.861.773.901	(585.663.043)	2.065.635.059.009	(754.621.703)	2.445.276.110.858	2.064.880.437.306
Đầu tư tài chính dài hạn	32.000.000.000	(2.000.000.000)	35.310.000.000	(2.000.000.000)	30.000.000.000	33.310.000.000
Cộng	**9.175.725.990.163**	**(72.477.169.653)**	**9.303.757.674.719**	**(70.656.554.111)**	**9.103.248.820.510**	**9.233.101.120.608**
Nợ phải trả tài chính						
Phải trả cho người bán	749.389.739.404		464.666.728.448		749.389.739.404	464.666.728.448
Người mua trả tiền trước	195.343.172.665		229.941.996.542		195.343.172.665	229.941.996.542
Vay và nợ	13.558.685.363.246		13.675.896.526.191		13.558.685.363.246	13.675.896.526.191
Phải trả người lao động	42.464.300.320		31.078.402.784		42.464.300.320	31.078.402.784
Trái phiếu chuyển đổi						
Các khoản phải trả khác	508.367.964.675		87.066.214.762		508.367.964.675	87.066.214.762
Cộng	**15.054.250.540.310**		**14.488.649.868.727**		**15.054.250.540.310**	**14.488.649.868.727**

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2025 kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

05 . Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính (tiếp theo)

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán, người lao động, cổ phiếu chuyển đổi và các khoản phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.

- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết. Tuy nhiên Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

06 . Mục đích và chính sách quản lý rủi ro của Công ty

a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

- Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

- Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2025 kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

06 . Mục đích và chính sách quản lý rủi ro của Công ty (tiếp theo)

b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn.
Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Phải trả cho người bán	749.389.739.404			749.389.739.404
Người mua trả tiền trước	195.343.172.665			195.343.172.665
Vay và nợ	7.166.721.776.139	4.080.276.935.307	2.311.686.651.800	13.558.685.363.246
Trái phiếu chuyển đổi				
Chi phí phải trả	54.913.753.000			54.913.753.000
Các khoản phải trả phải nộp khác	504.503.964.675	3.864.000.000		508.367.964.675
Cộng	**8.670.872.405.883**	**4.084.140.935.307**	**2.311.686.651.800**	**15.066.699.992.990**

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

c. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, trái phiếu doanh nghiệp, các khoản đặt cọc và các khoản đầu tư tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2025 kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

c. Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

- Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty xuất khẩu sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau: Nguyên tệ USD

Chỉ tiêu	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Tiền và các khoản tương đương tiền	934.489	939.520
Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác	12.891.902	12.891.902
Phải trả cho người bán và các khoản phải trả khác	(184.374)	(184.374)
Vay và nợ thuê tài chính	(61.910.746)	(61.910.746)
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	**(48.268.730)**	**(48.263.699)**

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Công ty sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường trong tương lai. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và đi vay.

	Ảnh hưởng đến lợi nhuận thuần	
	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Tỷ giá hối đoái VND và USD tăng 2%	(25.546.644.304)	(24.746.704.009)
Tỷ giá hối đoái VND và USD giảm 2%	25.546.644.304	24.746.704.009

- Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

- Rủi ro về giá

+ Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư dẫn đến giá trị khoản dự phòng giảm giá đầu tư có thể tăng/giảm. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ban Giám đốc cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Công ty sẽ tiến hành việc phân tích và trình bày độ nhạy do tác động của biến động giá cổ phiếu đến kết quả kinh doanh của Công ty khi có các hướng dẫn chi tiết bởi các cơ quan quản lý.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2025 kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

c. Rủi ro thị trường (tiếp theo)

+ Rủi ro về giá bất động sản

Công ty đã xác định được rủi ro sau liên quan đến danh mục đầu tư bất động sản của Công ty:

Việc chi phí của các dự án phát triển có thể tăng nếu có sự chậm trễ trong quá trình lập kế hoạch. Để hạn chế rủi ro này Công ty thuê các chuyên gia cố vấn chuyên về các yêu cầu lập kế hoạch cụ thể trong phạm vi dự án nhằm giảm các rủi ro có thể phát sinh trong quá trình lập kế hoạch.

Rủi ro giá trị hợp lý của doanh mục đầu tư bất động sản do các yếu tố cơ bản của thị trường và người mua.

d. Tài sản đảm bảo

- Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty đã sử dụng các khoản phải thu, hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình, quyền sử dụng đất làm tài sản thế chấp cho các khoản vay từ Ngân hàng. Giá trị sổ sách của các tài sản thế chấp như sau:

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Tiền gửi có kỳ hạn	1.463.309.182.394	1.296.804.387.038
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	50.000.000.000	57.082.355.143
Hàng tồn kho	2.753.947.891.757	1.666.734.044.996
Tài sản cố định hữu hình	4.591.172.728.109	4.025.090.648.469
Quyền sử dụng đất	908.799.907.627	924.513.459.369
Cổ phiếu	950.158.079.640	997.398.163.912
Bất động sản đầu tư	245.175.437.593	450.771.827.860

- Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024.

07 . Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ kế toán, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

08 . Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS).

Long Xuyên, ngày 26 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Thay mặt Ban Tổng giám đốc Phó Tổng Giám đốc
TRẦN BẢO ĐÔNG	NGÔ THỊ TỐ NGÂN	LÊ THỊ PHƯỢNG